

## Tác Giả và Tác Phẩm

### Du Tử Lê

#### Tiểu sử

Tên thật là Lê Cự Phách, sinh ngày 10/10/1942 tại Hà Nam. Hiện định cư ở Hoa Kỳ.

#### Tác phẩm

Nhà thơ, tác giả của hơn 30 tập thơ, truyện và tùy bút. .



tranh Tạ Ty

### Mục Lục

Tôi, ấu thơ, và mẹ - 2
Con dễ buồn tự tử giữa đêm sương – 9
Phòng vấn Du Tử Lê – Cổ Ngư - 16
Giờ ra chơi cuối cùng.... - 22
Đời ta – 25
Thơ Du Tử Lê – Nguyễn Vy Khanh - 36
Mai Thảo. mãi mãi. Ký ức – 45
Trần Phong Giao, người gác cửa văn học, tạp chí Văn - 50
Cõi thơ – Nguyễn Sa - 58

#### Phụ đính I : thơ Du Tử Lê

Khi tôi chết hãy đem tôi ra biển

Khúc thụ du

Vì em tôi đã làm sa di

Giao khúc tháng sáu

Khi xa Du và T.Ch.

Khi trông thư Thụy-Châm

#### Phụ đính II :

Chung quanh bài viết

“Trùng hợp Nguyễn Tất Nhiên, những ngày tháng, cũ”

Hai bài thơ tình của Du Tử Lê từ tên một người nữ: Hoàng Thụy Châu.

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

## Tôi, ấu thơ và, mẹ

Như mọi người, rất khó cho tôi khi phải tự khẳng định: Tôi là ai?

Chưa bao giờ tôi có ý muốn tự vẽ mình bằng những nét vẽ tốt đẹp nhất, huê dạng nhất. Tôi tự biết: tôi không hề là một con người toàn hảo.

Tuy nhiên, tôi cũng không muốn ôm lấy cho mình tất cả những xấu xa, những hèn hạ... Như vậy, theo tôi, nó cũng chỉ là mặt khác của sự "lên gân," "cường điệu" một cách lố bịch mà thôi.

Tôi vẫn nghĩ, như có lần tôi đã viết xuống trong một câu thơ 6 chữ thôi, nhưng đã có tới 4 dấu hỏi... Câu thơ vài chữ ấy, sau đó, may mắn được nhiều người nhắc nhở. Đó là câu:

Tôi Lê? Lê? Lê? Lê nào?

(Ngoài ý hướng triết lý, tôi muốn nhắc nhở chính tôi rằng:

Sự thực, cuối cùng không hề có một kẻ nào tên Lê trên mặt địa cầu này;) ở mặt phôi ra, cụ thể, tôi muốn nói:

Tôi luôn thấy, trong mỗi cá nhân, bao giờ cũng ẩn tàng rất nhiều con người khác.

Để có được một cái nhìn tương đối khách quan về mình, tôi nghĩ, tốt nhất hãy dựa trên những gì mình đã viết xuống; đã ghi lại.

Với tôi, khi một người làm thơ trước trang giấy, hay trên tấm kính chiếc computer của hắn, hắn thường chân thật với hắn hơn lúc nào hết. (Nói thế, tôi không có ý loại bỏ, cũng có những cá nhân, không ít, thấy họ trở thành người khổng lồ trước trang giấy, hay trước chiếc máy computer của họ.)

Tôi mới có lại cuốn thơ thứ hai trong đời làm thơ của tôi. Cuốn Tình Khúc Tháng Mười Một.

Cuốn thơ này được in năm 1965, tại Saigon; cách đây đã 34 năm. Đó là tuyển tập những bài thơ tôi viết trong khoảng thời gian trước và, sau 1960, khi chưa tới tuổi 20.

Đọc lại, tôi tìm thấy trong tập thơ, một bài thơ nhan đề: Tôi, Du Tử Lê.

Bài thơ có 4 đoạn. Đoạn đầu, tôi viết như sau:

*năm mười sáu tuổi, tôi chính thức khai sinh tên tôi lần thứ hai  
sau lần khai sinh của bố mẹ  
từ đó tôi bắt đầu làm thơ  
tôi bắt đầu sống - tôi bắt đầu đời tôi  
như con sông bắt đầu ra biển  
như tình người mới lớn, rất nhiều bao dung  
như lòng tôi bắt đầu mềm sũng  
bắt đầu yêu ai, bắt đầu bắt hạnh  
bắt đầu từ đó  
tôi, du tử lê. tôi, du tử lê.*

Năm 16 tuổi, cũng là năm tôi bỏ nhà ra đi, sống tự lập bằng những khoản tiền kèm trẻ tự gia. Năm 16 tuổi, cũng là năm thứ ba, tôi phải sống xa mẹ tôi. Một điều, tôi những tưởng không thể nào làm được trong suốt cuộc đời mình.

Với tôi, mẹ tôi không chỉ là người mang nặng, đẻ đau ra tôi. Với tôi, mẹ tôi không chỉ là người nuôi nấng, che chở, ấp ủ tôi, kể từ khi tôi mới lên ba, Thầy tôi chết; rồi một người chị, một người anh của tôi, lần lượt theo nhau, qua đời.

Với tôi, mẹ tôi là toàn thể ký ức thời ấu thơ, niên thiếu tôi; dù cho, đó là một ký ức buồn thảm. Một ký ức đầy khăn tang và, đầy nước mắt. Nhưng ký ức đó, lại chính là cội nguồn, khởi đi của thể giới văn chương tôi, sau này.

Năm 1989 khi mẹ tôi qua đời, tôi ghi lại gần như từng bước hình thành lộ trình ký ức ấu thơ tôi, trong trường khúc "Mẹ Về Biển Đông," (TK/MVBĐ) với những đoạn như:

*trí nhớ tôi là ngôi nhà nằm ven sông đá  
ngôi nhà có rất nhiều cửa sổ  
có cánh cửa ngó xuống nỗi lảm than của máy đời chạy giặc  
những ngôi mộ xói nhanh  
đầu xác người chết trẻ  
xác chị, xác anh  
Nho Quan, mòng ba tét  
những viên đạn lửa không hận thù  
những viên đạn lửa rất khoái trá  
tôi chắc: người xạ thủ Tây Đen, Tây Trắng nào đó  
đã xằng xặc cười  
lúc thấy những viên đạn lửa xuyên suốt qua thân thể anh tôi  
lồ lổ bên bờ ruộng.  
..... nửa đêm người đem tin đập gấp rút cánh cửa gỗ lim tiếng nện thỉnh thịch dội trên những bộ  
ngực thoi thóp vùng tề mẹ tôi xé vội chiếc áo dài trắng  
quấn lên đầu chúng tôi  
và, bà cũng không quên  
tự quấn lấy cho mình  
một mảnh tang khác.*

*mai tôi chết, liệu có ai ngồi khóc?  
như giữa chiều nay, một bến sông!"*

....

Tôi là đứa trẻ không may mắn trong một gia đình nho học cuối mùa.  
Tôi sinh ngày mùng 10 tháng 11 năm 1942 tại huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Khu nhà của gia đình tôi, nằm trên lộ chính dẫn xuống một bến sông của con sông Đáy. Từ bậc thềm cao, tôi có thể nhìn thấy bến sông này mỗi chiều, mỗi sáng.

Cũng nhờ bến sông này, mẹ tôi bương bả nuôi nấng chúng tôi, bằng hai nghề chính, kể từ khi thầy tôi mất: Nghề buôn bán vật liệu xây cát và, làm ô mai...

Khi chiến tranh bùng nổ dữ dội, khi nhân số trong gia đình chúng tôi cứ thừa vắng dần,..., có những giai đoạn, mẹ tôi phải gồng gánh chúng tôi chạy tản cư vào Đồi Mơ, vào Do Lễ, vào Nho Quan... Đó là thời gian trước 1950. Khi hồi cư, không còn ai xây cát, không còn ai đặt mua ô

mai của mẹ tôi nữa! Mẹ tôi xoay qua nghề buôn hàng chuyển.  
Trong thơ tôi, thời điểm này, hình ảnh mẹ tôi được ghi nhận, như sau:

trí nhớ tôi là ngôi nhà nằm ven sông Đáy  
ngôi nhà có rất nhiều cửa sổ  
có cánh cửa ngó xuống bước chân ngược, xuôi của mẹ tôi  
trên lộ trình Hà Nội-Phủ Lý  
những đoạn đường bị đắp mô  
những đêm bạn hàng phải ngủ trọ  
tiếng "mọc chê" câu vào đêm đen  
tiếng nổ "cắc bùm" bắn đi niềm tang chế  
mẹ tôi bưng mặt  
khán nguyện vong linh thầy tôi  
phù hộ cho bà sống sót  
trở về  
nuôi lấy những đứa con côیت  
những đứa con không cha  
những đứa con mất anh, mất chị.

trí nhớ tôi có những cánh cửa  
mở xuống bữa cơm chiều  
bữa cơm có cút rượu trắng, cái cốc sành  
mẹ tôi vừa uống, vừa kể chuyện ngày...xưa  
"ngày xưa" của bà: ngày thầy tôi chưa mất...!

bữa cơm nào của gia đình chúng tôi cũng chấm dứt bằng nước mắt.

khi ấy tôi còn quá nhỏ  
để hiểu mẹ tôi khóc  
cho cảnh tình côیت của chúng tôi  
hay bởi vì làm ăn lỗ lã?  
(Trích TK/MVBĐ)

Chẳng những tôi không có được một tuổi thơ bình thường, như những đứa trẻ cùng thời, (mà,) cả một thơ ấu, một niên thiếu tôi đã trôi lăn theo nước mắt mẹ tôi. Lộ trình tuổi thơ tôi là "Lộ trình nước mắt." Tôi trôi, lăn theo dòng nước mắt không bao giờ ngưng chảy của mẹ tôi, từ Kim Bảng, Phủ Lý, ra tới Hà Nội, 1951. Sau Hiệp định Geneva, cuối năm 1954, theo người anh thứ hai (bị trở thành anh cả,) gia đình chúng tôi di cư vào Đà Nẵng; rồi Hội An; Đà Nẵng; (và,) cuối cùng: Saigon, 1957. Tháng Tư, 75, ngày 29, gia đình người anh lớn của tôi: Di tản...

Mẹ tôi không chịu đi...! Chỉ bởi vì tới chiều hôm đó, mẹ tôi vẫn chưa có tin tức tôi...  
Bà không biết đứa con út của bà, là tôi sống, chết ra sao!  
Thời điểm này, tôi đã lớn. Tôi đã trưởng thành; đã ra đời...  
(Tôi đã kiếm ăn với tất cả những trầy trụa, trầy trụa của một xã hội chiến tranh, điên đảo...)

Mẹ tôi ở với anh tôi và, các cháu, ở đường Trương Minh Giảng. Tôi ở Ngã Bảy; Rừng Cao Su Phú Thọ; rồi Thị Nghè; rồi làng Báo Chí, Xa Lộ. Thời gian 1975, tôi đã bước vào tuổi ba mươi. Dù xã hội khi ấy nhìn tôi thế nào, ra sao, (thì,) mẹ tôi, trong sâu thẳm, cũng như qua tất cả mọi lời nói của mẹ tôi, tôi vẫn là đứa con út côیت, đứa con tật nguyên, đứa con bất hạnh nhất trong số 4 đứa con còn sót lại, sau tất cả 12 lần sanh, nở của bà. Thời gian 1975, dù cho xã hội có đánh giá tôi ra sao, thế nào, (thì,) mẹ tôi vẫn chỉ thấy tôi, trước, sau là "Chú Phá" (tên và,

cách gọi của mẹ tôi, dành cho tôi, tới phút cuối đời bà.) Một "chú Phá" nhút nhát, không bao giờ trưởng thành, như các anh, các chị tôi.

Một "chú Phá" vẫn làm nũng, vẫn sà vào lòng mẹ, kéo căng, vầy vò hai núm vú đã nhăn nheo, đã bèo nhèo, đã đen đúa như hai cục đất nhão của bà...

Nhưng, dù mẹ tôi có yêu thương tôi cách mấy, dù tôi cần thiết biết bao nhiêu, phải có bà cho đời mình; cuối cùng, rồi mẹ tôi cũng qua đời! Bà sống thêm, chỉ được vòn vẹn hai năm, kể từ ngày tôi đưa được mẹ tôi ra khỏi đất nước. Sự ra đi vĩnh viễn của mẹ tôi, không hề mang ý nghĩa cái "lộ trình nước mắt" đời tôi chấm dứt.

Lộ trình dòng lệ không ngừng tuôn, chảy kia, nơi mẹ tôi, lại truyền thừa sang tôi. Tôi trở thành người có thể khóc, bất cứ lúc nào, như một đứa con nít, mỗi khi nhớ, nghĩ tới mẹ tôi.

Nói cách khác, trước sau gì, ký ức tôi, cũng vẫn là ký ức của một kẻ tật nguyền. Ký ức của một kẻ khôn thoát khỏi cái lộ trình nước mắt của chính hắn:

tới lúc chết

mẹ tôi còn ngỡ mình vẫn thờ

giữa Saigon, Trương Minh Giảng, Hồng Thập Tự, Hàng Xanh, Trần Hưng Đạo

những chuyến xa Lam về Hòa Hưng, Ông tạ

những chuyến xe nửa đời, nửa đoạn

những chuyến xe chưa kịp về sông Đáy

đã nghe buồn trên những trở lui...

biển thờ tít chân trời thăm thẳm, chết

biển Đông vào cửa khác, phân, ly

tôi ngồi lại nghe buổi chiều chợp, phủ

nén hương tàn, mộ chí ai kia?

mẹ một thuở theo đàn con đi khuất

để hôm nay mất dấu quay về

trong thân xác đã khô cạn máu đỏ

thịt xương kia rồi cũng rửa, tan.

những ngôi mộ ở bên ngoài đất nước

ngàn năm sau hai tiếng Việt Nam

không ai gọi, không ai còn nhớ nữa

nắm xương xưa rồi cũng quên nguồn.

khi tôi tới những bông hoa ói đỏ

cỏ cây chờ như tượng đã bao năm

tôi muốn chọn một chỗ nằm bên cạnh

không còn cha, môi mẹ máu hoen bầm!

(Trích TK/MVBĐ)

Sau cái chết của mẹ tôi không lâu, một buổi trưa, tôi đang ngồi trong một quán ăn ở miền Nam California, quán Song Long, với Nhà văn Mai Thảo; Bác sĩ Nguyễn Mạnh, một người bạn văn chương (và,) cũng là bạn đồng môn trường trung học Chu Văn An, từ bàn bên cạnh bước qua. Ông bảo tôi, theo ông (thì,) tôi đã mắc phải chứng bệnh Thyroid...

Tôi cần phải đi chữa ngay; nếu không muốn chết bất đắc kỳ tử. Lý do, trái tim của tôi có thể ngưng đập, bất cứ lúc nào!

Bác sĩ Nguyễn Mạnh chuyên về quang tuyến X, nên hôm sau, tôi tới phòng mạch một người

bạn khác. Phòng mạch Bác sĩ Đặng Đức Nghiêm, cũng là chỗ quen biết với tôi... Sau khi thử nghiệm, Bác sĩ Nghiêm nói kết quả thử nghiệm xác nhận: Tôi đã bị mắc chứng bệnh Thyroid. Tôi có cố gắng làm theo những đòi hỏi của B.S Nghiêm, như thử máu, chụp phim,..., nơi phòng mạch của Bác sĩ Phùng Gia Thanh, trong khu Magnolia Medical Center... Tuy nhiên, nửa chừng, tôi lại bỏ ngang. Tôi không đủ phương tiện theo đuổi cuộc chữa, trị. (Khi đó, tôi không hề có Medical, cũng chẳng có bảo hiểm.)

Cuối năm 1991, anh em CVA ở Houston, nhân một cuộc họp mặt cuối năm, mời Giáo sư Toàn Phong-Nguyễn Xuân Vinh qua, nói chuyện. Giáo sư Vinh được mời nói chuyện về đề tài "Hệ thống giáo dục tại Hoa Kỳ." Tôi cũng được anh em mời qua, nói về đề tài "Tình cảnh người cầm bút sau 1975." Lúc phải trả lời những câu hỏi của các bạn đồng môn, có một người không đặt cho tôi câu hỏi nào liên quan tới đề tài; (mà,) lại bước ra, hỏi tôi có biết tôi đang mang chứng bệnh Thyroid trong cơ thể?

Ông hỏi tại sao tôi không chữa chạy căn bệnh ấy?

Người đó là Bác sĩ Hồ Tấn Phước; một cựu học sinh CVA.

Khi được biết, tôi rất muốn chữa, trị; nhưng không có điều kiện...; BS Phước nói, ngay trong buổi họp mặt rằng, anh sẽ chữa, trị cho tôi; chỉ với một điều kiện:

Tôi phải dọn nhà, phải di chuyển về Houston...

Tôi vô cùng cảm động (và,) cũng vô cùng áy náy trước tấm lòng hết mực tử tế của BS Phước.

Khi trở lại Cali, tôi coi chuyện đó như không có. (Tôi không nhìn thấy nơi tôi một khả năng, một cơ hội đền ơn, dù rất nhỏ, dành cho Bác sĩ Phước.)

Tôi tiếp tục chung sống với căn bệnh Thyroid của mình, thêm một năm nữa.

Người tích cực điền toại hồi thúc, thậm chí đề nghị cung cấp phương tiện di chuyển, nơi ăn, chốn ở, xe cộ ...cho tôi là Trương Trọng Trác, tức nhà báo Trọng Kim, một bạn học thuở thiếu thời của tôi. Trước sự quan tâm, hồi thúc tới nao lòng của Trác, cuối cùng, tôi quyết định đình bản tờ báo Tay Phải, di chuyển về Houston. Đó là những ngày đầu năm 1992.

Giai đoạn này, cuộc đời tôi, cũng bắt đầu một khúc quanh khác.)

Theo Bác sĩ Hồ Tấn Phước ở Houston, Texas, người tình nguyện trả tất cả mọi y phí trị bệnh cho tôi, (thì,) Thyroid hay bệnh "Bướu cổ lộ hầu" thường xảy tới cho những người có gia đình đổ vỡ, phá sản, thất tình; hoặc, bị bệnh ưu uất kéo dài quá lâu... Những lời giải thích kia, của Bác sĩ Phước trùng khớp với hoàn cảnh tôi, thời điểm ấy. Thời điểm cuối thập niên 80, đầu thập niên 90. Trước (và,) sau cái chết của mẹ tôi, đời sống tôi là một loạt những đổ vỡ: Đổ vỡ gia đình. Đổ vỡ tình cảm. Đổ vỡ niềm tin, trong đời thường.

Tôi nhận chịu mọi tai ương, không một lời giải thích.

Tôi nhận chịu mọi kết án, nguyên rủa, không một dính chính...

Để chống trả những mạng lưới bủa vây trùng điệp bất hạnh này, tôi tìm vào hai nguồn an ủi chính: Tôn Giáo và, Thi Ca.

Đây là thời gian tôi viết được khá nhiều thơ; (mà,) nguồn cảm hứng chính lại khởi đi từ kinh Phật, (và,) kinh Cựu Ước, nhiều nhất là Tân Ước, của Ky Tô Giáo.

Cũng thời gian này, bất ngờ, cố thi sĩ Nguyễn Sa cho đăng trên Tạp chí Văn của Nhà văn Mai Thảo; cùng một lúc ba bài thơ. Ba bài thơ mở đầu cho loạt thơ (mà,) ông gọi là "Thơ Tám Câu Viết Về Bằng Hữu."

Đó là các bài có nhan đề "Mai Thảo;" "Doãn Quốc Sỹ;" "Du Tử Lê."

Mở đầu bài thơ nhan đề: "Du Tử Lê," cố thi sĩ Nguyễn Sa viết:

[bạn ta bằng nửa con cò](#)

vác trên lưng cái đèn thờ con voi  
con voi nặng cũng vừa thôi  
có em người đẹp lại ngồi bên trên.

Bài thơ sau đó được in lại trong cuốn Thơ Nguyên Sa, tập 3, của Nguyên Sa, tính ra cũng đã gần 10 năm. Tuy nhiên, tới ngày hôm nay, vẫn còn rất nhiều người hỏi tôi:

-Đâu là ý nghĩa sâu xa của câu "có em người đẹp lại ngồi bên trên?"

Tôi nhớ, trong một bài nói về tôi, Nhà thơ Trần Bát Nhã ở New Orleans đã dành nhiều phút giải thích về bài... "Con Cò Du Tử Lê" kia.

Dường những giải thích của họ Trần không thỏa mãn được nhu cầu tìm hiểu của người đọc.

Họ Trần nhấn mạnh khía cạnh "đèn thờ con voi" như một ý niệm về sự vĩ đại của ngôi đền thi ca... Ông không tận giải câu "có em người đẹp lại ngồi bên trên." của Thi sĩ Nguyên Sa. Riêng cá nhân tôi, trước câu hỏi kia, suốt bao nhiêu năm, khi được hỏi, tôi chỉ cười, hoặc lắc đầu. Hôm nay, tôi nghĩ, có lẽ đã tới lúc nên nói một lần, cho rõ ý nghĩa của câu thơ ấy.

Tôi nghĩ, có dễ, đó cũng là cách bày tỏ lòng trân trọng của cá nhân tôi, trước vong linh Thi sĩ Nguyên Sa, một thi sĩ lớn, có tầm ảnh hưởng rộng rãi trong thời đại chúng ta. Theo tôi, chữ "người đẹp" mà tác giả dùng trong câu thơ "Có em người đẹp lại ngồi bên trên" không hề mang ý ám thị một người nữ nào, trong đời sống của tôi.

Chữ "người đẹp" ở đây, Thi sĩ Nguyên Sa muốn nói:

-Cảm hứng trong thơ của tôi, bao giờ cũng bắt nguồn từ những cuộc tình...

Dù cho đó là những cuộc tình ồn ào, tan nát, đầy tai tiếng... Hay những cuộc tình đã âm thầm tan đi; (và,) số người biết được, rất giới hạn.

Nhận định của cố Thi sĩ Nguyên Sa về nguồn gốc thơ tôi, với tôi, là một nhận định rất tinh tế.

Có thể, nhờ từ Việt Nam tới hải ngoại, trong nhiều chục năm, liên hệ giữa chúng tôi không hề bị gián đoạn. Đôi khi, ông cho tôi cảm tưởng, ông hiểu về tôi, nhiều hơn chính tôi nữa.

Quả vậy, ngoài nguồn cảm hứng từ người mẹ, đã qua đời; tất cả những bài thơ tôi viết xuống, dù cho chúng không phải là những bài thơ tình yêu đôi lứa... Nhưng động lực thúc đẩy tôi viết, vẫn là một hay nhiều người nữ.

Thời gian Thi sĩ Nguyên Sa bắt đầu loạt thơ tám câu viết về bằng hữu, cũng là thời gian tôi cho phổ biến bài "Cuối Năm Chuyện Vãn Với Bệnh Thyroid."

Đó là một trong những bài thơ không hề có chung một khởi nguồn: nguồn tình yêu, với những bài thơ khác của tôi.

Bài thơ có những câu rất đời thường, rất thô tháp, như:

ô kê, cũng tốt thôi Thyroid

dù giờ đây chúng ta mới tình cờ nhận ra mặt mũi nhau

dù bạn ở trong tôi năm, sáu năm trước

dù bạn đã chọn những miếng ngon nhất của thân thể tôi

để xơi

xơi từ từ

xơi kín đáo

(như những nhà chính trị khôn ngoan: ngậm miệng ăn tiền)

bạn xơi

miếng gan mềm có máu thơm luân lưu

miếng tim xóp nhiều lỗ

bao năm đập liên hồi trống trận.

Thyroid, chính bạn  
(chứ còn ai vào đây)  
đã xoi của tôi miếng mắt trong  
chính bạn chủ mưu đẩy con người tôi lòi ra khỏi hốc mắt  
bạn chơi khăm quá đi  
chơi đều quá đi  
chơi sát ván  
chơi tôi ná thờ...

hơn ai hết  
bạn biết Chúa từng dặn dò  
nếu để một con người của người có dịp phạm tội  
thì thà chịu chột để được vào nước thiên đàng  
còn hơn giữ nguyên mà sẽ bị đọa về địa ngục.

bạn vẫn nhất định xoi con mắt của tôi  
cũng được đi  
nhưng chả việc gì phải chơi nhau tận tình đến thế...  
dù sao tôi cũng chỉ cần con người của mình lúc này thôi  
(ngay khi chúng từng có cơ phạm tội)  
để nhìn những người tình ra đi  
như nhìn dòng nước chảy  
(những dòng nước không có khởi nguồn  
sẽ lấy đâu làm điểm kết thúc?)

.....

(Năm 1994, khi Luật sư Phạm Đức Tiến, tổ chức cho tôi, một buổi giới thiệu tác phẩm "Chấm Dứt Luân Hồi: Em Bước Ra", ở Thư Viện Trung Ương Arlington, Hoa Thịnh Đốn, tôi nhớ, Nhà văn Trương Anh Thụy đã đề cập tới bài thơ này, một cách sâu sắc...)  
Đó là thời điểm đầu thập niên 90. Thời điểm mà, những người phụ nữ bỏ tôi ra đi. Thời điểm của những cuộc tình khốc liệt. Những cuộc tình, duyên mang đến cho tôi, cùng lúc hạnh phúc chói, gắt; và, tai tiếng xấu, xa; thậm chí, cả những lời nguyên rủa.  
Thời điểm đó, là thời điểm (mà,) cuộc tình giữa tôi và một nữ nghệ sĩ (mà,) tôi gọi là Lãm, hay Lãm Ca, đi tới điểm cực đại của ồn ào, của những lời thêu dệt, của những bài báo, thư rơi...  
Hôm nay, nhớ lại, tôi còn ê chề, tôi còn xấu hổ. Nếu không có hai nguồn cứu rỗi là Tôn Giáo và Thi Ca, tôi nghĩ, hôm nay, tôi đã không còn đứng đây. Bây giờ, ở đây, khi thổ lộ những điều này, với tôi, chính là lời cảm ơn, đồng thời, cũng là, lời xin lỗi... Tôi muốn bày tỏ cùng lúc, lòng biết ơn và, xin tha thứ cho những tội lỗi, những sai lầm, những bầm giập chất chồng từ một quá khứ sắp tròn 60 năm.

(Nếu mẹ tôi có mặt, lúc này, tại đây, bà sẽ không tin tất cả những gì tôi mới tâm sự. Là một người phụ nữ ít học, mẹ tôi lớn lên, lấy chồng, sinh con, nuôi, ru, răn, dạy chúng tôi, bằng kho tàng ca dao, tục ngữ chừng như bất tận; trước sau, với bà tôi không hề là một đứa con trưởng thành. Với bà, tôi không thể là người có thể làm thơ, viết văn, dù chỉ là loại thơ, văn "vớ vẩn" (như sinh thời, bà thường nói.) Tôi vĩnh viễn chỉ là "chú Phá" tật nguyên, tội nghiệp của riêng bà, mà thôi.)

Mặc dù vậy, hôm nay, xin mọi người, xin quý vị hãy vui lòng nhận đón, không chỉ thơ tôi, (mà,) luôn cả con người tôi, trong đời thường. Một con người, phần nào trần trụi, trước mặt quý vị.



## Con đế buồn tự tử giữa đêm sương

Nhiều năm qua, mỗi lần kéo valise ra xe, đi phi trường, tôi thường tự hỏi: Di chuyển, phải đó là định mệnh mới, chính và, cuối, đời mình? Lần nào tôi cũng nghe được câu trả lời dứt khoát, mạnh mẽ, không. Tôi không hề có chung mơ ước với tác giả Vang Bóng Một Thời; khi ông cho thấy, ông rất tâm đắc với câu nói của một nhà văn tây phương, rằng, lúc chết, ông muốn người ta lột da ông, làm valise, cho ông được đi tiếp.

Tôi vẫn nghĩ, nếu được lựa, chọn, tôi chọn ở bèn chặt, ở dài lâu một nơi chốn. Nếu được lựa, chọn, một ngày nào, tôi muốn báo, đền quê hương tôi, phần thịt, xương mục, nát của mình. Ngay nhúm da vô nghĩa, nếu không thành phân bón cho cây, cỏ; tôi cũng mong, chí ít, nó sẽ là thực phẩm cho côn trùng...

Mấy lúc gần đây, tôi chợt hiểu, tôi không chỉ nợ con người, đất nước, (mà,) tôi còn nợ rất nhiều côn trùng... Tôi biết, có người sẽ khó nhịn cười, khi nghe tôi, khẳng định: Côn trùng, (thú vật nữa,) là những người bạn thân thiết nhất của tôi, suốt thời thơ ấu!

Nhiều năm qua, mỗi lần kéo valise ra xe, đi phi trường, tôi thường tự hỏi: Di chuyển, phải đó là định mệnh, chính và, cuối đời mình? Lần nào, tôi cũng nghe được câu trả lời dứt khoát, mạnh mẽ, không...

Tôi vẫn nghĩ, nếu được lựa, chọn, tôi chọn ở bèn chặt, ở dài lâu, một nơi chốn...

Như vừa qua, khi kéo chiếc valise lên xe của N., ra phi trường John Waynes, chờ chuyến bay đi Hoa Thịnh Đốn, tôi trực nhớ, cách đây đúng một tuần, chuyến bay từ Sydney mới thả tôi xuống phi trường LAX. Khả năng tự điều chỉnh giờ giấc, điều chỉnh thân, tâm với mỗi nơi chốn, trong tôi, chưa thích ứng; tôi lại giam, nhốt tôi trong một chuyến bay đặng đặng, khác.

Lúc được mời lên sân khấu, phát biểu, đầu óc, máu huyết tôi còn bồng bênh, nhập nhoạng Sydney, Blue Mountain, Melbourne, Yra, Garden Grove, Westminster, Cleveland, Falls Church... Tôi tự hỏi, phải xu hướng định cư, xu hướng bèn chặt...(nên,) trước mấy trăm thân hữu, cuộc họp mặt ở Hoa Thịnh Đốn, tôi nói: Nơi chốn, tự nó không có một giá trị, một ý nghĩa nào, nếu không có con người. Chính con người cho nơi chốn một linh hồn, một trái tim, và từ đó, nơi chốn mang ít, nhiều ý nghĩa..."

Tôi nói, chính những người có mặt ở đây, đêm đó, đã cho Hoa Thịnh Đốn, một linh hồn, một trái tim. Và, một trong những nơi chốn, tôi mơ ước trở lại, khao khát được sống với, là Hoa Thịnh Đốn... Nửa đêm, tôi mang niềm mơ ước được sống với một số nơi chốn, cùng tôi, lên xe Phó Ngọc Văn. Nửa đêm, mơ ước về một nơi chốn, cùng tôi, trôi trong biển sương mù, Virginia, mùa đông. Trôi cùng tôi, còn là hình ảnh những pho tượng trắng co ro, ké né cạnh những gốc phong cổ thụ, trơ xương, và, con suối đóng băng, chẻ đôi cánh rừng, sau lưng ngôi nhà Nguyễn Mạnh Hùng, đường Wynford.

Trôi cùng tôi, còn là những bờ, luống kỷ niệm Victoria, tươm, nóng lênh đênh. Trôi cùng tôi, còn là ngọn đèn, tiếng hát, căn phòng Melbourne, lỗ mũi thương yêu, loang lỗ ký ức.

Trôi cùng tôi, còn là những ngọn nến, đêm, sông Hương, rằm tháng Bảy, (với Hạnh, xưa,) khi ngược chiều xa lộ 95, là những đôi mắt xe, bập bênh, trôi, chậm. Trôi cùng tôi, còn là câu thơ mới của Phó Ngọc Văn: Chẻ đôi xa lộ, bồng sầu tự nhiên...

Tôi không nghĩ Phó Ngọc Văn chỉ muốn đọc tôi nghe, câu thơ kia, như một bộc bạch tâm sự Văn, những năm, tháng gần đây. Tôi nghĩ, có thể, Văn muốn chia sẻ với tôi, những chia cắt, đứt lia tự nhiên, tựa đó mới chính là khuôn mặt đích thực đời sống. Tôi nghĩ, bạn tôi, có thể, muốn nhắc nhở, dẫu cho chúng tôi có gánh, vác trên vai, mối sầu muộn nào, (thì,) cũng là lẽ đương nhiên, thường hằng của mỗi con người. Mối sầu, (sự phiền muộn) dường không còn là loại xa xỉ phẩm, đồ trang sức cần thiết cho tâm hồn, thuộc riêng một giới nào nữa. Nó không còn thuộc về một chiếc linh hồn nhỏ / mang mang thiên cổ sầu, như hệ đàn anh của chúng tôi. Thế hệ Huy Cận.

Bất hạnh, (khuyết tật,) tôi nghĩ, đã là tấm thẻ nhận dạng của thế hệ chúng tôi, cùng nhiều thế hệ kế tiếp. Bất hạnh, (khuyết tật,) như tình yêu, giúp chúng ta trưởng thành; đồng thời giúp thế hệ sau, sống được, sống cùng, lớp trước. Tôi biết, tôi đã mang câu thơ bạn tôi, đi xa, quá xa chiếc bóng nó. Bởi vì khi bạn tôi viết chẻ đôi xa lộ, bỗng sầu tự nhiên, có dễ, nó chỉ có nghĩa: chẻ đôi xa lộ, bỗng sầu tự nhiên thôi. Chính tôi, đúng vậy, chính tôi phá hỏng chữ tự nhiên (mà,) tôi thích. Tôi cho là đáng kể nhất trong câu thơ đó.

Nhưng, tôi cũng tin, bạn tôi đủ rộng lòng, xóa bỏ lỗi tôi; như Hoa Thịnh Đốn, đủ bao dung, để tha thứ, cảm thông tôi, một khi Hoa Thịnh Đốn biết, giữa Virginia, (mà,) tôi nhớ biết bao, Melbourne.

Nhiều năm qua, mỗi lần kéo valise ra xe, đi phi trường, tôi thường tự hỏi: Di chuyển, phải đó là định mệnh mới, chính và, cuối, đời mình? Lần nào tôi cũng nghe được câu trả lời dứt khoát, mạnh mẽ, không...

Nếu được lựa, chọn, tôi chọn ở bèn chặt, ở dài lâu, một nơi chốn. Thí dụ, Melbourne.

Tôi trở lại Melbourne, sau mười hai năm. Mùa hè, Melbourne, thành phố vẫn nhận được những cơn mưa bụi vào sớm mai, buổi chiều, hay cuối khuya kia, nhưng chẳng nhờ thế (mà,) nó không khô, cháy cuồng hống vì mùa hè, chói gắt đường phố.

Mùa hè, Melbourne, mười hai năm gặp lại, đã mở lớn cánh cửa tình yêu thứ nhất, dành cho tôi, như sự dang rộng đôi tay nhưng lựa của người mẹ (thay vì cha) mừng đón đưa con hoang đang trở về.

Melbourne, mười hai năm gặp lại, đã mở hết cánh cửa tình yêu, mùa hè, cho tôi, sớm hôm, đời khác. Ngay cả mùa hè, có như ai đó, (phải chăng, Phạm Duy,) cho rằng, chúng ta chỉ có một mùa hè thôi..., (thì,) nó cũng đã là một ân sủng, một tặng phẩm lớn lao, tôi không hề mơ tưởng, nhận được từ Thượng Đế.

Melbourne, mùa hè, mở cho tôi cánh cửa mang tên Hà Công Phúc, Lê Văn Thanh, Hồ Công Lộ, Nguyễn Thuyên...những con người quá mức thiết tha với Việt Nam; những trái tim quá mức mặn cảm với tổ quốc.

Melbourne, mùa hè, mở cho tôi cánh cửa, bước vào ngôi nhà Lê Thanh Cảnh. Nơi tôi không chờ đợi được thấy dáng ngồi rất Serenata, được nghe tiếng đàn (hay nổi lòng) rất Serenade, từ những ngón tay mười chín, hai mươi, chạy trên phím dương cầm của một giáo sư piano, là chị Cảnh. Cùng với mưa (như bụi,) rơi bên ngoài tòa lâu đài, tôi cũng cũng không chờ đợi được nghe Giáo sư Nguyễn Xuân Định, nói về ngữ pháp, và, nhất là, tiếng hát rất Anh Ngọc, của ông.

Melbourne, mùa hè, mở cho tôi cánh cửa, bước vào ngôi nhà của một Trần Quốc Đông, người bạn thời niên thiếu.

Cùng với mùa hè Melbourne, Đông cho tôi những chăm sóc chu đáo, những lo lắng tế nhị, những

thăm hỏi, nhắc nhở dịu dàng... Như thế tôi không phải là thằng bạn thời niên thiếu của Đông; (mà,) tôi là đứa em út, thất lạc bao năm, bỗng không Đông tìm lại được...

Tôi nghe lòng mình mềm, sưng với cảm tưởng, vợ chồng Trần Quốc Đông muốn chăm chút, đền bù cho đứa em út kém may mắn... Và, tôi đã thọ, hưởng một cách tận tình, hạnh phúc, những tình cảm này, từ bạn. (Tuồng ngay tôi, cũng thấy tôi là đứa em út thiếu may mắn của vợ, chồng Đông vậy.)

Cũng tại tòa nhà mới mua của Đông, mùa hè, Melbourne, tôi được nghe, biết bao tiếng hát. Tôi thọ, hưởng biết bao thương yêu; nhất là tấm lòng, tiếng hát Hương-Thuận.

Tôi muốn nói với Hương-Thuận, đừng cho tôi thêm nữa, thương yêu. Đừng cho tôi thêm nữa, trên ngọn tình sâu; k. khúc của lê; ơn em; trong tay thánh nữ, có đời tôi...

Đừng cho tôi thêm nữa, chỉ nhớ người thôi, đủ hết đời; đêm, nhớ trăng saigòn, người về như bụi; hãy bảo tôi; em ngủ trong một mùa đông,...

Cũng trong tòa nhà của Đông, tôi muốn nhờ Hương-Thuận, nói với người con gái, đừng cho tôi thêm nữa: ngày dù xa khơi có luyến tình người - giọng buồn không vui sẽ tắt nụ cười - một ngày yêu nhau, buồn cho chín kiếp thương đau - rồi về mai sau, có nhớ tình đầu - ngày buồn không vui, chấp nối hận sâu - một ngày xa nhau - chỉ còn thương đau - chỉ còn thương đau...

Duyên Thè, phải đó là nhan đề ca khúc? Tôi cố để không nói với Hương-Thuận, với người hát rằng, đó là bài hát đã ở với tôi, khi tôi còn tấm bé. Ca khúc mà người anh thứ hai của tôi, (anh Dự,) cuối năm 1954, từ chối di cư vào Nam; trước khi lặn lội bỏ nhà, bỏ Hà Nội, một mình trốn về Hà Nam, tìm lại ngôi nhà chôn nhau cắt rốn, từng hát, từng tặng lại chị Quy tôi, như kỷ niệm (tường chừng duy nhất, cuối cùng, cho một chia tay chị, em, vĩnh viễn!)

Melbourne, mùa hè, mở cho tôi cánh cửa tiếp xúc với những người trẻ đặc biệt của Victoria.

Như Quốc Tuấn, đã làm tôi bất ngờ, tới ngõ ngàng, khi trên sân khấu Happy Receptions, Quốc Tuấn hát Dòng suối trăm năm. Tôi không chờ đợi Tuấn yêu thích bài này. Tôi càng không chờ đợi Tuấn hát nó. Vậy mà, Tuấn đã hát. Tuấn hát với tất cả trân trọng, tấm lòng gửi vào những vết thương tôi, e nhiều đời khôn khép miệng.

Chè đôi sông, núi: kên, nương cạn / đêm quấn khăn vào sâu ấu thơ / chè đôi thân, thè: mù tăm tích / ta nghĩa trang nào chôn cất nhau?

Không! Tôi không chờ đợi, điều đó. Cũng như tôi không chờ đợi, nghe tâm sự của Trần Quốc Hùng, người lính, người tù cải tạo, (luật sư hôm nay,) sau hai mươi sáu năm bặt tin nhau, nơi quê người.

Tâm sự hay, mối tình đầu đời của Hùng, với Lê Thị Kim Hường Trâm, cháu ruột của tôi? Tâm sự hay, niềm ngậm ngùi, nỗi bất hạnh (tật nguyên) của thế hệ Hùng và Trâm?

Tôi không biết tôi phải chọn điểm đứng nào giữa hai đầu tan vỡ?

Bây giờ Trâm đã có gia đình. Hùng cũng vậy.

Tôi chỉ có cho tôi, xúc động. Tôi nghe gai ốc trên da thịt, từng hồi. Tôi điếng lặng, nghe Hùng kể, trong một lá thư nào đó, Trâm thẳng thắn cho Hùng biết, hãy quên Trâm đi. Thời gian, khoảng

cách, quê người đã biến Trâm thành một kẻ khác, từ tâm hồn tới hình hài! Trâm thực tế, Trâm mặt đất...như bất cứ một người phụ nữ Việt Nam nào, khi bước ra từ cái melting pot của xã hội Hoa Kỳ...

Và, Hùng, một mình, đi tiếp con đường lý tưởng thời tuổi trẻ. Hùng, một mình, đi tiếp con đường Hướng Đạo, con đường Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc...

Bây giờ, mỗi ngày, với bút hiệu Quốc Việt, Hùng gửi tấm lòng, trái tim nước non của mình, trên làn sóng SBS, Victoria...

Sau khi chia tay Hùng, tôi chợt nghiệm thấy: Nếu có những giọng nói có khả năng mang chúng ta bay thẳng tới tương lai, thì cũng có những giọng nói, tự thân, có âm lực ném trả chúng ta, ngược về quá khứ.

Quá khứ, gần ba chục năm. Quá khứ, ngôi nhà, Trương Minh Giảng. Quá khứ, Huế, Quảng Trị, Vũng Tàu, Thị Nghè...Quá khứ, những ngày chinh chiến một thời của Hùng, và Hương Trâm; và tôi, hôm nay, tột nguyên (trong nghĩa nào,) trước mỗi tình của họ!

Quá khứ, tôi nghĩ, nếu muốn, tự nó cũng có thể làm lấy cho nó một buổi kỷ niệm, mang tên ba mươi năm. Như người ta thường tổ chức những buổi kỷ niệm... ba mươi năm lấy nhau vậy!

Nhưng, nồng nàn trên mọi nắng, gió; sâu, lắng dưới mọi bất hạnh (tột nguyên,) Melbourne, mùa hè, đã mở cho tôi cánh cửa bé dại; cho tôi gặp lại những người bạn còn trùng, thời thơ ấu.

Đó là người con gái tên K., từ hàng ghế khán giả, đứng lên, xúc động hỏi tôi về con đé trong Trên ngọn tình sầu.

Trên sân khấu Happy Receptions, mười hai năm, gặp lại, tôi nói, tôi là đứa trẻ không may mắn. Với một bàn tay, có tới sáu ngón tay, tôi không chỉ tột nguyên tinh thần, như nhiều người thế hệ tôi, mà, tôi còn tột nguyên thể chất nữa...

Tôi nói, tuổi thơ tôi, giới hạn trong khu nhà của gia đình tôi, ở Phủ Lý. Tuổi thơ của tôi, quanh quẩn với mẹ, chị vú, u già, người chị gái sát tôi... Bạn tôi là...côn trùng, cùng nhiều sinh vật nhỏ bé, khác...

Tôi kể tên những người bạn tôi thời thơ ấu. Tôi nói, họ có tên là cào cào, châu chấu, đé cơm, đé trũi, đé đá...

Tôi kể tên những người bạn tôi thời thơ ấu. Tôi nói, họ có tên là ếch, nhái, chuột bạch; chim sẻ, chào mào, chim sáo... Tôi nhắc tới tên cá đuôi cò, cá rô, cá bò, cá trê, cá chép... Những con cá tôi lấy trộm từ mỗi mẻ cá mẹ tôi mua từ chợ hay, người ta mang đến tận nhà... Tôi thả bạn tôi vào những chum, vại chứa nước mưa. Tôi cũng thả các bạn tôi vào bể nước lớn... Nơi hàng năm, tới mùa mơ chín, mẹ tôi mua mơ về, ngâm muối, làm ô mai cung cấp cho các đại lý... Các Bạn tôi, dù khỏe như cá bò, cá trê, dù tôi có lên thăm nom, thả cơm cho bạn hàng ngày, thì, cuối cùng, bạn tôi vẫn bỏ tôi đi! Bạn tôi vẫn...chết.

Sự bỏ đi vĩnh viễn của các bạn tôi, dĩ nhiên chỉ khiến một mình tôi buồn. Nhưng ngặt nỗi, cái chết của các bạn tôi, lại làm tanh, thối bể nước, chum, vại... Với chum, vại còn dễ, chúng nhỏ thôi; nhưng cực nhát, phiền phức nhất, là sự xúc bể... Những người làm của mẹ tôi phải dùng bàn chải cứng kỳ cọ thành vại, đáy bể trước khi đổ nước mới vào, ngâm nhiều ngày...và, cứ thế, cho đến khi bể nước thực sự hết mùi...

Tôi nghĩ, mẹ tôi biết tôi là thủ phạm chứ! Nhưng lần nào bà cũng la toáng lên. Bà làm bộ hỏi u-già, chị vú của tôi, biết đưa nào thả cá vào hồ, chỉ cho bà, bà sẽ, đánh cho nó một trận... nên thân...cho nó chừa!

Lần nào, tôi cũng trốn sau các vựa lúa, hoặc chạy băng qua mấy chiếc sân lớn, tới khu đất bán đồ xây cất...Tôi làm bộ tha thẩn đứng nhìn mấy dây thiên lý bò dọc theo bờ tường, như thể chẳng một liên hệ mấy may gì tới những xáo trộn, ồn ào kia!...

Trên sân khấu Happy Receptions, tôi trả lời K., khi tôi viết con đế buồn tự tử giữa đêm sương..., ý tôi chỉ muốn nói, tôi không có tuổi thơ, hay tuổi thơ tôi bị thất cổ chết một cách tức tưởi, âm thầm, không ai hay biết, chẳng ai buồn để ý...

Tôi đâu ngờ, sự thành thật, như một đèn đáp của riêng tôi, trước lòng chân thiết của những người trẻ ở Happy Receptions, như Hồng Liên, Đinh Hương, Tuấn Kiệt, Xuân Hùng, Nghiêm Lệ, Anh Đào...lại khiến K. bung mặt khóc suốt...

Nếu Anh Đào không kể lại, tôi đâu biết, câu trả của tôi, làm K. nhớ lại người chị, vài năm trước, một đêm, cũng tự tử bằng cách...thất cổ.

Tôi không biết, liệu có liên hệ gần, xa nào giữa con đế buồn...trong thơ tôi và cái chết của người chị của K.(?) Vì, khi tôi hỏi Anh Đào, K. đâu? K. đâu rồi? Thì Anh Đào bảo, cô đã bỏ về ngay lúc chương trình vừa chấm dứt. Lúc mọi người bận rộn, tíu tít chụp hình, chụp ảnh với tôi, trên sân khấu! Nhưng một chuyện cũng liên quan tới những người bạn tôi thời thơ ấu, tôi biết rõ, nhờ nhân vật trong chuyện, còn sống, sau này, trở thành bạn tôi, là Nguyễn Vũ Nhã. Nhã kể, những năm đầu ty nạn, một đêm, cuối thập niên 70, ở San Jose, khi tuyệt vọng như những cánh tay bạch tuộc, chặn bít mọi nẻo đường sự sống, Nhã quyết định bước vào ngõ hẹp duy nhất (mà,) tuyệt vọng chừa lại cho Nhã là: tự vẫn!

Trước khi uống thuốc, tự kết liễu đời mình, Nhã viết nguệch ngoạc mấy chữ vào tấm napkin, nơi bàn ăn: con đế buồn tự tử giữa đêm sương...

Nhã kể, sớm mai, các bạn chung nhà, không thấy Nhã dậy để chuẩn bị đi học, lại tình cờ đọc được dòng chữ nguệch ngoạc của Nhã, họ chạy lên lầu, xô cửa phòng Nhã...

Khép lại một trong những chương sách buồn bã nhất đời mình, Nhã gượng cười, bảo tôi, Nhã đâu ngờ, chính con đế, (một trong những người bạn tôi thời thơ ấu, đã tự tử trong thơ tôi,) lại là keù cứu mạng Nhã.

Sau này, trong bài Thơ từ note book tháng 12-96 hay những cảm dỗ của nửa sự thật, bên kia, đề tặng Nguyễn Vũ Nhã, có đoạn, tôi viết:

ngọn đèn cảm dỗ tôi / bằng ly nước, những viên thuốc độc và, quyết định tự tử của con đế / em cảm dỗ tôi / bằng bước trở lại / (của chính tôi) / từ bên kia cánh cửa thần chết /...(\*)

Nhưng, nồng nàn trên mọi nắng, gió; sâu, lắng trên mọi bất hạnh (tật nguyên,) Melbounre, mùa hè, cũng đã mở cho tôi cánh cửa tuổi trẻ, với Kiệt, Hùng, Chí Thượng, Thanh Trúc... ở chương trình phát thanh mang tên VVV...

Từ những người trẻ này, một người trẻ, có dễ trẻ nhất, trong số họ, bước ra, hỏi tôi có đọc The Thorn Birds, của Colleen McCullough? Cô bé hỏi tôi, có đọc Hermann Hesse? Câu chuyện dòng

sông? Tôi nói, có. Có chứ. Chẳng những tôi đọc, mà nó còn là một trong những cuốn sách tôi thường mang theo, trong những chuyến đi dài ngày.

Tôi nói và, chỉ cho cô bé thấy những đoạn tôi gạch dưới. Chẳng hạn đoạn đối thoại giữa Meggie và cha Ralph, nơi chương thứ 16:

“...Her hand stole along his bare arm, tenderly. ‘Dear Ralph, I do see it. I know, I know.... Each of us has something within us which won’t be denied, even if it makes us scream aloud to die. We are what we are, that’s all. Like the old Celtic legend of the bird with the thorn in its breast, singing its heart out and dying. Because it has to, it’s driven to..... Everyone singing his own little song, convinced it’s the most wonderful song the world has ever heard..... All we can do is suffer the pain, and tell ourselves it was well worth it.’ ” (\*\*)

Tôi trả lời cô bé, cùng lúc nhận ra, cô cũng chính là người hát Duyên Thề, buổi tối, trong ngôi nhà Trần Quốc Đông. Tôi nhớ, khi đọc truyện này, tôi rất thích những đoạn cậu học trò Tất Đạt, ngây ngô trong vòng tay ái ân lão luyện của kỹ nữ Kiều Lan... Tôi cũng rất thích cái theme hay cái manifesto (theo cảm nhận của tôi,) khi Hermann Hesse nhấn mạnh ý niệm mọi tìm kiếm chân lý, chỉ có thể thực hiện được bằng sự kinh qua bản thân, chính mình. Nó không thể từ kẻ khác; dù người ấy là Đức Phật...

Bởi, một khi phải dùng tới ngôn ngữ, để truyền đạt, thì ngay Đức Cồ Đàm cũng phân chia sự vật, ý niệm thành nhiều phần, dạng khác nhau. Trong khi chân lý, đại ngã, thậm chí hòn đá, là một -- là hòn đá, vậy thôi...

Tôi nhớ, tôi đã không thấy cần thiết hỏi tên, địa chỉ, hoặc số điện thoại của cô bé. Vì cô bước ra từ đám người trẻ nhất, tôi được tiếp xúc, sinh hoạt, sống cùng, như Kiệt, Hùng, Chí Thượng, Thanh Trúc, nên tôi gọi cô là Thanh Tịnh. Và, tuồng, cô cho tên gọi, chỉ là chuyện nhỏ.

Phải, tất cả chỉ là chuyện nhỏ, khi chúng tôi có thể nói chuyện với nhau, về những chuyện (tưởng chừng) ghê gớm, lớn lao hơn...

Như khoảng cách chỉ một đường tơ mợ hồ giữa chính, tà, một trong vài theme lớn của truyện Kim Dung. Như tính tri kỷ tới não lòng (bất nhân?) của đôi bạn Khúc Dương / Lưu Chính Phong trong bộ Tiểu Ngạo Giang Hồ.

Thanh Tịnh hỏi tôi có chú ý tới sự bình thản của Lưu Chính Phong, khi tiếp nhận tin con ông bị giết? Thanh Tịnh hỏi tôi, có quan tâm đoạn Cha Ralph trong The Thorn Birds, thú nhận với Cha Bề Trên: ông thấy mình là kẻ tội lỗi -- Thì, Cha Bề Trên bảo cha Ralph rằng, con người, dù là ai, cũng không thể xét tội mình...

“Vì phán xét là quyền của Chúa. Chỉ riêng Chúa mới có quyền năng ấy.”

Chuyện nhỏ! Nhỏ thôi. Nhỏ quá đi chứ, khi cô cho tôi biết, cô đã đọc vì em, tôi đã làm sa di; tiếng kêu nào / bên kia thời tiết /; tôi, ấu thơ và, mẹ; ở chỗ nhân gian không thể hiểu...

Nhưng tôi không biết, có phải là chuyện nhỏ chẳng, khi cô nêu vấn đề kiếp khác, đời sau theo quan điểm Phật giáo, và sự phủ nhận tin tưởng này, theo Ky Tô giáo...

Cô nêu vấn đề Việt Nam, đất nước sau 1975...

Trở lại California, với nợ áo, cơm, đời thường, đọc lại Câu Chuyện Dòng Sông, The Thorn Birds, Tiểu Ngạo Giang Hồ...; nhớ lại những phát biểu bất ngờ của Thanh Tịnh, những câu nói / hỏi (cũng đầy bất ngờ Thanh Hồng, Hương Thuận, Chí Thượng, Kiệt, Hùng, Thanh Trúc... ở Melbourne, mùa hè, tôi càng nghiệm ra: Tên gọi hay, bất cứ một danh từ, một lý thuyết, một nhân danh nào, xét tới rốt ráo, cũng chỉ là...chuyện nhỏ.

Đúng vậy! Chuyện nhỏ!

Qua Thanh Tịnh, qua các tác phẩm, tôi thêm hiểu rõ, đạo đức, chân lý nào cũng đều có đủ, hai mặt. Như Tất Đạt nói với Thiện Hữu rằng, thế giới

...Hoàn hảo trong mọi giây phút, mọi tội lỗi đều mang theo với nó sự ân xá, mọi trẻ con đã là những ông già tiều tàng, mọi mầm non đã sẵn mang chết chóc, và trong mọi người hấp hối, đã có sự sống vĩnh cửu. Một người không thể nào thấy được người khác đã đi bao xa, đức Phật hiện hữu trong kẻ trộm cướp và tay bạc bịp. (...) Bởi thế đối với tôi dường như mọi sự vật hiện hữu đều tốt cả - chết cũng như sống, tội lỗi cũng như thánh thiện, khôn ngoan cũng như điên rồ... (\*\*\*)

Trở lại California, với nợ áo, cơm, đời thường, những lúc dành giựt được từ bàn tay khắc nghiệt ngày, tháng dăm mụn, miếng thời gian thừa thãi, tôi lấy làm tiếc, đã không nói được với những người trẻ, với Thanh Tịnh, mùa hè, Melbourne, những suy nghiệm mới của mình.

Chẳng hạn, tôi cho rằng, người ta không chỉ học được nhiều điều, từ kho kinh nghiệm của những người từng trải, mà, người ta còn học được rất nhiều điều, từ những trong sáng, tinh khiết nữa.

Chẳng hạn, tôi cho rằng, khi Tất Đạt hay, Hermann Hesse còn đặt vấn đề đại ngã, sự không có thời gian, vì chỉ có cái duy nhất là hiện tại, hiện hữu, thì, mặc nhiên, ông đã làm một so sánh, hay liên tưởng tới tiểu ngã, quá khứ, tương lai...

Bởi, cũng ông, chính ông nói, khi chúng ta còn phải dùng tới văn tự, ngôn ngữ để truyền chân lý, thì tính giới hạn, nhị nguyên cũng đã có mặt trước khi văn tự hay, ngôn ngữ được sử dụng...

Tôi nghĩ, có lẽ, chúng ta chỉ nên tự hỏi mình: Chúng ta có đang thực sự sống (?) Và sống thế nào? Sống với một đấng thiêng liêng, (tôi gọi là Đấng Một,) hay mình ên, ngoài vũ trụ?

Ngay vấn đề huyết thông, tương quan cha mẹ, con cái, tình yêu, vợ chồng, tôi cũng muốn kể với các bạn trẻ, với Thanh Tịnh rằng, tôi đọc được đâu đó, những câu hỏi (nhắc nhở?) đại loại:

-Chẳng qua, chúng ta đã không chịu nhận chân sự thật: Những đứa con chỉ mượn cửa ngõ cha mẹ, để với dạng con người, chúng tiếp tục nghiệp chúng?

Hoặc:

-Qua nhiều đời kiếp, thế hệ, chúng ta vẫn không đủ ngay thẳng, công bình, để nhìn nhận rằng, việc sinh thành ra những đứa con, từ chúng ta, cũng chỉ là một thứ nghiệp, (mà,) chúng ta phải trả, vậy thôi!...

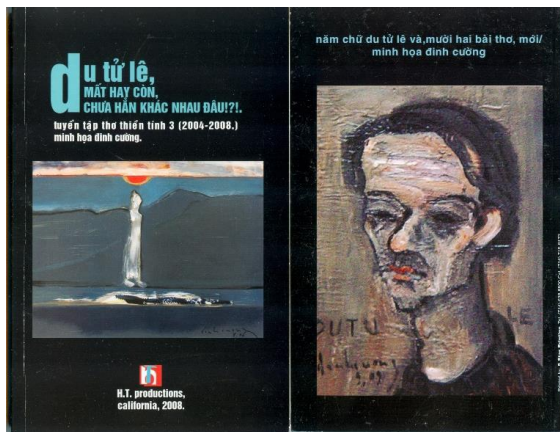
Nhiều năm qua, mỗi lần kéo valise ra xe, đi phi trường, tôi thường tự hỏi: Di chuyển, phải đó là định mệnh mới, chính và, cuối, đời mình? Lần nào tôi cũng nghe được câu trả lời dứt khoát, mạnh mẽ: không...

Tôi vẫn nghĩ, nếu được lựa, chọn, tôi chọn ở bền chặt, ở dài lâu một nơi chốn. Nếu được lựa,

chọn, một ngày nào, tôi chọn báo đền quê hương tôi, phần thịt, xương mục, nát của mình. Ngay nhúm da vô nghĩa, tôi cũng mong, nếu không thành phân bón cây, cỏ; chí ít, cũng sẽ là thực phẩm cho côn trùng. Mấy lúc gần đây, tôi cũng chợt nhận ra, tôi không chỉ nợ con người, đất nước; (mà,) tôi còn nợ rất nhiều những người bạn tôi, thời thơ ấu...

Và, hôm nay, tôi lại cảm nghiệm thêm (rằng,) tôi đã nợ mùa hè, Melbourne... Một trong những nơi chốn, tôi sẽ chọn ở bên chặt, ở dài lâu, nếu được phép. Nhưng trên tất cả, tôi nghĩ, chung quy, vẫn là cái nghiệp và, sự kỳ diệu của bàn tay Đấng Một. Như con đê tôi bắt nó phải tự tử (trong thơ tôi, cách đây nhiều chục năm) âu cũng là nghiệp của nó! Như mùa hè, Melbourne, những cánh cửa, đêm, tiếng hát, mưa, tôi và những người bạn tôi, thời thơ ấu, lại đang nắm tay nhau, bước vào nghiệp, khác?

## Du Tử Lê



*Văn chương không phải là nơi để biểu diễn  
những kiến thức hay khuynh hướng của chúng ta  
Cổ Ngự thực hiện*

Lời nói đầu: Bài viết này ghi lại cuộc phỏng vấn trực tiếp nhà thơ Du Tử Lê trong chương trình «Du Tử Lê, Thi ca & Âm nhạc» do Thư viện Diên Hồng tổ chức tại Paris, ngày 05.06.2004. Vì thế, người đọc sẽ có dịp so sánh cách sử dụng ngôn ngữ rất «đời thường» của nhà thơ trong bài tường thuật này với các bài phỏng vấn được chuẩn bị trên giấy mực đã thực hiện từ trước đến nay.

*Cổ Ngự: Thưa nhà thơ, độc giả của Thư viện Diên Hồng, có nhiều người đã biết đến và yêu chuộng thơ Du Tử Lê từ lâu. Quá trình sáng tác liên tục của ông có chiều dài của thời gian và độ dày của số lượng các tác phẩm. Nhưng tất cả đều có sự khởi đầu. Xin ông nói về thời gian bắt đầu làm thơ, gửi thơ đăng báo. Những bài thơ đầu tiên ấy có ảnh hưởng gì không đến sự nghiệp của ông, sau này?*

Du Tử Lê: Bài thơ đầu tiên dùng bút hiệu Du Tử Lê được đăng trên tạp chí *Mai* năm 1958. Thời đó, người ta đối đãi rất trân trọng với các văn-nghệ sĩ. Tạp chí nhắn tin, mời ông Du Tử Lê ghé toà soạn lấy nhuận bút hay báo biểu gì đó. Lúc ấy, tôi không muốn cho mọi người biết tôi còn quá nhỏ, nên không xuất hiện. Được thấy tên mình trên bìa tờ tạp chí, cùng với tên của các ông Dzoãn Quốc Sỹ, Nguyễn Thiệu Lâu, đối với tôi, đó là một hạnh phúc, vượt ngoài mơ ước của



mình. Sau đó là tạp chí *Văn Hữu* của cơ quan Văn hóa Á châu, rồi *Bách Khoa*. Riêng ở tạp chí *Văn*, thì tới năm 1964 (?), *Văn* số 4 mới đăng bài đầu tiên của tôi. Khi đó, tôi không quen ai ở báo *Văn* cả. Anh Trần Phong Giao cũng nhắc tôi đến tòa soạn. Thời đó, báo *Văn* chia các tác giả ra làm hai loại. Loại thứ nhất, khi có bài đăng, được nhắc đến để cho báo biểu, sau một thời gian, tùy quyết định của tòa soạn, tác giả đó có được nhuận bút hay không. Khi anh Trần Phong Giao nhắc, tôi có nhờ một người bạn lớn tuổi, đến tòa soạn, nhận là Du Tử Lê để lấy báo biểu thay cho tôi. Sau này, khi tôi trở thành người viết thường xuyên cho báo *Văn*, tôi đến, anh Trần Phong Giao hỏi: «Có gì chứng minh là Du Tử Lê không, vì người đến nhận báo biểu trước đây lại là một người khác.» Tôi trả lời: «Không có gì để chứng minh cả, tin thì cho tôi báo và nhuận bút, không tin thì tôi đi về!» Sau đó, anh Trần Phong Giao nói: «Được rồi, đưa thẻ căn cước đây!» Anh ấy ghi tên thật của tôi, và tôi ký nhận, là đã nhận năm chục đồng, tiền nhuận bút của báo *Văn*!

Những bước đầu đó có ảnh hưởng đến tôi rất nhiều. Tôi nghĩ là tôi kém may mắn hơn đa số văn nghệ sĩ có mặt ở đây, ở chỗ, tôi trải qua một đoạn đường đi rất dài, nghĩa là tôi luôn luôn ở trong tình trạng «gửi bài lai cáo». Tôi gửi bài rất nhiều cho các báo, và họ thường xuyên in tên tôi trong danh sách «nhận được, cảm ơn», bởi vì, nói qua về sinh hoạt văn chương của miền Nam ngày xưa, nếu quý vị không có người trong tòa báo, nếu quý vị không có người giới thiệu, không có người đỡ đầu, rất khó có thể trở thành tác giả. Nhưng tôi nghĩ, nếu mình tha thiết với văn chương, nếu mình không có con đường nào khác hơn là con đường văn chương, mình cứ nên theo đuổi nó, cuối cùng, tôi may mắn được chấp nhận. Nhưng tôi tin, các bạn ở đây, không ai trải qua con đường chông gai như tôi cả! Thời của tôi, tôi không được may mắn như những anh chị em khác! Nói như vậy, nhưng cuối cùng, tôi cũng đã được nhìn nhận, bằng chứng, chính là sự hiện diện của quý vị trong chương trình ngày hôm nay.

Cổ Ngữ: *Xin ông cho biết sơ qua về các khuynh hướng, thể loại, cũng như những đề tài sáng tác chính trong mấy mươi năm qua.*

Du Tử Lê: Giống như những người cùng thời, lúc đầu, tôi làm thơ lãng mạn, vì ảnh hưởng văn thơ tiền chiến, thời ấy, còn nhiều lắm. Sau này, phong trào thơ tự do lên cao, tôi cũng làm thơ tự do. Nhưng, tôi muốn nói: Thời khởi đầu của tôi, tôi không hề có một ý niệm gì về văn chương cả! Cũng giống như một *fashion*, một phong trào về quần áo, thời đó, người ta thích cái gì thì tôi đi theo phong trào đó. Mãi về sau này, khi mất nước, nhìn lại, tôi mới thấy: Nhà văn miền Nam đã rất vô trách nhiệm với đất nước, tổ quốc, quê hương của mình. Và tôi nghĩ rằng: Văn chương không phải là nơi để biểu diễn những kiến thức hay khuynh hướng của chúng ta. Sở dĩ tôi nói vậy, vì trước khi mất nước, thì, mặc dù phong trào Nouveau roman - Tân tiểu thuyết đã có từ lâu ở Pháp, khi du nhập vào Việt Nam, đã qua gần hai mươi năm rồi, đã tàn phai ở Pháp rồi, nhưng lúc đó, nó mới đến với chúng tôi, và chúng tôi lao vào Nouveau roman, rồi Anti-nouveau roman, với tất cả cái hãnh diện, cho rằng mình là *avant-garde*, bước những bước đầu tiên. Nhưng, thứ nhất, nó đã lỗi thời đối với thế giới, thứ hai, giữa cái tang tóc, chết chóc như vậy, mà nhà văn Việt Nam chạy theo những cái đó, thì tôi cho là hoàn toàn vô trách nhiệm. Sau này, thưa quý vị, kể từ ngày mất nước, tôi mới có ý thức về văn chương của mình. Ý thức đây, không phải là văn chương của tôi phải cứu quốc, cứu nước gì cả, nhưng tôi phải làm một điều gì đó mới mẻ, khác đi cho văn chương của mình. Ít nhất, việc này có thể giúp cho những thế hệ đi sau tôi, hoặc, khi tôi nói chuyện với sinh viên các đại học Mỹ, tôi có điều gì đó để nói. Vì vậy, sau này, tôi có nhiều nỗ lực, mặc dù, tất cả những nỗ lực để cách tân, đổi mới của tôi thường nhận được rất nhiều mỉa mai, phỉ báng. Thí dụ, có nhiều người đăng bài trên báo, viết rằng tôi là người vô học, không biết sử dụng dấu phẩy. Đại khái là như vậy... Nhưng, sau này, gần đây thôi, ở hải ngoại cũng như trong nước, người ta bắt đầu sử dụng dấu phẩy, dấu chấm, không chỉ trong bài, mà ngay nơi nhan đề, luôn cả nhan đề nơi bìa sách, là điều mà cách đây mười năm, chúng ta không hề thấy có... Ngay những nỗ lực cách tân thể lục bát của

tôi, từ nhiều chục năm qua, bây giờ, cũng đã được nhiều người công nhận, áp dụng; kể cả việc chấm dứt một bài lục bát ở câu 6 chữ thay vì 8 chữ như lệ thường, cũng đã có thêm nhiều người áp dụng...

*Cổ Ngư: Đã có rất nhiều bài viết xoay quanh nội dung thơ ca Du Tử Lê. Về hình thức, người ta thường chú ý đến hai điểm: sự cách tân lục bát, bằng cách dùng nhịp lẻ, nhịp chẵn, cách ngắt câu, xuống hàng... và việc dùng các dấu câu, như nhà thơ vừa nhắc đến, nhất là dấu gạch nghiêng (slash). Xin nhà thơ cho biết, ông có dụng ý gì trong việc dùng dấu slash trong các câu thơ của mình.*

Du Tử Lê: Tôi xin nói vắn tắt, vì trên sân khấu và giới hạn thời gian, chúng ta không thể đi sâu vào chuyên môn. Trước hết, văn phạm mà chúng ta có được ngày hôm nay là do mọi người đồng thuận với nhau. Ngoài năm dấu đã có, tôi nghĩ, tại sao lại không thể dùng dấu thứ sáu, dấu *slash* ( / ). Thứ đến không phải tôi lập dị, nhưng vì tôi nhớ, lúc bé, có đọc được một câu nói của người Pháp: Người đọc là tác giả thứ hai. Sau này, khi lớn lên, suy nghĩ lại, tôi mới thấy đó là một câu mỉa người đọc. Nếu quý vị đọc truyện của ông Mai Thảo, thơ của ông Nguyễn Sa, quý vị thích hay không thích, nhưng quý vị không thể thực sự trở thành một tác giả thứ hai. Tác giả thứ hai là gì? Là người có thể hoán chuyển, có thể làm bài thơ đó trở thành một bài thơ khác. Đúng lúc ấy, trên thế giới, *computer* trở thành một biến cố lớn của nhân loại. Chúng ta biết có nhiều cuộc cách mạng lớn: Cách mạng về kỹ nghệ, cách mạng về điện tử, cách mạng về *computer*... Tôi muốn phản ánh thời đại của mình, vì chỉ ở thời đại điện toán, chúng ta mới có dấu *slash*, và tôi đã dùng dấu *slash* đó cùng với những chữ của tôi. Như vậy, tôi mình thị với người đọc rằng: Người đọc của tôi có thể hoán chuyển các chữ, để tạo một cấu trúc mới cho câu thơ, bài thơ. Nói cách khác, tôi chỉ là người xây dựng sẵn toà nhà và mọi người có thể di chuyển những cột, kèo trong toà nhà đó theo ý muốn của họ. Tôi không đem đến cho người đọc một *ready meal*, một bữa ăn sẵn mà người đọc không có quyền thay đổi món ăn. Nhưng nếu tôi không dùng dấu *slash*, người đọc sẽ không hiểu, vì dấu *slash* chính là một *symbol*, một ký hiệu, biểu tượng được dùng, để quý vị hiểu rằng: Quý vị có thể biến bài thơ của tôi thành bài thơ, câu thơ của quý vị. Như vậy, tôi xin lặp lại, khi dùng dấu *slash*, mục đích của tôi là để người đọc thực sự trở thành tác giả thứ hai, chứ sẽ không bị thụ động, không phải ăn một món ăn, một *TV dinner* chẳng hạn, tức là, người đọc có quyền tham dự vào việc chế biến món ăn của mình.

*Cổ Ngư: Ông có dự định gì không cho việc chuẩn bị những hướng đi mới trong hiện tại, cũng như trong tương lai?*

Du Tử Lê: Chỉ nội việc sử dụng dấu phẩy, dấu *slash*, cho đến bây giờ, tôi vẫn còn nhận được nhiều biếm nhẽ, bĩ thử, cho nên, chắc tôi cần phải có thêm một thời gian nữa trước khi đưa ra một thử nghiệm nào khác.

Tuy nhiên, nếu cần phải nói thêm thì, trong những năm tháng tới, tôi sẽ khai triển thử nghiệm hoán vị Chủ thể / Subject với Khách thể / Object. Một cách cực kỳ vắn tắt thì: Từ trước tới giờ, chúng ta (chủ thể) quan sát một sự vật, việc (khách thể) và sau đó, cho nó một kết luận. Hơn năm năm qua, tôi đã bắt đầu (chưa nhiều lắm) thử nghiệm cái mà tôi mới nói là hoán đổi vị trí Khách thể thành Chủ thể và ngược lại.

Thí dụ, nếu con chó, con mèo, chiếc lá cành cây... nói được, thì chúng sẽ nói gì về chúng ta?

*Cổ Ngư: Những người theo dõi thường xuyên các hoạt động của nền âm nhạc Việt Nam từ quốc nội ra đến hải ngoại chắc đều có chung một nhận xét: thơ của Du Tử Lê có một cái «duyên» rất lớn đối với nhạc. Xin ông cho biết: Vì sao thơ của ông lại được nhiều nhạc sĩ phổ*

*thành ca khúc đến như vậy?*

Du Tử Lê: Đây là một câu hỏi khó cho tôi. Có lẽ phải nhờ các nhạc sĩ nào đã phổ thơ của tôi vào ca khúc trả lời hộ câu hỏi này.

*Cổ Ngư: Vậy, xin hỏi nhà thơ câu hỏi khác, chắc là dễ trả lời hơn: Hiện có khoảng bao nhiêu ca khúc phổ từ thơ Du Tử Lê? Và ai là người đưa thơ Du Tử Lê vào nhạc sớm nhất? Trong ca khúc nào?*

Du Tử Lê: Có khoảng trên ba trăm ca khúc phổ từ thơ Du Tử Lê. Anh Song Ngọc phổ khoảng 50 bài, nhạc sĩ Anh Bằng không dưới 20 bài, Đỗ Vy Hạ ở Boston cũng không dưới 20 bài. Một người bạn trẻ ở Việt Nam mà tôi chưa được gặp mặt, Khang Thụy, cũng đã phổ trên 50 bài thơ của tôi, và có nhờ nhạc sĩ Trần Quảng Nam chuyển đến cho tôi các ca khúc của anh. Chỉ riêng bốn người vừa nêu tên, đã viết hơn 100 ca khúc phổ từ thơ Du Tử Lê rồi! Nhưng người đầu tiên đưa thơ của tôi đến với âm nhạc lại không phải là nhạc sĩ, mà là một ca sĩ: anh Mai Trường. Anh Mai Trường cũng còn là một lực sĩ đẹp. Anh ấy đọc được bài thơ «Thư cho em» của tôi đăng trên báo *Văn* số 4, phổ nhạc, và vì anh ấy quen thân với anh Phạm Duy, nên có nhờ anh Phạm Duy sửa chữa, gò nắn gì đấy... Sau đó, anh Mai Trường mời tôi đến nhà. Tôi còn nhớ, vợ anh ấy thuê đó có một tiệm cắt tóc rất lớn ở trên đường Trần Hưng Đạo. Anh Mai Trường cầm đàn hát cho tôi nghe. Đó là người đầu tiên phổ thơ của tôi vào nhạc. Tôi cũng không hiểu vì sao anh Mai Trường lại chọn bài «Thư cho em» để phổ nhạc, với tựa đề «Mai em lấy chồng». Bản nhạc đó may mắn được nhiều người ưa thích, và phổ biến đến độ, nó mở đầu cho phong trào «Tân cổ giao duyên», tức là cứ hát một đoạn «Mai em lấy chồng», rồi lại ca một đoạn cải lương... Bài thơ đó, sau này, các anh Vũ Thành An và Anh Bằng cũng đã cho nó những *version* âm nhạc khác.

*Cổ Ngư: Trong một bài viết, họa sĩ-nhà thơ Tạ Tỵ cho biết: ông hoàn toàn không thích các ca khúc phổ thơ. Ông cho rằng nhạc điệu đã huỷ hoại, thậm chí giết chết hồn thơ. Là người có rất nhiều thơ được phổ nhạc, xin nhà thơ Du Tử Lê cho biết ý kiến của ông về nhận định vừa nêu của họa sĩ-nhà thơ Tạ Tỵ.*

Du Tử Lê: Đây mới là một câu hỏi thực sự khó! Thứ nhất, có ba loại nhạc sĩ. Tôi không đề cập đến những nhạc sĩ nhận tiền của những người làm thơ để phổ nhạc. Hai loại còn lại: Những nhạc sĩ giết bài thơ, và những nhạc sĩ chấp thêm đôi cánh cho bài thơ. Ở trường hợp của tôi, tôi lãnh đủ cả hai loại nhạc sĩ này. Có những nhạc sĩ giúp cho bài thơ đi xa hơn, vì bây giờ, không phải ai cũng đọc, có người chỉ nghe thôi. Nhưng cũng có không ít những nhạc sĩ đã giết bài thơ của tôi. Và, vì tôi có quá nhiều thơ được phổ nhạc, nên tôi đã bị giết rất nhiều lần! Đó là chưa kể có những nhạc sĩ lấy thơ của tôi, không chỉ là cái ý, mà cả câu thơ, nhiều câu thơ, làm thành ca khúc, mà không hề đề cập đến tên tôi; dù chỉ là hàng chữ «ý thơ» thôi, cũng không có. Thậm chí, có báo nêu đích danh bài thơ ấy, bản nhạc ấy, nhạc sĩ ấy... nhưng người nhạc sĩ này vẫn lờ đi... Riêng cá nhân tôi, tôi chưa bao giờ lên tiếng, trong những trường hợp như vậy. Thời anh Nguyễn Sa còn sống, tôi từng nói vui với anh Nguyễn Sa rằng, tôi có hơn một... bài thơ. Bạn tôi có lấy của tôi một bài thơ, một đoạn thơ thì... cũng chẳng sao... Đàng nào thì bản nhạc đó, cũng đã «lỡ» nổi tiếng... Bây giờ, công khai lên báo, bắt người đó, phải... nói lại, thì tôi e rằng, sẽ không có gì kệt hơn cho những người nhạc sĩ đó.

*Cổ Ngư: Vì thấy thơ Du Tử Lê được phổ nhạc nhiều như vậy, nên không ít người đã đặt câu hỏi: Khi sáng tác một bài thơ, nhà thơ có «chuẩn bị» âm, vần, nhịp điệu... để bài thơ có thể biến thành một ca khúc trong tương lai không?*

Du Tử Lê: Chắc chắn là không! Vì nếu tôi có sự chuẩn bị như vậy, tôi đã không bị giết nhiều lần

như thế!

Cổ Ngư: *Trường hợp bài thơ «Kiếp sau, xin giữ lại đời cho nhau» đã lần lượt được hai nhạc sĩ Phạm Duy & Từ Công Phụng phổ thành ca khúc. Xin nhà thơ cho biết thêm một số chi tiết xoay quanh bài thơ và hai ca khúc này. Trường hợp vừa nêu có xảy ra cho bài thơ nào khác của Du Tử Lê không?*

Du Tử Lê: Bài «Kiếp sau, xin giữ lại đời cho nhau», tôi viết vào năm 1967. Khi bài thơ được in trên báo, anh Phạm Duy tình cờ đọc được và phổ thành ca khúc, dùng điệu *ballade* - dân ca, có âm hưởng Tây Nguyên. Ngay sau đó, chị Thái Thanh hát bài này và trung tâm Shutguns của anh Ngọc Chánh đã thu thanh ca khúc. Một năm sau, Từ Công Phụng gặp tôi và nói: Anh ấy tin rằng có thể cho bài thơ một *version* khác. Vì tôn trọng tác giả, anh Phạm Duy giữ nguyên tựa đề bài thơ: «Kiếp sau, xin giữ lại đời cho nhau», nên Từ Công Phụng không thể giữ nguyên nhan đề, anh cắt đi, chỉ giữ lại bốn chữ chót: «Giữ đời cho nhau». Bài hát của Từ Công Phụng, cho đến năm 1975, gần như không có ai hát cả. Nhưng khi ra hải ngoại, tôi không hiểu vì lý do gì, bài hát lại được rất nhiều người biết đến và yêu thích dưới cái tên «Ơn em», đến độ họ đem cả vào đám hỏi, đám cưới để hát... Ngoài trường hợp vừa kể, còn có «Đêm nhớ trăng Sài Gòn» là bài thơ đầu tiên được anh Phạm Đình Chương phổ nhạc khi anh ấy đến Hoa Kỳ, sau đó, anh Ngô Tín là người thứ hai phổ nhạc và cho thu băng, còn thêm người thứ ba nữa: anh Võ Tá Hân. Bài «Hiền chương yêu» có Nguyễn Bích phổ nhạc và sau đó, anh Trúc Hồ ở trung tâm Asia cũng phổ nhạc, nhưng lấy tựa đề khác. Một trường hợp nữa: chị Khúc Lan, lúc còn hoạt động trong Tổng hội Sinh viên Việt Nam tại Paris, có phổ nhạc bài thơ «Khúc K. riêng chàng», ghi âm qua tiếng hát Nhật Hạ. Bài thơ này, mười năm sau, anh Đăng Khánh chuyển thành ca khúc, với tên K. khúc của Lê». Hai anh Phạm Anh Dũng và Võ Tá Hân cũng đã phổ nhạc bài thơ này.

Cổ Ngư: *Giữa thi sĩ, người làm thơ, và nhạc sĩ, người đưa lời thơ lồng vào giai điệu, chắc hẳn đã có nhiều mối giao tình đặc biệt. Trong những nhạc sĩ phổ thơ Du Tử Lê, có lẽ ba nhạc sĩ Phạm Đình Chương, Đăng Khánh và Trần Duy Đức có những ca khúc để lại những ấn tượng sâu sắc nhất trong lòng thính giả, cũng như, có thể cả với nhà thơ Du Tử Lê. Xin nhà thơ kể cho mọi người cùng nghe một vài kỷ niệm đặc biệt của ông với các nhạc sĩ Phạm Đình Chương, Đăng Khánh và Trần Duy Đức.*

Du Tử Lê: Vâng, trong ba nhạc sĩ vừa nêu tên, có một người đã mất, đó là nhạc sĩ Phạm Đình Chương. Tôi nhớ, năm 1967, anh Mai Thảo gọi tôi, bảo: «Thằng Chương nó rủ Lê đi ăn đó!». Tôi rất ngạc nhiên, hỏi: «Chương nào?». «Thì Phạm Đình Chương đó, quý lắm, nó mới mời cậu đi ăn đấy!». Khi ấy, tôi quen thân với anh Mai Thảo, nhưng lại chưa có dịp tiếp xúc với anh Phạm Đình Chương... Hôm ấy, anh Phạm Đình Chương mời anh Mai Thảo, anh Vũ Khắc Khoan và tôi ăn ở Tour d'Argent, tức Ngân Đình, một nhà hàng toạ lạc trên sông Sài Gòn. Khi đến ăn, anh Phạm Đình Chương mới cho biết - anh ấy vẫn giữ thói quen xưng hô *moa*, *toa* ngay cả với người trẻ hơn: «*Moa* thích và có phổ nhạc một bài thơ của *toa*. Ăn xong, cho *moa* uống tí rượu, ngà ngà, *moa* hát sơ cho *toa* nghe. Tối nay, trở về Đêm Màu Hồng, cô Thanh, Thái Thanh, sẽ hát cho *toa* nghe.» Đó là bài «Khi cuộc tình đã chết». Khi anh Phạm Đình Chương hát đến đâu, anh ấy lại cho biết là đã thay đổi như thế nào, cầu kỳ lắm, và anh ấy có vẻ hãnh diện lắm. Tôi không hiểu gì về âm nhạc cả, nhưng lại thấy *boring*, hơi nản chí nữa! Đến tối, khi được nghe tiếng hát và cách trình diễn rất lôi cuốn của chị Thái Thanh, khi ra về, tôi cảm ơn anh Phạm Đình Chương đã đãi tôi một bữa ăn, còn cho tôi đến nghe nhạc ở Đêm Màu Hồng mà không phải trả tiền - ai đến Đêm Màu Hồng cũng phải trả tiền cả, kể cả anh Mai Thảo, nhưng hôm đó, anh Phạm Đình Chương mời, nên đã dặn trước người quản lý là chính anh ấy sẽ trả tiền cho bàn chúng tôi - nên tôi có nói với anh ấy: «Anh Chương ạ, nói anh đừng buồn, hồi chiều nay, ăn thì ngon, nhưng nghe anh hát thì tôi sợ quá! Tối nay, quả thật, khi nghe chị

Thái Thanh hát, tôi lại rất thích!» Đó là bài đầu tiên mà anh Phạm Đình Chương tìm đến với thơ của tôi, bài «Khi cuộc tình đã chết».

Với anh Đăng Khánh, kỷ niệm mà tôi sắp kể ra đây, tôi cho là đẹp, nhưng quý vị nghe, có thể hơi khó chịu. Tôi nhớ, khi anh Mai Thảo còn sống, khoảng năm 1996, anh Đăng Khánh có mời anh Mai Thảo, chị Kiều Chinh, Hạnh Tuyền và tôi qua Houston để tổ chức một chương trình cho tôi. Chương trình đêm hôm ấy diễn tiến rất tốt đẹp. Đêm hôm sau, anh chị Đăng Khánh rủ chúng tôi đi chơi, để anh Mai Thảo ở nhà. Lúc đi, anh Mai Thảo không chịu đi. Không ngờ, chúng tôi đi lâu quá! Khi trở về, hơi trễ, khoảng mười một, mười hai giờ, anh Mai Thảo đã ngồi sẵn ở bàn bếp, đang uống rượu. Vợ chồng Đăng Khánh vừa bước vào, anh ấy mắng như tát nước: «Cô cậu đối với tôi như vậy là hỗn! Tại sao mời tôi sang rồi lại để tôi ngồi như thế này?» Tôi, nhà tôi, vợ chồng Đăng Khánh lặng cả người đi, mặc dù anh Mai Thảo mắng Đăng Khánh - chủ nhà - chứ không phải là tôi. Nhưng tôi rất phục Đăng Khánh. Anh ấy chạy lại vỗ vai anh Mai Thảo, nói: «Tụi em xin lỗi anh. Tụi em lại nghĩ anh không thích đi, vì hôm qua, anh mệt quá sau khi dự chương trình của anh Lê, nên muốn để anh ở nhà nghỉ ngơi, và em không ngờ lại về trễ, anh tỉnh dậy trước...» Tôi cho đó là nhân cách đáng kể, đáng quý của Đăng Khánh. Vì đặt tôi vào vị trí Đăng Khánh, chưa chắc tôi đã bình tĩnh được như vậy. Cùng lắm là tôi bỏ vào phòng, chứ không thể đến vỗ vai, xin lỗi anh Mai Thảo, nhận lỗi một cách vui vẻ như vậy.

Anh Trần Duy Đức, với tôi, hoàn toàn xa lạ. Năm 1981, tôi có quen mấy người bạn trẻ: Anh Việt Dzũng, anh Lê Văn Hào. Anh Việt Dzũng từ Texas về, không có việc, nói với tôi: «Anh Lê, mình mở quán cà phê!» Lúc đó, ở Mỹ, không có quán cà phê, chỉ có một quán cà phê duy nhất, nhưng lại có tính cách thương mại. Tôi đồng ý, bỏ tiền ra để Việt Dzũng mở quán cà phê. Tôi còn nhớ Việt Dzũng ngồi bệt trên sàn nhà cùng với Lê Văn Hào, đóng bàn ghế, đóng luôn cả bục gỗ sân khấu... Sau đó, chúng tôi khai trương quán, đặt tên là cà phê «Tay Trái». Tối thứ sáu, thứ bảy, chủ nhật có ca nhạc. Chúng tôi mời những người nổi tiếng đến hát. Xong, đến phần ai muốn hát thì hát. Khai trương được một tuần, có một người khách rụt rè đến nói với Việt Dzũng: «Anh cho tôi hát, tôi muốn hát một hai bài.» Khi ấy, khách đã về gần hết. Anh ấy lên sân khấu, nói: «Tôi tên Trần Duy Đức, mới ở đảo qua, tôi xin hát một bài thơ phổ nhạc của Du Tử Lê.» Tôi nhớ, đó là bài «Đời mãi ở phương Đông», một bài thơ tự do. Tụi tôi nghe, bồi bết ra nghe hết, rất cảm động! Anh Trần Duy Đức hát một hơi bốn bài nhạc phổ thơ của tôi, bài thứ năm, phổ từ thơ của anh Cung Trầm Tưởng. Sau đó, tôi hỏi anh Đức: «Ở đâu ra thế?» Anh Đức cho biết: Hồi đó, anh ở Sư đoàn 2 Không quân, đóng ở Pleiku. Tất cả những bài thơ của tôi mà anh ấy phổ nhạc là đọc được từ trên báo *Văn*, đặc biệt, toàn là những bài thơ tự do. Rồi rất nhanh chóng, Trần Duy Đức trở thành một thành viên quán «Tay Trái» của chúng tôi.

*Cổ Ngự: Trên thị trường băng đĩa nhạc Việt Nam tại hải ngoại, liên tiếp trong ba năm 2000, 2001, 2002, người ta thấy xuất hiện ba CD «K. khúc của Lê 1, 2 & 3», gồm các ca khúc phổ từ thơ Du Tử Lê. Vì sao, bên cạnh những tập thơ, truyện, hồi ký, bán hồi ký..., ông lại quyết định thực hiện các CD nhạc này? Xin ông cho biết tiến trình của việc thực hiện các CD «K. khúc của Lê», cách chọn ca khúc, viết lời dẫn cũng như nhận định của ông về các ca sĩ trình bày.*

Du Tử Lê: Trước tiên, đây là công của anh Đăng Khánh. Anh ấy thấy có những trung tâm băng nhạc sử dụng rất nhiều những ca khúc phổ từ thơ của tôi, thậm chí làm video về cuộc đời tôi, xuyên qua thơ nhạc, nhưng tôi lại không nhận được một khoản thù lao nào hết. Đối với tôi, đó là một vinh dự lớn, vì cho tới bây giờ, ngay cả trong nước, vẫn chưa có ai làm một bộ video về các nhà thơ lớn như Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, hay nhà văn, như Nguyễn Tuân... chẳng hạn. Tuy nhiên, quý vị và các bạn cũng hiểu, khi thực hiện, bao giờ yếu tố thương mại cũng được các trung tâm chú trọng trước nhất. Vì thế, anh chị Đăng Khánh mới khuyến khích tôi tự làm lấy CD. Anh chị ấy cho tôi mượn tiền và trả... góp. Gọi là trả góp, sự thực, tôi viết bài hàng tuần cho anh Đăng Khánh... Nên tôi đề nghị anh chị ấy khấu trừ dần, lương hàng tháng của tôi,

cho tới khi hết nợ.

Khi thực hiện CD, tôi có quyền chọn bài tôi thích. Các trung tâm, khi thực hiện CD, chỉ chọn những bài mà họ nghĩ rằng đám đông thích, và chọn những ca sĩ thu thanh mà họ nghĩ là sẽ bán được, mà không cần biết bài hát đó có hợp với ca sĩ không, hay ca sĩ, khi hát, có hiểu lời bài hát không. Các trung tâm băng nhạc không cần biết đến điều đó! Khi tôi làm CD, tôi làm cho tôi. Trước tiên, chúng tôi quyết định không dùng tiền bán CD để chi tiêu hàng ngày, mà để riêng ra, để có thể thực hiện một CD thứ hai. Đó là một cách biết ơn bạn. Cũng nhờ vậy mà CD thứ hai và thứ ba ra được.

Tiến trình thực hiện rất phức tạp. Một CD như vậy, bên Mỹ, chúng tôi sẽ tốn từ mười đến mười lăm ngàn đô-la. Tiền gì? Thứ nhất, bốn ngàn đô-la tiền hoà âm - *arrangement* - cho người nhạc sĩ tôi chọn. Thứ hai, tốn khoảng hai đến hai ngàn rưỡi đô-la tiền thuê phòng thu của Mỹ. Thứ ba, từ năm đến tám trăm đô-la cho mỗi ca sĩ mà tôi chọn. Đây là giá đặc biệt các ca sĩ dành cho tôi, vì thông thường, giá trung bình để một ca sĩ thu âm một bài hát là từ một ngàn đến một ngàn năm trăm đô-la. Chúng tôi lại phải thuê người in bìa và ruột CD, rồi lại phải chuyển master đến trung tâm để họ sang ra thành năm hay mười ngàn đĩa CD trước khi tung ra thị trường...

Đó là sự khởi nguồn cũng như tiến trình thực hiện các CD nhạc của tôi.

*Cổ Ngự: Thay mặt độc giả của Thư viện Diên Hồng, xin cảm ơn nhà thơ, qua buổi phỏng vấn này, đã giúp chúng tôi hiểu biết thêm về các hoạt động của ông, bằng những chi tiết lý thú và cảm động.*

## Giờ ra chơi cuối cùng của những cậu học trò 60 tuổi

và, Thành, cùng T.riêng.

Tôi mới được tham dự đám cưới một người bạn. Một đám cưới, tôi tin, nếu nhóm thực hiện cuốn sách "Những kỷ lục thế giới" biết được, nhiều phần họ sẽ xin phép để ghi lại.

Tính kỷ lục hay, kỳ cục của đám cưới này, không phải vì sự chênh lệch quá xa về tuổi tác, giữa cô dâu, chú rể. Nó cũng không nằm nơi sự tốn kém, chiếc bánh cưới, to, cao, nhất thế giới. Không. Tất cả những gì mọi người có thể nghĩ tới, để trở thành kỷ lục, dù là kỷ lục... kỳ cục, đều không nằm trong trường hợp đám cưới bạn tôi.

Tính kỷ lục hay kỳ cục của đám cưới Nguyễn Quang Minh, hõn danh "Minh Dê," bạn tôi, nằm nơi những người bạn của anh. Những người bạn thời niên thiếu. Những người bạn của Minh từ các mái trường Chu Văn An, Trần Lục, (và,) Nguyễn Trãi, Saigon, giữa thập niên 50. Những người bạn hầu hết, tóc hoa râm. Có người đầu bạc trắng. Những người bạn, hầu hết đã thành danh. Có người đang là ông nội, ông ngoại. Có người là chức sắc đáng nể của những tôn giáo lớn. Có người giữ tiền viện trợ cho những quốc gia nghèo khó (trong số đó, có cả Việt Nam.) Có người đang nắm giữ vai trò chủ nhiệm, chủ bút của những tờ báo Việt ngữ, với tầm ảnh hưởng ra khỏi nước Mỹ. Có người đến từ Úc châu. Có người mới về từ Bắc Kinh, sau nhiều tháng nghiên cứu thị trường tại xứ sở nổi tiếng vì đông dân nhất thế giới. Có người là nhạc sĩ, tiếng tăm trải dài nhiều thế hệ...

Nhưng, điều đáng nói, trên tất cả mọi danh tánh, hình tướng, chức vụ, địa vị, theo tôi, ở chỗ, họ là những người đã có với nhau một tình bạn, gần năm mươi năm. Một nửa thế kỷ.

Nhưng, điều đáng nói, trên tất cả, năm nơi, chú rể Nguyễn Quang Minh, một người hùng của binh chủng Thiết Giáp, kẻ được báo chí saigòn, 1972, tước phong là "Tư Lệnh Đệ Thất Hạm Đội" trên chiến trường sông, nước miền Trung; cũng nhìn đám cưới của mình, như một cái cờ, cho những người bạn thuở niên thiếu, tìm về, nhận nhau. Và, cũng rất đáng nói, khi cô dâu Kim Liên, đã chia sẻ ngày vui một đời của mình, cho những người bạn chồng, đã xé chiều, tóc trắng. Và, cũng đáng nói, khi những nàng dâu Chu Văn An, Trần Lục, Nguyễn Trãi, những hương sắc một thời, những vàng son một thuở, cùng chia sẻ với chồng, với nhau, niềm hãnh diện (ngậm ngùi?); nỗi hân hoan (thất lạc,) trong "giờ ra chơi cuối cùng" của chồng mình.

Với một phần ba tổng số bàn, được dành cho đám bạn thời niên thiếu của chú rể, (và,) những nàng dâu thảo của các mái trường cũ, nhiều lúc, tôi bỏ ngõ, như lọt giữa một sân trường trung học, giờ ra chơi, hay, một góc sân vận động, giờ thể thao.

Khắp nhà hàng vang, dội tiếng "mày, tao." Khắp nhà hàng, vang, dội tiếng gọi nhau, tiếng cười âm ỉ, hô hố của những người được sống lại niên thiếu, hồn nhiên, cảm động, tới rưng rưng.

Tôi thấy đâu đó, giữa lớp sóng đầu người, lao xao, gương mặt Nguyễn Quang Minh, rạng rỡ. Cái rạng rỡ ngời ngời, của những cậu học trò...giờ ra chơi. Giờ ra chơi cuối cùng.

Đâu đó, tôi thấy Ngọc Hoài Phương, chủ biên Hồn Việt, tạp chí đầu tiên (và,) lâu đời nhất của Việt ty nạn. Vẫn phong cách tay chơi hào hoa, ký giả trẻ tuổi nhất của làng báo Saigòn, những năm cuối thập niên 50, tác giả "Cõi Tạm" bắt tay người này, chụp ảnh với người kia. Ngọc Hoài Phương nhắc nhở kỷ niệm với Tài "Con," về từ Saint Louis. tài "Con" khuôn mặt du đảng thời học sinh rất có hạng, nhưng khi về tới nhà, thì Tài "Con" lại là một cậu bé bụ...sữa, non choẹt...

Đâu đó, giữa lớp sóng đầu người lao xao, tôi thấy một Nguyễn Hữu Hiệu, dịch giả "Bác Sĩ Zhivago," đang nghiêng đầu nói chuyện với Phương Dung, người bạn đời hiện nay của Ngọc Hoài Phương, về hiện tượng mới nhất của nhân loại: chữa bệnh bằng tâm linh. Chữa bệnh bằng con đường truy tầm tiền kiếp, soi dấu trăm năm. Tôi không biết tác giả "Sự Tái Sinh Của Những Lạt Ma Tây Tạng"- Phương Dung, nói gì với họ Nguyễn. Chỉ biết họ Nguyễn rất hăng hái trình bày kiến thức, hiểu biết mới của anh với các bạn cũ, chung quanh.

Đâu đó, giữa lớp sóng đầu người, lao xao, tôi thấy Phạm Duy Ánh, người cựu sĩ quan cấp tá, Lực Lượng Đặc Biệt, người tù binh, được thả về sau hơn 10 năm tù đầy, từ nam chí bắc, với đôi hàm răng...trống trơn, với một chiếc chân trở thành tật nguyện, (coi như cái giá phải trả của kẻ thua trận,) rất trẻ thơ khi nắm tay Hùng "World Bank." về từ Hoa Thịnh Đốn, cùng người bạn đời N.T. của anh. Lần đầu tiên, tôi thấy Hùng "World Bank" trút bỏ được cái cung cách chững chạc, đạo mạo của một chuyên viên Ngân Hàng Thế Giới thâm niên, hồn nhiên đùa vui với Đinh "Kèn," tức Trần Trung Ginh. Bằng vào tài năng trời cho, Ginh đã kiếm ra tiền từ thời còn đi học bằng tiếng kèn đồng của mình, tại các vũ trường. Bây giờ, Ginh bỏ kèn, làm công việc: sưu tầm tin tức, địa chỉ của những anh em thời niên thiếu. Ginh trở thành "Ginh "Ông Trùm," với vết sẹo cắt ngang môi, như một tay hảo hán thời hậu...Chiến Quốc.

Đâu đó, giữa lớp sóng đầu người, lao xao, tôi thấy một Vũ Gi Mưu, Thọ Nhỏ Răng, đang thảo luận một cách "gay go" với Đinh "Mục Sư," với Nguyễn Huy Yên "Đỡ Đẻ." Yên về từ Fresno, vẫn với nụ cười, giọng nói, điệu bộ...rụt rè, của một cậu học sinh ngoan từ mấy chục năm trước. Đinh "Mục Sư," đến từ Nam Ca Li, là một Đinh từ tốn, đạo mạo, như giờ phút nào cũng là giờ phút Thánh Lễ.

Đâu đó, giữa lớp sóng đầu người, lao xao, tôi thấy dáng ngồi võng xuống, với chiếc mũ nồi che hết phần trán mênh mông bác học, của Vũ Thành An. Tôi được nghe lại tiếng hát của Vũ, qua một số tình khúc của anh. Những tình khúc, được Vũ viết khi còn ngồi trên ghế, trung học đệ nhất cấp. Tác giả "Những Bài Không Tên" ân cần nắm tay Vũ Văn Năm, tức Năm Đen, Nguyễn Ngọc Chấn, tự Chân Cật Trời, hay Chân "mã Tấu," ngày xưa. (Ngày xưa) khi Chân bước vào giang hồ ở năm thứ ba trung học, Chân đã nổi tiếng là Chân "Mã tấu" khi Chân cùng với một đám giang hồ thứ thiệt, vác một chiếc mã tấu từ Saigon, ra tận Nha Trang "tầm thù." Tôi thấy An "Thầy Sáu" cười rất tươi với Phạm Tuấn Bách, còn được gọi là "Bách Trường Tộc," khi Bách, Thuần tự "Thuần Mật Khu," Định "Đầu Bạc," Kiêm "Luật Sát" đại diện "nhà trai," đi hỏi vợ cho Minh...Dê.

Tôi nghĩ Bách Trường Tộc là nickname mà, các bạn Bách mới đặt cho anh, sau khi anh "de dọa" họ nhà gái bằng một màn "trình trọng" đối đầu với nhà gái. Nếu nhà gái biết Phạm Tuấn Bách, đẹp trai, học giỏi nổi tiếng, đứng trước mặt họ, trong quá khứ, cũng là một tay du dương lừng danh, thì chắc họ sẽ không dám...nhận sinh lễ của Bách mang tới. Ngày xưa Bách Công Tử nổi tiếng...ít nói. Bởi vì, Bách Công Tử có một cách nói...khác. Tiếng "nói" khác của Bách là những trái đấm, những "lưỡi dao" ngọt ngào... Chính vì chọn nói chuyện với cuộc đời bằng một tiếng...nói khác, cho nên Bách "tái hồi" trường Y Khoa Saigon, cũng có tái ba hồi, bốn bạn...

Tôi nghĩ Thuần "Mật Khu" là tên mà, Ngọc Hoài Phương đặt cho Thuần mới đây, sau khi biết chuyện Nha sĩ Nguyễn Đức Thuần, "rút quân" về khu khí ho cò gáy ở vùng núi San Fernando, mở phòng nhỏ răng cho...Mế Tây Cơ (và,) mọi da Đổ...

Đâu đó, giữa lớp sóng đầu người, lao xao, tôi thấy Trương Trọng Trác, tức nhiếp ảnh gia Tr3, tức Trọng Kim, chủ bút bán nguyệt san Ngày nay, Houston, ôm vai Bùi Vĩnh Hưng, H.O., tác giả của những bài thơ tình nhẹ nhàng, trên Hồn Việt. Điều trớ trêu, ở chỗ, Hưng bị chính những "đồng hương" bên vợ Hưng giam nhốt, hành hạ Hưng, một cách tận tình. Vì, vợ Hưng là dân...Củ Chi "Thành Đồng Đất Thép." Cho nên Hưng được gọi là Hưng...Củ Chi (đôi khi hai chữ sau, còn được đọc ngược lại một cách rất thân yêu...)

Khi được biết nickname mới của Hưng, Trương Trọng Trác thích lắm, bảo:

"Như vậy tớ có bỏ ngang chuyến đi nguyên cứu thị trường ở Bắc Kinh cho tụi Mèo, để về đây dự đám cưới thằng Minh, cũng không có chi ân hận..."

"Ân hận cái...củ chi ấy," Hưng Củ Chi nhăn nhó.

"Nếu mày không có mặt ở đây hôm nay, mày đâu có gặp được thằng Chi...Bán Nước."

Chi đây là Vũ Chi, nguyên giao sư tốt nghiệp Lý Hóa ở Saigon. Qua Mỹ từ năm 1975, "mất dạy," (chữ của Chi,) trải qua nhiều nghề, cuối cùng, Chi chọn nghề bán...nước. Nhưng Chi không chịu cái nickname "bán nước" mà Hưng đặt cho. Chi tự nhận mình là "Chi Bán Nước...Mỹ."

Giữa lúc Thầy Chi ung dung, tự tại với cái "nickname" "Chi Bán...Nước...Mỹ," trong giờ ra chơi cuối cùng, có lại lần đầu tiên, sau hơn bốn chục năm, của những người đàn ông từng giữ những vai trò, những chức vụ trong quân đội, trong chính quyền miền Nam Việt Nam..., không biết tôi có làm chẳng, khi cảm tưởng, cái "đỉnh" trong đêm San Jose kia, là ông...già trán hói, răng rụng, di chuyển khó khăn (mà lại thích di chuyển) giữa sân cỏ niên thiếu này. Tôi muốn nhắc một lần nữa, Phạm Duy Ánh. Một lần nữa, người cựu Trung Tá Lực Lượng Đặc Biệt, về từ Sydney.

Tôi nghĩ, có lẽ Ánh, chính Ánh mới là "tâm bão" của "giờ ra chơi cuối cùng" đó. Không mặc cảm



(tự tôn cũng như tự ti,) không "show off," không chứng tỏ, không lấy điểm với bất cứ người nào, Ánh mới chính là kẻ thực sự hưởng được tới lớp cận lạt sạt của "ly chè đậu đen hạnh ngộ."

Tôi nghĩ, có dễ, Ánh mới chính là kẻ "enjoy" từng giây từng phút "giờ ra chơi" của những cậu học trò 60 tuổi." Ánh hân hoan móm mém với hàm răng "vắng vẻ" (mặc dù thời CVA, Ánh đã nổi tiếng là Ánh Vẫu, vì quá nhiều...răng.)

Ánh "vẫu" cười văng... "coca" khi B.S. Văn Sơn Trường lên sân khấu, kể một câu chuyện liên quan tới tật bẩm sinh của cô dâu, chú rể, bằng vào thẩm quyền nghề nghiệp y khoa của của họ Văn. Ánh "Vẫu" cười rung....một bụng...phở, khi ôm Trần Quốc Bá, một trong những hạm trưởng của Hải Quân VNCH, cũ.

Ánh "Vẫu" cười trơ...lợi, khi chọc Trung "Thượng cổ" tức nhiếp ảnh gia Huy Trung: Một tên "ngụy cực kỳ ngoan cố." Nhưng sau 75, những "chủ nhân mới" của Sài Gòn, vẫn phải trao những giải thưởng nhiếp ảnh cao quý nhất cho Huy Trung, chỉ vì không thể phủ nhận tài chụp ảnh của Trung; nhất là những bức ảnh mang đầy tính chuyển động. Aùnh thao trường.

Ánh "Vẫu" cười rung...những miếng đạn, mìn còn nằm sâu trong ngực, vai, chân, bụng, lưng, khi ôm Vũ Đắc Ánh... Khi Vũ Đắc Ánh đỏ mặt, nổi khùng, (nhiều lần, tôi những tưởng khó tránh một màn đánh nhau ngay giữa tiệc cưới,) chỉ vì Ngọc Hoài Phương và, Trương Trọng Trác khăng khăng, đề quyết Vũ Đắc Ánh là Ánh "Nhỏ," mặc cho họ Vũ khô nước miếng "đính chính":

"Ánh Nhỏ là thằng Nguyễn Ánh, không phải tao. Thằng Ánh...Nhỏ không có mặt đêm nay ở đây."

(Chỉ một người có thẩm quyền xác định Ánh Vũ hay Ánh Nguyễn là Ánh...Nhỏ. Tiếc thay, người đó, tẩu xảo làm sao, cũng không có mặt, là "Thầy cãi" Nguyễn Thế Toàn, một nhân vật "danh trấn giang hồ" trong vòng mười năm qua, với hỗn danh Toàn...Bò. Nghe đâu ông Thầy cãi này, kể từ ngày ty nạn tới Hoa Kỳ, để tỏ lòng nhớ nước non, ông ta chỉ...bò, chứ không...đi, cũng không...lét!)

Nhưng trên tất cả, trong ghi nhận của tôi, lặng lẽ từ một góc phòng ở cái "giờ ra chơi cuối cùng," của thế hệ Chu Văn An, Trần Lục, Nguyễn Trãi 1955-1961, là những giọt lệ long lanh, được giữ lại, được dấu đi một cách kín đáo, nơi đôi mắt Vũ Thành An, Phạm Tuấn Bách, Bùi Vĩnh Hưng, Nguyễn Đình Hùng, Huy Trung, Nguyễn Đức Thuần, Trương Trọng Trác, Nguyễn Ngọc Chấn, Ngọc Hoài Phương, vân vân...Và, nhất là trong đôi mắt đục, làm năm tháng đi u hiu của Phạm Duy Ánh, cu li, bỏ báo đạo, trên đường phố Sydney, Úc châu, nắng, gió...

Từ ghi nhận này, tôi chợt nghĩ tới những người nữ đang là những người bạn đời (cuối đời) của các bạn tôi, (những người có hay vắng mặt trong "giờ ra chơi cuối cùng" của những cậu học trò sáu mươi tuổi!)

Từ ghi nhận này, tôi chợt nhớ tới những người nữ đã ra khỏi cuộc đời của các bạn tôi, (những người nữ chẳng những không có mặt; cũng không hề biết tới "giờ ra chơi" của những người đàn ông (mà,) họ từng có một thời yêu thương, một thời chung sống...) Tôi muốn nói với họ, đúng hơn, tôi muốn xin họ, (nếu tình cờ đọc được những giòng chữ này,) hãy thông cảm, hãy tha thứ cho các bạn thời niên thiếu của tôi. Thông cảm và, tha thứ cho họ những lỗi lầm, những hư hỏng, những tan hoang, những đổ vỡ, những máu xương bất hạnh (mà) họ (cũng như tôi,) đã từng giáng, trút xuống phần đời thiếu nữ, phần đời thanh xuân, một lần, của quý vị.

Tôi tin, quý vị sẽ thông cảm, sẽ tha thứ cho những người bạn thời niên thiếu tôi, (luôn cả tôi,) nếu quý vị biết rằng, hôm nay, khi tất cả sắp hay, đã bước vào tuổi 60, nhưng họ vẫn còn là những

những cậu học sinh trung học trong "giờ ra chơi cuối cùng" kỳ diệu.

Sâu, xa trong họ, theo ghi nhận của tôi, vẫn là bản chất hồn nhiên, vô tư, trẻ thơ tới tội nghiệp.

Sâu, xa trong họ, theo ghi nhận của tôi, thủy chung, họ vẫn chỉ là những đứa trẻ con. Những "đứa trẻ con" kia, sẽ theo họ tới phút cuối, đời họ. Tôi biết chắc, điều đó!

Bởi vì, trước khi chia tay, họ còn hân hoan, vô tư đến đau lòng, khi hò hẹn:

"Sẽ gặp lại nhau, 44 năm nữa...!"

## Đời ta

Chắc chị Giao sẽ thất vọng không ít với chuyến trở về lần này của tôi. Những việc chị dặn dò tôi không làm được một phần ba. Tổng kết thiện chí tôi đã trong bấy nhiêu ngày trở về phố cũ, ngoài hai xấp hàng và đôi giày đặt theo mẫu chân đo sẵn, tôi không làm thêm được một việc nào khác cho chị, đúng hơn những việc còn lại, chất cao như núi kia, cũng có loé lên đôi lần trong trí nhớ mờ mờ của tôi. Tôi không muốn đổ lỗi cho chàng. Bởi với tôi, thời gian được gán gửi bên chàng, như thế vẫn là chưa đủ, dù sự thực nó đã quá mức, nó đã quá đáng trong mắt nhìn thấy rõ của mẹ tôi, những buổi tối ngồi chờ tôi trở về, những khuya khua khuấy khi ba tôi rời chiếc xe lăn của ông để nằm vào chỗ nằm bao năm khô cứng và lạnh lẽo như ba mặt ván khô của một chiếc quan tài không nắp. Một lần nào đó, khi tôi chưa lìa khỏi chiếc bàn ăn âm thầm với người mẹ lặng lẽ chiu chắt từng bữa, với người anh lạnh lùng cùng những nếp nhăn như những sợi dây thung chừng giãn, dán sâu trên vầng trán tối, và người chị dâu nín giữ nụ cười mình, để quên đi tuổi thanh xuân vừa chớm, ba tôi bảo, khi tôi leo hết những bậc thang gác chênh vênh, lên chỗ người ngồi, bên một cửa sổ nhỏ, để đỡ người vào giường nằm :

Con để ba ở đây thêm chút nữa. Ba sợ lắm, chỗ nằm của ba. (Ông nói và nhìn vào chiếc giường nệm võng cuống, in dấu một hình thù nào đó, không phải là hình người). Con có thấy trời đêm nay nhiều sao ? Ba chỉ nhìn được có một vì sao mà thôi. Sao hôm đó con. Bao giờ cũng thế, sao hôm. Sao hôm. (Ông lặp lại hai chữ này với cái giọng khác thường. Cái giọng nghe thoáng như một hơi thở yếu, hắt ra từ một lồng ngực lép). Tôi rùng mình lùi lại, dựa lưng nơi vách ván, chìm sâu mặt mình trong khoảng tối sệt đặc sau lưng ông. Hình như cùng lúc, ở trong tôi, dấy lên những cảm giác và ý nghĩ mâu thuẫn. Tôi chợt thấy thương ông như thể sau câu nói thều thào kia, chắc chẳng bao giờ ông còn nói nữa. Ông đã tắt thở và tôi là người cuối cùng, được nghe cái giọng nói (không phải) của ông – giọng nói của một kẻ xa lạ. Chính cái cảm giác này, đã đưa tới những gai ốc trên hai cánh tay và dọc theo sống lưng. Tôi đưa tay bụng lấy ngực mình. Hình như tôi tin tưởng cử chỉ này sẽ giữ tôi đứng vững hơn và sẽ giúp tôi nhìn tầm lưng của kẻ lạ mặt chính là ba tôi. Chính là người đã nuôi tôi từ những ngày còn trong bào thai. Chính là người mỗi buổi sáng đã ôm cặp bước ra khỏi nhà, để nuôi cả gia đình, và tôi là người đang tiếp tục công việc còm cõi ấy. Tôi không muốn đổ lỗi cho chàng, mặc dù chàng là cái cớ hay nhất và đáng nêu nhất, như những người con gái khác thường viện dẫn, để đánh lừa, để gìn giữ một cách không thực, một cách mong manh, giả dối với chính lòng mình. Không. Tôi nhìn nhận, tôi đã đi chơi với chàng. Tôi đã trở lại những con đường của bao năm trước đây. Tôi đã hít thở cái lượng không khí của những năm tháng cũ. Những năm tháng chưa có hình bóng chàng trong đời tôi.

Những năm tháng tâm hồn tôi còn như một dải khói, trí óc tôi còn chỗ cho những mơ mộng như cỏ xanh vươn lên sau một trận mưa tưới tã. Bây giờ tôi trở lại trên những con đường đó, dưới những tàng cây và hít thở cái lượng không khí đó. Tâm hồn tôi đã không còn là một dải khói. Trí

óc tôi đã không còn là nơi ươm giữ những mơ mộng của một thời trẻ dại, mà tâm hồn tôi đã trở thành nơi cất giấu những nùng nòn, những đam mê, những run rẩy, sáng lên từ đôi mắt chàng đăm đăm, từ cánh tay chàng buồn bã (và thô bạo). Tôi không muốn đổ lỗi cho chàng bởi quả thực, chính tôi, mới là người hưởng được từ chàng những gì mà tự tôi, không thể có. Vậy thì có lý gì, tôi lại đổ lỗi cho chàng khi chính tôi đã nâng những ngón tay chàng thơm khét mùi thuốc lá lên môi hôn. Có lý gì, khi chính tôi, đã ngả đầu vào ngực chàng và thở mùi thịt da chàng ngái ngái. Có lý gì khi được chàng ghi siết, tôi đã tan đi (để trở thành một tôi), thên thàng bát ngát, một tôi như trăm nghìn con sóng lớn, một tôi như bát ngát chân mây. Có lý gì, khi chàng cúi hôn, đôi mắt tôi nhắm lại, hơi thở chàng nồng nồng, và những tế bào như nở ra, như lớn phồng lên để chứa đựng cho căng hết thể tích có được? Cái rung động ngây ngất, cái cảm xúc như dao nhọn, cắt vạch từng đường máu chảy, trên cùng khắp thân thể. Có lý gì, như tôi đang ngồi với chàng trong ngôi quán này. Buổi chiều bị những lưới sắt nặng cắt thành từng miếng vuông, với những sợi nắng còn đọng lại ở bên kia đường và trong những sợi tóc tôi đang bị những ngón tay chàng lấy đi khỏi đôi môi. Cũng những ngón tay đó, chàng vuốt làn từ vai xuống tới những đầu ngón tay. Toàn thân tôi run rẩy.

Chàng nói :

- Nhỏ, đang nghĩ tới ngày đi ?
- Em không thích anh nhắc tới chuyện đó.

Chàng cười, đốt điếu thuốc mới :

- Không thích bởi đó là điều trước sau gì cũng phải tới.
- Hay nó không bao giờ tới.

Tôi trả lời chàng và nhớ tới đêm nói chuyện với anh Long. Anh không muốn tôi xa gia đình thêm. Anh muốn tôi bỏ tất cả công việc để trở về. Anh nói mẹ đã già, ba sống chết ngày nào không biết.

Em nên về, và tiếp tục học lại.

Tôi còn nhỏ để đi học lại, nhưng đời sống đã cho tôi những cái nhìn không còn thích hợp với giảng đường, với giáo sư, với bằng hữu. Tôi hỏi chàng phải chăng như vậy. Chàng bảo "Nhỏ không còn thích hợp với bất cứ một việc làm nào, ngoại trừ việc yêu anh".

Chàng cười nhìn sâu vào mắt tôi :

- Dù sao thì em cũng nên thu xếp những công việc còn đang dở dang. Em ở lại thành phố này hay ra đi để sống lại những ngày tháng đã qua, với anh, ở đâu cũng được. Ở đâu, em cũng vẫn là em. Là nhỏ. Nhỏ của anh. Láu lỉnh thơ ngây và tuyệt diệu.

Tôi nép vào người chàng và giữ lấy bàn tay chàng trong đôi tay mình chan chứa. Tôi không biết phải nói gì, để chàng hiểu tôi đang sung sướng. Tôi đang xúc động. Mỗi khi sung sướng, mỗi khi những xúc động chọt vắn lên như vậy, thường tôi không nói được. Hình như ở trong tôi lúc đó tất cả đều nhẹ đi, đều loãng ra, để chỉ thấy một điều, quả thực tôi còn nhỏ. Tôi còn nhỏ lắm. Tôi chưa qua tuổi trưởng thành để phải bước vào đời sống. Tôi cũng chưa qua cái tuổi đủ, để có thể tự mình, đứng như cây. Tự mình, đứng như núi. Tôi vẫn còn cần một mái nhà để trở về. Tôi vẫn còn cần một bàn tay chăm sóc và hơn thế, tôi mới khám phá thấy (gần đây thôi, từ ngày gặp chàng) tôi cần, một ánh mắt, một ánh mắt như ánh sáng của sao hôm (trong đời sống những

ngày tuổi già bệnh hoạn của ba tôi) để nương vào đó, tôi bước đi, những ngày gió lớn. Để nương vào đó, tôi bước đi, những đêm đông lên. Tôi cần, phải tôi cần, một cái gì khác hơn những thứ mà mẹ tôi có thể cho, anh chị tôi có thể chia sẻ. Nhưng bản chất tôi, vốn là bản chất của phiến đá, nếu có thể ví von như vậy. Tôi là một cái gì đã thành khối, đã kết tụ, và tự đó, bao nhiêu va chạm, bao nhiêu xô đẩy trên tôi chỉ là những giọt nước xối trên một mặt gương dốc. Cho tới khi tôi gặp được chàng. Có người sẽ cho là tôi lãng mạn, hay bị nhiễm độc bởi tiểu thuyết, nếu tôi ví sự gặp gỡ chàng, ở tôi, như giọt lệ của nàng My Nương nhỏ xuống chén trà trên chính tay nàng, và hình ảnh nảo nùng khổ lụy của anh Trương Chi lúc đó mới tan đi. Nhưng có một điểm khác biệt, tôi nghĩ, cũng nên nói ngay rằng ở một mặt nào đó, âm thầm, của mặc cảm và tiềm thức, tôi đã tự ví mình như một thứ Tương Chi. Cái vết chàm trên trán, ở một góc khuất, ở một chỗ tôi có thể kéo cho những sợi tóc che đi, chính là cái nguyên đã nung nấu trong tôi cái ý nghĩ chua chát ấy. Tôi muốn trả lời chàng tôi bắt đầu cảm thấy ghê tởm thành phố đó. Cái thành phố của ác ý, những độc địa tin đồn. Cái thành phố, không dĩ vãng. Cái thành phố của những gì tạm bợ nhất và trâng tráo nhất. Nhưng rồi tôi lại chỉ có thể nói được một câu ngắn ngủi :

- Em sợ. Trở lại.

- Ai cũng sợ những trở lại, và ai cũng mơ ước trở lại.

- Đó không phải là chỗ của em. Chỗ của mơ ước.

- Sự thực, chẳng bao giờ chúng ta có chỗ. Chúng ta chỉ có một nơi chốn, hiểu theo nghĩa nào đấy mà mình tự lựa chọn lấy.

- Là trái tim của tình yêu ?

Chàng gật đầu buồn bã :

- Và những kỷ niệm.

.... Hình như anh hay nói với em về những kỷ niệm, những ngày thơ ấu bần hàn trong một quá khứ rách rưới, Hình như anh ưa nhìn sâu, thật sâu nơi mắt em. Đôi mắt chim. Đôi mắt mà ai đó, viết :

đó là nơi người ta có thể tìm thấy những bóng chim mỗi cánh giương hồ đậu lại. Và ngủ yên. Rất ngoan. Hình như anh đã yêu em, anh đã yêu em từ phút giây đầu tiên của gặp gỡ thứ nhất. Hình như, anh cũng đã nói với em, ở đâu đó, trong một góc xó tối tăm nào, dưới một tàng cây, ở một hè đường, trên một bệ đá, anh yêu em. Anh yêu em. Hơi nhỏ. Em không thể hiểu được tình yêu của anh, nếu em chưa hiểu cái nghĩa của núi thì nghìn năm cô đơn, và ngựa thì một đời bương bả. Em không thể hiểu được tình yêu của anh, nếu em chưa hiểu điều đáng nói không phải là tình yêu thứ nhất, mà chính là cuối cùng. Một kiếp, tình yêu có còn đấy ? Hình như, phải hình như, anh đã ôm em và hôn em lần đầu, khi chúng ta chọn góc tối của một quán vắng, và giữa bóng đêm, giữa tiếng nhạc bập bùng của một ngày cuối năm, của một ngày vừa bước qua đời em, một tuổi khác. Và em, những giọt lệ vu vơ đã ứa chảy. Và anh, bàn tay nắm khô đã xò ra cho chính mắt nhìn mình, ngó xuống. Hình như anh đã muốn quỳ xuống dưới chân em, như một con chiên trước một thiên thần thánh thiện. Và em, đã mắt mờ lớn nhìn buồn, đã tóc mềm trên môi, níu giữ anh, như níu giữ một sợi khói mong manh, nhẹ hẫng. Hình như anh đã nói với em, nhiều lần về một tương lai tôi tả đang đợi chờ em ở cuối đường đấm đuối, và em đã trả lời :

Em biết. Và em đã gật đầu, lặng lẽ quay đi. Hình như anh đã hôn em lâu nhất, một lần, khi chúng ta ngã lưng ở giữa chừng con đường dần lên đỉnh trời, mà biển xanh thì dưới thấp. Khi anh

buông em, em lặng chết như một tàu lá non vừa lia cành, thiếp đi khi bão tạnh. Hình như dĩ vãng em đã mở ra trong anh, cùng những nhọc nhằn, những u uẩn tưởng sẽ theo em âm thầm về thế giới bên kia của sự nín thinh bần bật. Và đêm đó, phải không, em đã khóc. Em khóc thật ngon, trong tay anh, và trái tim em thì lại đập quá nhịp. Hơi thở em nghẹn lại và ngực em nóng ran những hơi thở không thoát được. Em hiểu gì, hơi nhỏ ? Hơi nhỏ dẫu yêu kia. Em hiểu gì khi toàn thân anh run lên và hàm răng nghiến lại. Đó là lúc anh cắm sâu trên da thịt em thơm mùi trinh nữ, những vết hằn của những chiếc răng chứa đầy dục vọng. Em hiểu gì khi anh đưa em về, chị Giao đứng chờ em sau tấm màn lay động. Anh nâng cầm em lên và nụ hôn được gửi tới. Nụ hôn được gửi tới vết chàm trong một góc nhỏ của vuông trán em, bập bùng sâu tối. Em xuống xe và những bước chân run chạy đau, nhàu trên nền sương đất đỏ. Em biến nhanh. Biến đi thật nhanh trong bóng tối, như một nàng tiên không có thật.

Như người con gái anh chỉ gặp trong giấc mơ lẻ loi giữa gối chăn anh về sáng. Em dẫu yêu. Em dẫu yêu ngàn đời, hơi nhỏ. Hơi nhỏ của lòng anh anh điên rồ và tham lam, ích kỷ.

Lạy Chúa chúng tôi yêu nhau và không cần có ngài chứng giám.

Chuyến xe đem chúng tôi vào khu vực của những người xa lạ từ tiếng nói tới nếp sống. Phải nói là tôi biết trước nơi đến nhưng tôi im lặng và chỉ giữ trong tay mình, những ngón tay chàng yên lặng. Sự trở lại, thêm một lần, không đủ cho tôi cái cảm giác quen thuộc và bớt hoang hốt. Tuy nhiên, vì yêu chàng, vì đã tự nguyện hiến đời mình cho chàng, đúng như những ý niệm dứt khoát của tôi về tình yêu, về người-một- đời, nên tôi cố tạo cho mình một bề ngoài cứng cõi, lạnh lùng, sau khi nói với chàng một câu ngắn, một câu mà tôi biết trước chàng sẽ chỉ đáp lại bằng cái nhìn đăm đăm, xoáy buốt :

- Anh....

Một chữ, tôi không hiểu, đã đủ chưa ? Đủ không ? Diễn tả tâm trạng cũng như tình yêu và lòng tin cậy phó thác nơi chàng. Lần này, chàng đáp lại, cũng chỉ bằng một tiếng thốt kêu se se, tiếng chiêu dụ mơ hồ của loài chim cánh lớn.

- Nhỏ.

Căn phòng mở ra, tôi lao chao trước khi ngã xuống. Chàng vẫn thô bạo và tham lam với một trận mưa hôn trên khắp thân thể tôi. Hình như, tôi đã thành một con sâu kèn. Một con sâu kèn. Tôi cuốn gọn mình lại, trong chiếc kén chàng, nóng hổi và nháp cứng. Thời gian đã không còn là một ý niệm, vì nó đã ngưng đọng. Nó đọng lại ở một góc của căn phòng, ở nơi ngọn đèn tím trên vách tường vôi sần, ở tấm màn nhung thả xuôi óng ả màu huyết dụ, cách ngăn với bầu trời phía ngoài và những tiếng động ồn ào ở dưới thấp. Thời gian chảy trũng xuống hố thẳm của cảm xúc thên thang lửa ngọn. lát sau, chàng buông tôi ra, để loay hoay tìm đôi mắt. Tôi giấu mặt mình vào ngực chàng. Tôi bẽn lến và xấu hổ trong tình yêu, trong những ve vuốt xúc động. Tôi xấu hổ với những bốc cháy rực rỡ tự nhiên, bùng bùng trên từng tắc thịt da đăm đăm mùi thuốc lá và mùi hơi của chàng. Tôi xấu hổ nhưng tôi nhìn nhận nó.

Tôi nói:

- Đừng nhìn em.

Chàng hỏi:

- Tại sao ?

- Không biết. Nhưng anh đừng nhìn. Em không cho anh nhìn đâu.

Tôi nói qua lớp vải mang mùi mồ hôi chàng. Hình như chàng cười, và ngửa mặt lên trần thả những hơi thuốc đã bắt đầu dễ chịu với tôi.

Chàng bảo:

- Em biết tại sao anh yêu em ?

Tôi dụi dụi mặt mình vào cạ nh sư ờ n chà ng, thay cho cái lắc đầu.

- Tại em trẻ con. Em trẻ con, em thơ ngây và khờ dại. Đôi khi anh nghi ngờ ngay cả em, có thực ?

Ngay cả tình yêu chúng ta, có thực ? Có thực không, chúng ta đang nằm với nhau ở đây ?

Tôi hỏi tại sao chàng lại có thể nghi ngờ cái mà lẽ ra chàng phải thấy không thể thực hơn. Phải, không thể thực hơn, khi tay anh lần mò trên mặt em, khi môi anh lướt lần trên người em. Khi những ngón tay anh kẹp lại, kéo dài cái mũi nhọn của em. Cái mũi mà anh vẫn gọi đùa là của ông De Gaulle. Cái mũi của Cléopâtre, nếu có đẹp chắc cũng chỉ đến thế là cùng.

Chàng đáp:

- Tại vì em tuyệt vời quá. Em gày gò, em ốm yếu. Em mong manh khiến anh luôn lo sợ, như lo sợ một cái gì đã rạn nứt....

Tôi giảm bớt trang nghiêm và nén xuống phần nào ngọn sóng cảm xúc vừa dềnh lên sau câu nói của chàng:

- Hóa ra em tuyệt vời chỉ vì em là đại diện của hãng tắm tre.... ? Và đẩy lý luận tiếp thêm một bước nữa, thì những người đại diện cho hãng tắm tre là những người tuyệt vời nhất nước ?

Chàng cười thành tiếng, tát liên tiếp mấy cái trên má tôi:

- Nhỏ. Lém vừa chứ.

Tôi cãi:

- Bộ không đúng như lời anh nói sao ? Ở....

Những trái xanh hạnh phúc rớt xuống cuộc tình chúng tôi như những hạt mưa liên tiếp. Những hạt mưa thật lớn của những cơn mưa rào, không dứt. Vậy mà không hiểu sao tôi lại sợ hãi hơn cả : những giây phút một đời đó !

Tôi bắt đầu kể cho chàng nghe những gì đến với tôi, từ khi gặp chàng. Những gì trong lớp học, những gì trong gia đình và những quen biết với cả hai đứa. Tôi không có ý để chàng thấy cái mặt thật ẩn sau những chiếc mặt nạ tốt đẹp là tình thân, là tình bằng hữu (đáng quý theo chàng) nơi những người bạn của chàng. Những người mà có lẽ tôi gần họ, tôi va chạm với họ hàng ngày, nhiều hơn chàng. Tôi đã cố tránh và giấu giữ được nhiều lần, những chuyện đó. Vậy mà, giờ đây, tôi đã kể. Tuy nhiên, tôi lại thấy mình đáng được giảm khinh phần nào vì tôi vẫn còn giữ lại

được một điều, một điều đau lòng, một điều khó nói.... Chẳng bao giờ nên nói, phải không anh cái điều ấy. Và nhỏ nghĩ, chính anh, anh cũng không muốn nghe lại dù là sự thực. Một sự thực như máu đang rào rạt cuốn trôi tình yêu anh nồng nàn ngược xuôi trong tim em. Một sự thực nếu được lập lại, cái chua xót sẽ khủng khiếp cả trăm lần hơn, ở em. Đó là đời sống của anh với những bữa vây, những vòng dây trói siết. Những điều đó, không phải em không biết. Không. Em biết từ những ngày chúng ta chưa yêu nhau. Em biết từ những ngày em còn một mình tóc ngậm ngang môi, hùi hắt giữa những hàng ghế của giảng đường. Khi mà tâm hồn em còn thơm mùi sách vở, còn mát buồn guốc gỗ đôi chân. Nhưng người ta, phải người ta, cái đám đông có mặt mũi, có đầu óc, chứa đựng những mũi tên tẩm độc đã không ngót bắn vào tâm hồn em, những lượng thuốc giết người, những mũi dao nhỏ nhen, hèn hạ. Nhưng cái đám đông kia, những con mắt đó, những hình thù thú vật nọ, đâu có biết, chính những bất toàn, chính những đe dọa chập chờn, những hứa hẹn tương lai thảm thiết, những đường gươm định mệnh chờn vờn trên đầu cuộc tình chúng ta, trên chính ý nghĩa tận cùng và duy nhất của đời sống em, đã làm em, thấy thiết tha hơn, đời sống mình. Thấy cao cả hơn, tình yêu của em, thấy hùng vĩ hơn đời sống và tâm hồn em nguy nga. Dù cái hùng vĩ đó có là một hùng vĩ hắt lại từ một mặt khác của điều tàn. Dù cái nguy nga đó, có là một nguy nga hắt lại từ một mặt khác của tối tăm, tối tã. Nhưng em chấp nhận, như em đã chấp nhận đời sống này. Chấp nhận đám đông, chấp nhận định mệnh (dù thế nào) khi em bước những bước chân đầu tiên rời xa khỏi vòng tay che chở rào đón của mẹ. Họ, cái đám đông hèn hạ, cái đám đông có hình thù, biết đâu rằng, em quan niệm, thà sống được một phút với ước mơ mình đã tưởng, thà hưởng được một giây đời sống mình đã ước, còn hơn sống một đời, sống cả kiếp nhạt tẻ, còn hơn ôm trong tay, cả đời một hình thù mà mình không chút cảm kính, yêu thương và đấm ngát. Tình yêu hiểu theo một nghĩa nào, phải là đồng bão bất ngờ từ trời cao trút xuống.

Tình yêu, cơn địa chấn giật sập, bóp vụn thành từng mảnh nhỏ những kiên cố nghìn năm. Tình yêu không là một van xin, một nài nỉ. Tôi nghĩ thế. Và tôi yêu chàng, và tôi, trong tình yêu chàng như một chiếc lá bị xoáy vào giữa tâm bão. Tôi không đắn đo, không so kè, chẳng tính toán. Tôi yêu chính tình yêu (đau xót ?) của tôi. Có lẽ thế. Có lẽ đó là cái lý do giải thích được tại sao tôi chọn chàng để yêu trong một nhìn trước, bi đát. Trong một nhìn trước, tang thương. Đám đông kia hỡi, đã hiểu gì ? Mai kia, có thể chàng sẽ bỏ tôi, và một kẻ trong đám đông có thể vẫn còn mơ ước được có tôi làm vợ. Ôi thảm hại thay kẻ nào đấy! Tôi kể cho chàng nghe những buổi sáng sau cuộc chia tay, một mình lủi thủi tới trường.

Những buổi trưa trở về trên những con đường dẫu xe còn nguyên vẹn. Những buổi tối nằm giấu mặt vào chiếc gối lạnh và tưởng tới mùi hơi chàng thoang thoảng. Tôi nói với chàng miên man, đủ chuyện. Tôi đem cả chuyện chi gì đó, anh gì đó, những người mà chàng không hề biết mặt, kể với chàng như thể chàng cũng đã từng tham dự ít nhiều vào đời sống họ. Tôi nói nhiều, tôi cố gắng và tìm mọi cách nói không dứt, như để khóa lấp xúc động đang ứ nghẹn ngực thở. Chàng lắng nghe với một tai và óc thì nghĩ tới những gì, đâu đâu. Một chốn nào ? Một cõi mù tăm nào ? Mà tôi, không có đó. Tôi nhận thấy chàng thường có những lúc xa vắng cách biệt hoàn toàn như vậy. Dĩ vắng và kỷ niệm của chàng như rừng.

Trong khi tôi chỉ là một con sóc nhỏ. Những cố gắng của tôi chỉ đủ để khám phá từng nhánh cây, trong khu vực nhỏ trong cánh rừng đời sống chàng thênh thang. Tôi không một chút ghen tỵ với phần chiếm giữ khiêm nhường có được trong mệnh mông đời chàng, tí tấp. Tôi bằng lòng với hiện tại, chàng ở bên tôi và tôi ở trong chàng. Tôi bằng lòng với những phút giây chàng nhìn ngắm tôi như một báu vật. Một báu vật linh thiêng và kỳ diệu. Phải chăng chàng đã làm tôi lớn lên và nhỏ lại, cùng lúc, trong những tia nhìn, những vòng tay, những nụ hôn tán bạo, và.... quá lắm.

Tất nhiên dù tôi có miên man với những chuyện kể của mình tới đâu, cuối cùng rồi cũng phải ngừng lại. Cuối cùng, tôi phải im lặng để lắng nghe trở lại (cái mà mình muốn trốn chạy) những

xúc động lần đầu, những thấp sáng có một, chưa hai, nơi con người, nơi những miền bí mật trong tôi. Lẫn với cảm xúc quặn thắt là những đau đớn xé nát thịt da, thấu tới xương, đọng tới tủy. Tôi kêu lên những tiếng kêu xa lạ chưa hề. Tôi cố cắn răng nhưng những giọt nước mắt đau đớn vẫn ào ạt tuôn. Chàng ghì lấy tôi, trong cơn mê và trong xót xa yêu dấu. Chàng giấu mặt trên ngực tôi. Chàng giấu mặt vào những lọn tóc tôi lòa xòa đẫm mồ hôi cùng nước mắt. Có lẽ chàng không đành lòng nhìn tôi đầm đìa của cảm xúc và lòng tin yêu tuyệt đối. Có lẽ chàng không chịu đựng nổi những giọt nước mắt lăn đi từ đôi mắt tôi mờ lớn kinh hoàng. Có lẽ chàng chỉ có thể trả lời những tiếng gọi (như tiếng dội lại của những hạt mưa trên thềm nhà) anh.... anh.... anh.... bằng những đáp ứng cũng mơ hồ xa ngái:

Nhỏ.... anh đây.... Nhỏ.... anh đây....

Những đau đớn trào bật, như những phún xuất thạch tràn từ một miệng núi lửa hung dữ nhưng mau nguội. Tôi giữ ghì lấy chàng và ngưng bật tiến khóc. Mắt tôi mờ trong cạnh sườn chàng tối và ẩm mùi hơi bịn rịn. Chàng ve vuốt phần lưng trần tôi bỏ ngoài ánh sáng. Bàn tay chàng như kéo theo một tình nghĩa nào, mới mẻ, mới hơn cả tình yêu, đi khắp thân thể tôi. Hình như cả hai đưa cùng mừng mừng trong một thứ buồn phiền thân mật và tin cậy. Tôi thiếp đi trên cánh tay chàng. Lúc tỉnh dậy, trời đã sẫm tối, tôi thấy chàng đăm đăm nhìn tôi với một bàn tay cời cời những sợi tóc trên trán. Tôi lại giấu mặt mình vào ngực chàng. Tôi muốn nói :

Em sung sướng, em hạnh phúc, dù anh làm em đau đớn và sợ hãi.

Không biết anh có nên nói với em dù thế nào thì chúng ta cũng chẳng thể xa nhau. Dù thế nào thì cuộc đời cũng đã gắn liền ta với nhau, như một khối, thuần nhất và thuần chất. Không biết anh có nên nói với em, cái lo sợ kia, cái hoảng hốt nọ, khi em nghĩ anh chẳng thể suốt đời ở bên em, chỉ là cái lo sợ viên vông, cái mặt vầng bên trên của một dòng nước siết. Có bao giờ anh nghĩ anh sẽ xa em ! Có bao giờ anh nghĩ, em không còn là của anh, và một ngày kia, chúng ta sẽ nhìn nhau như một người lạ mặt. Chẳng bao giờ. Chẳng bao giờ có thể. Hỡi nhỏ, hỡi nhỏ dấu yêu của lòng anh đắm đuối. Anh có thể đánh lừa những khôn ngoan lạnh lợi của kẻ khác. Anh có thể thích thú trong trò chơi đấu trí với tất cả ý nghĩa đầu tiên của cuộc chơi là mưu mô, là thủ đoạn. Nhưng với em, ôi nhỏ của lòng anh già cỗi, anh không thể đánh lừa em, đánh lừa kẻ đã phó thác đời mình cho anh, ngay từ tia nhìn thứ nhất,.

Anh không thể gian dối với em, bởi vì em không thể tuyệt vời, thơ ngây và tin cậy nơi anh, hơn bất cứ một người yêu nào có thể tin nơi một người khác. Anh cần và anh cảm động. Anh nâng niu và anh thấy ngay từ phút giây đầu, cái thiêng liêng lẫm liệt của một tin cậy phó thác ấy. Suốt đời anh chỉ ước mơ, một lần, được có thể. Và có lẽ cả một đời người đàn ông, cũng chỉ mong một lần có được thế. Em hiểu không hỡi nhỏ, một lần được có trong tay, một bé nhỏ, như một báu vật, như một tượng trưng cụ thể của lòng tin tưởng tuyệt đối và một phó mặc tiêu biểu cho một đam mê đắm ngất nhất. Em đã cho anh những giây phút nhớ lại, những hãnh diện với chính bản năng giống đực của mình :

Anh cao cả và uy nghi. Anh hạnh phúc tột cùng và tan đi tận kiếp.

Em yêu dấu, không biết anh có cần phải nhắc lại ở đây với em, một lần nữa, chẳng bao giờ anh nghĩ đời anh với những phút giây đứng bóng trưa này, lại được gặp em, lại được nâng niu và cất giữ em trong tay, cho riêng mình, như cất giữ em và dấu yêu chính đời mình bao năm tìm kiếm. Giữa những ảo ảnh của một đời anh tối tăm, anh không dám quả quyết tình yêu kia, em dấu yêu đó, có thực. Hay cuối cùng cũng chỉ là hư tưởng! Có lẽ tại đời anh thâm trầm quá. Đời anh những ngày mới lớn, những ngày niên thiếu bơ vơ, chạy suốt một đường dài không tìm lấy được cho mình lấy một bóng mát. Anh khô nẻ, anh cỗi cằn, như củi. Và khi yêu em, phải thế chẳng, anh



yếu đuối và hơn ghen như trẻ nhỏ. Đã giữ em trong tay, đã giấu em trong lòng, đã giam nhốt em một đời trong chiêm đoạt tận cùng, mà vẫn còn âu lo một ngày bão bùng chim kia vỗ cánh. Anh làm sao yên lòng, khi xa em. Anh làm sao không thẳng thốt, sau những giấc mơ hung dữ. Em ở đâu, hỡi nhỏ. Nhỏ dẫu yêu, nhỏ tuyệt vời và luôn luôn thấy ghét. Hãy nhìn anh, hãy nhìn nữa đi, sâu thấu vào đôi mắt anh. Đôi mắt anh buồn quá, phải không em. Hãy trả lời anh, hãy trả lời câu hỏi thừa thãi, câu hỏi không cần thiết giữa chúng ta :

Em yêu anh ? Em yêu anh ? Anh hỏi em cả trăm lần và cả trăm lần em chỉ nhìn anh, bằng đôi mắt chim sáng long lanh một trời ngọc thạch. Và em im lặng. Và em nhắm mắt đem đôi môi mình vói lên khuôn mặt anh cũng dần dần khép lại.

Lạy Chúa, chúng tôi yêu nhau trong bão bùng của một tương lai khổ lụy chập trùng. Nhưng ở đây vẫn là một lời nguyện cầu, không cần ngài chứng giám.

Dòng sông thăm thẳm như tâm hồn chàng. Và những đợt sóng lăn tăn, là những giao động thường xuyên của tâm hồn tôi trên mặt nổi của tình yêu u kín đó. Hầu như chàng không ăn mà chỉ nhìn tôi qua làn khói. Tôi biết chàng chăm chú nhìn, nhưng vẫn líu lo nói, và ríu rít ăn, để chàng mãn nguyện với ý thích được ngồi nhìn tôi ăn. Món ăn không đem tới vị giác tôi một cảm giác nào, bởi tất cả đã trở thành chàng. Tất cả đã trở thành tình yêu của hai đứa, và tôi ăn, tôi nhai chính tình yêu của chúng tôi, chính cái âu yếm và nồng nàn chàng đã phả thờ vào đó. Chàng kể tôi nghe chàng thường tới chỗ ngồi này, những ngày xưa với một người đàn bà. Tôi nhớ rõ tên người đàn bà đó. Nhưng có lẽ tôi cũng chẳng nên kể tên người đó ra làm chi. Tôi chỉ muốn nói khi nghe chuyện này, tui đã nghe với tất cả thích thú và sung sướng. Cái sung sướng của cảm tưởng đã là vợ chàng và chàng không còn gì để phải giấu giếm, để phải che đậy hay chối quanh. Tôi bằng lòng với sự thành thực chan chứa tình nghĩa vợ chồng đó. Tôi mỉm cười với những mẩu chuyện nho nhỏ chàng thuật lại giữa hai người. Hình như giây phút ấy, tôi không còn là trẻ con nữa (mặc dù chàng vẫn không quên gọi tôi bằng nhỏ) tôi đã là một người khác. Một người lớn ít ra là trong tình yêu của chàng. Có thể vì thế mà tôi không một chút hơn ghen, khó chịu. Tôi thích thú và hài lòng một cách rất thiết tha. Tôi còn muốn nghe chàng nói nhiều hơn thế. Về người đàn bà đó. Tôi còn muốn nghe chàng nói nhiều hơn nữa về những người khác. Và tôi nghĩ, tôi còn là một người bạn, một người bạn nhỏ, tri kỷ (phải không anh) của chàng. Tôi hỏi:

- Sao anh không tới với em những ngày em còn trên ghế nhà trường ?

Chàng đáp:

- Làm sao tới được với em khi anh đã lớn và em thì còn mặc quần.... xề dững.

Tôi không thể nín tiếng cười lớn và nhanh tay ngắt chàng. Chẳng biết cái ngắt của tôi có đau không nhưng chàng cũng làm vẻ xuýt xoa.

- Anh chỉ được cái chọc em là không ai bằng.

Chàng gật đầu, và cốc nhẹ nhẹ lên đầu tôi:

- Ai bảo nhỏ không là người lớn.

- Để ăn hiếp được anh ?

- Không phải. Để anh bớt cú đầu em thì đúng hơn.

- Chứ không phải để anh sớm hết yêu em ?

Tôi nói nhanh và nhìn vào mặt chàng. Chàng nhìn lại tôi. (Đôi mắt lại đăm đăm) Lắc đầu:

- Chẳng bao giờ. Nhỏ.

Tôi cúi xuống:

- Dạ.

- Anh yêu em.

Tôi đưa bàn tay mình sang phía chàng. Chàng nắm lấy, siết lại. Những ngón tay tôi vẹo đi trong cái siết này. Tôi đau đớn nhìn mặt nhưng cố để khỏi kêu thành tiếng.

Ở phía xa một chiếc tàu tuần pha đèn chạy, tạo thành những con sóng lớn xô tấp mạn bờ. Tiếng dội ì ào, khơi lên cái cảm giác buồn ngủ.

Tôi nói với chàng tôi cũng yêu sóng. Những ngày còn đi học, tôi cũng đã có những buổi chiều lang thang một mình ra bờ sông. Nhìn dòng nước chảy. Và nhìn lại lòng mình, trống không.

- May quá.

Tôi hỏi lại tại sao. Chàng bảo:

- Nếu lòng em những ngày đó, đã được làm đầy thì anh đâu còn có ngày nay. Buổi tối này, ngồi đây.

Tôi muốn mắng yêu chàng :

lúc nào cũng chỉ kiếm chuyện để ghen với em. Trong khi, anh thấy, em có gì đâu, về quá khứ của anh.

Tôi ngã người theo cánh tay choàng qua và kéo về của chàng. Tôi đáp nhỏ :

- Em hoàn toàn của anh. Của anh mà thôi. Anh thấy đó.

Chàng tỳ cằm lên đầu tôi, im lặng. Tôi biết chàng yêu tôi nồng nàn và có pha lẫn chút gì của một người lớn, kẻ cả. Tôi cũng im lặng. Mặt sông đêm trở lại bình thường với những con sóng lăn tăn (là những giao động của tâm hồn tôi trên mặt phẳng của tình yêu hai đứa). Tiếng sóng ở đâu đó vọng lại.

Tôi hỏi chàng cho có chuyện:

- Ngưng bắn rồi mà anh ?

Đã đành. Nhưng vẫn còn đánh lẻ tẻ. Nhỏ không đọc báo sao ?

Tôi lắc đầu:

- Tình yêu đã choán hết tất cả thì giờ của em.

Chàng chải chải tóc tôi bằng mấy ngón tay:

- Em ngoan lắm.

Tôi nghiêng mặt vào trong và lại nghe rõ mùi hơi chàng.

Hình như chúng tôi, nếu có lúc cả hai đứa cùng tranh nhau nói, thì cũng có lúc cả hai đột nhiên, cùng im lặng. Có lẽ đó là lúc mà cả hai đứa cùng chìm rơi, hụt hẫng vào khoảng không nào đó. Một khoảng chân không. Phải, những khoảng chân không của tình yêu. Và khi ấy, không bảo, chúng tôi cùng cảm thấy, có nói mấy cũng bằng thừa. Có nói gì, cũng chẳng thể bằng được một góc nhỏ của cái im lặng đang giàn ra, đang trải rộng và đang từ từ, cuộn tròn hai đứa vào nhau. Những lúc đó, thường tôi nghe rõ nhịp đập đều hòa của trái tim chàng và hơi thở nhẹ nhẹ bay ngang qua đỉnh đầu tôi. Cũng trong những phút giây im lặng của hạnh phúc ngọt tới không thực kia, tôi thấy trước sau, tôi vẫn chỉ là một đứa bé, quá bé nhỏ, tựa nương trong cái bóng lớn lẫm liệt và khuôn mặt chàng khắc khổ.

Mấy người bồi qua lại, liếc nhìn chúng tôi một cách kín đáo. Chắc họ ngạc nhiên nghĩ chúng tôi đến đây, như không phải để ăn mà để lắng nghe một cái gì, rất vu vơ, rất mơ hồ ở chung quanh, trong bóng đêm và trên mặt sông nháng tối.

Tôi gỡ tay chàng và ngồi ngay người lại. Chàng im lặng trong cử chỉ của tôi, thế rồi khi tôi vừa vuốt lại hai lọn tóc ở hai bên má, thì đột ngột chàng nâng cằm tôi lên và kéo giật tôi lại. Chàng hôn tôi.

Nụ hôn chớp nhoáng khiến tôi chỉ cảm giác sau khi chàng đã ngay người lại và đang xa, và lạnh lẽo. Tôi nói:

- Anh đừng hôn em như thế. Người ta nhìn cho.

Chàng cười và hút một hơi thuốc dài.

- Mình về nhà ?

Tôi gật đầu.

Những con đường đêm mang một vẻ gì cũ kỹ và dễ thương. Chàng chở tôi trên chiếc xe của tôi ọp ẹp. Gió từ phía sau lưng thổi theo. Tóc tôi bay và đập vào vai chàng. Chàng hát :

Người đi qua đời tôi, không nhớ gì sao người....

Tiếng hát được gió đem đi về phía trước. Tôi chỉ còn nghe được hơi thở của chàng, gần gũi. Thật gần gũi.

Lạy Chúa, chúng tôi yêu nhau, trong bất trắc và rất nhiều khổ lụy. Nếu ngài thấy được tình yêu chúng tôi, xin ngài hãy nhỏ xuống, với chúng tôi, một giọt lệ. Và xin là giọt lệ của một người, yêu kính tình yêu, như yêu kính Chúa. Bởi vì mai đây, có thể tôi lại bỏ thành phố này. Tôi ra đi, trong khi chàng ở lại. Chúa có thấy xót xa và muốn chia sẻ cùng tôi chăng ? Xin Chúa hãy đem ngày trở lại, về với tôi thật sớm. Và riêng tôi, tôi sẽ tự tìm lấy, nơi chốn ước mơ của đời mình. Chúa ở xa, ôi sao Chúa ở quá xa. Mệt mõi và tít tấp.

## Thơ Du Tử Lê Nguyễn Vy Khanh



Nhà thơ Du Tử Lê (1942-) suốt hai giai đoạn văn học, miền Nam 1954-1975 và hải ngoại, đã có những đóng góp trong việc cách tân, thử nghiệm làm mới thi-ca qua chính sáng tác của mình, nhưng sự đón nhận hình như không được đồng đều và không được giới làm văn học nói đến một cách công bằng. Trước 1975, ông được giải Văn học nghệ thuật toàn-quốc năm 1973 với một phiếu đa số, theo báo chí thời bấy giờ thì hội-đồng truyền-trạch môn thơ thích thi-ca có vần điệu hơn là những cách tân kiểu của ông trong tập *Thơ Du Tử Lê* (1). Bộ *Văn Học Miền Nam* của Võ Phiến chỉ có nhắc qua loa tên của Du Tử Lê hai lần, trong khi một bài thơ của một nữ sinh đăng báo Tết của một trường trung học ở cao nguyên đã được Võ Phiến ghi nhận như một đóng góp đáng ghi vào văn học sử (2). Bù lại, từ hai thập niên trở lại đây, đã có những nghiên cứu, trình bày và giới thiệu thơ ông. Trong số những nhà thơ Việt Nam hiện đại năng nổ làm mới thơ, Thanh Tâm Tuyền nổi lên một lần với thơ Tự-do trong một khoảng thời-gian ngắn rồi ngưng và sau trở về nguồn, Du Tử Lê đã liên tục thử nghiệm, canh tân, suốt cuộc đời làm thơ và có vẻ không lùi bước! Ông muốn làm mới ngôn ngữ, biến hóa cấu trúc, cách đặt câu, chắm câu, làm mới cách diễn tả thơ (và văn) trên trang giấy, đem thị giác mới đến với thơ. *Thơ Du Tử Lê* (1964), tác phẩm đầu tay của ông, không gây tiếng vang, tập thứ hai, *Tình Khúc Tháng Mười Một* xuất bản năm 1965 và thứ ba, *Tay Gõ Cửa Đời* (1967), bắt đầu gây chú ý, cho người thường ngoạn một số dấu chỉ rằng nhà thơ họ Lê muốn khai phá một con đường thi-ca khác lối đã quen, ở ngôn ngữ, ở cách diễn tả và ở những bất ngờ tình ý:

"tôi từ đó nhỏ nhoi như châu chấu  
như cào cào vỗ cánh chả bay xa  
người yêu tôi là thảm cỏ mượt mà  
khi tôi đậu nàng uốn mình cảm động  
(...) tôi từ đó khật khừ như bọ ngựa  
tình đam mê không dấu nỗi mọi người  
hồn đấm đui làm sao che sự thật  
tôi từ đó ải dòn như củi mục  
như mảnh bom miếng đạn vỡ trên không  
người tôi yêu đêm nước mắt đanh trong  
tôi chột nhớ từ lâu đã già trước tuổi"  
(*Giao Khúc Tháng Sáu, Tình Khúc Tháng Mười Một*).

Tập thứ tư, *Thơ Du Tử Lê 1967-1972* xuất bản năm 1972 được giải Văn học nghệ thuật năm 1973. Tập gồm những bài thơ đầy bi phẫn đối với cuộc đời, cuộc chiến, tâm tình chán chường - những "con vi trùng không tên / đục rỗng tôi tự đó .." (tr. 109), tình ái bi lụy hoặc hồn nhiên cao cả, tình riêng nhẹ bên cạnh tình quê hương đất nước. Bài *Vở Lòng Cho Một Người Con Gái Mỹ* nói lời tuyệt biệt người nữ Donna, như một khẳng định một chỗ để Về - trong vẻ Đi với Về , một ý thơ thân thương của ông: "*Không bao giờ đâu Donna, Donna / dù anh có yêu em / hơn bất cứ một thứ gì trên đất Mỹ / thì anh cũng vẫn trở về / anh vẫn phải trở về quê hương anh ...*" (tr. 71). Tập thơ cuối xuất bản trong nước, *Đời Mãi Ở Phương Đông* (1974), đã công hiến cho người thưởng ngoạn nhiều bài thơ hay và sau này được phổ nhạc. Có thể nhờ tình yêu, nhà thơ lạc quan hơn dù nỗi đau chung, thân phận chung vẫn không thoát khỏi được. Có những vần thơ tình yêu trẻ trung:

*"Khi ta đến nhỏ ở đâu hồi nhỏ  
 dung lòng ta xuôi bỏ núi qua rừng  
 thương mắt nhỏ bóng chim buồn ngủ đó  
 tiếc gì nhau? đời kể đã như không ..."*

Ra hải ngoại ông liên tục sáng tác và xuất bản các tuyển tập thơ: *Thơ Tinh* (1984) gồm những sáng tác thời 1976-1984, *Ở Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiểu* (1985-1989) với phụ tập trường khúc *Mẹ Về Biển Đông* (1989), *Đi Với Về Cùng Một Nghĩa, Như Nhau* (1991), *Chấm Dứt Luân Hồi: Em Bước Ra* (1993), *Sông Núi Người Thơm Nối Nhớ Nhà* (1996), *Vì Em, Tôi Đã Làm Sa Di* (2001),... Ngoài ra ông còn xuất bản những tuyển tập thơ song ngữ hoặc dịch ra tiếng Anh, như *Nhìn Nhau Chợt Thấy Ra Sông Núi* (1994), *Chỉ Như Mặt Khác Tám Gương Soi* (1997), *Hoa Nào Tin Quả Đẳng Đẳng Không Ngờ!* (1999), *Mẹ Về Biển Đông*, v.v. cũng như nhiều CD nhạc phổ thơ ông và một số tiểu thuyết, tuyển tập tùy bút, hồi ký và truyện. Các bài viết về Du Tử Lê và tác phẩm của ông được thu góp và in thành tuyển tập, những *Du Tử Lê Tác Giả Và Tác Phẩm*, đã ra đến tập thứ IV (2000), loại tuyển tập trước và sau ông ở hải ngoại có Nguyễn Sa, Luân Hoán và Thái Tú Hạp.

### Cách-tân thơ

Nhà thơ Du Tử Lê thử nghiệm một số biến cải thể loại *lục bát* mà ông đã bắt đầu trước 1975, ở hải ngoại ông đi xa hơn và lập luận làm nền cho chủ trương của mình. Trong bài viết "Vài nỗ lực canh tân thể Lục bát và quan niệm hoán vị / Conversion Concept" (3), Du Tử Lê cho rằng đời sống hiện nay như những mảnh vụn, nên sử-dụng những dấu chấm, phẩy để cắt vụn câu thơ. Chủ trương tiếp là dùng dấu gạch chéo slash / tức gạch đi tới trước, còn để cho phép người đọc đổi vị trí chữ theo ý riêng. Đây là ý niệm hoán vị (conversion concept) làm nhíp đi của câu thơ được ngắt lại; tính và chiều đi tới của câu thơ được cời bỏ để thơ có tự do chuyển động hai chiều và hoán vị, - tức "thay đổi vị trí trước đây vốn cố định", người đọc tự do đổi vị trí các chữ hoặc nhóm chữ đứng trước gạch chéo đến một vị trí khác trong câu thơ nếu muốn. Với ý sau này, ông tạo cơ hội cho người đọc thực sự trở thành tác giả thứ hai (4). Du Tử Lê chủ trương gạch slash / nói là để tạo cảm thông, chia sẻ; một chữ hay một nhóm chữ sẽ hoán đổi vị trí trong câu, di chuyển theo hai chiều thuận nghịch. Tiếp đó, ông đi xa hơn nữa khi đề nghị đổi Chủ thể (Subject) với Khách thể (Object) về ý nghĩa trong câu viết. Ông dẫn thử nghiệm trong *Sông Núi Người Thơm Nối Nhớ Nhà* là tập có nhiều áp dụng này:

*"tình yêu / đường xá / ghé, bàn / ngọn đèn / đêm tối:  
 hát cho tôi nghe  
 bởi chúng thấy tôi  
 vật lãng quên, lớn nhất"*  
 (tr. 83).

Cuối cùng là chủ trương thay-thể giới-tự (preposition) với thí dụ "Rừng / tôi / sâu / thờ / nốt chân trời" (*Chấm Dứt Luân Hồi: Em Bước Ra*), trong đó ba chữ Tôi / Sâu / Thờ có thể đổi vị trí để thành những câu và ý nghĩa khác câu nguyên bản.

Để ngắt lại nhịp đi của câu thơ và cách tân lục bát, ông chủ trương sử-dụng các dấu có sẵn như phẩy, chấm, để tạo cho câu lục bát những "nhịp lẻ, nhịp chỏi" khác thường và bất thường khác nhịp đã quen - nghĩa là đều, chẵn và cân đối. Kế đó là ý kiến "chẻ chữ để thêm nghĩa" như đau, khổ; buồn, rầu; như "chia, ly; khô, héo": "Sương, trần thân mây chia, ly / nhập chung nỗi chết: sầu khô, héo vè" (Khúc 19 Tháng 9, *Chấm Dứt Luân Hồi: Em Bước Ra*, tr. 50). Thứ ba, bỏ âm trắc ở chữ thứ tư,... mà câu tiêu biểu thường được nhắc nhở là "tôi Lê. Lê. Lê. Lê nào?", ở đây câu sáu chấm dứt bài Tôi Nào? (*Sông Núi Người Thơ Nỗi Nhớ Nhà*, tr. 112).  
Hay:

"Và, ngày cù sương: bay lên / nắng thâu phé liệu; em truyền nhiễm, thơ / (...) và chiều cù ta: chìm, rơi / ai /vai / bỏ tát / tim / ngồi ghé sau" (*Sông Núi Người Thơ Nỗi Nhớ Nhà*, tr. 60).

"... tôi ngồi, lưng mỗi thân xiêu  
nhủ tôi còm áo còn nhiều đắng cay  
tôi ngồi, tôi gọi: Lê ơi  
bỗng nghe tiếng vọng từ đời nghĩa trang  
tôi ngồi, tôi ngắm tôi tan,"

(Khi Trở Lại Làm Việc Ở Collins Radio, *Thơ Tình*).

Bài thơ chấm dứt ở câu sáu và với dấu phẩy.

Ngoài thể lục bát, họ Lê thử nghiệm cả cho những thể *thơ tự do* hoặc *bảy chữ* (chân tiếng), như biến đổi với cách ngắt câu, chấm câu, dùng dấu gạch ngang, gạch nối và những ngoặc đơn:

"riêng em biết: tôi, đêm và quá khứ  
đã chia thành trận tuyến mĩa mai  
biển ký ức lồi, cong: người cận ảnh  
lá / hình dung / cây /: - chỗ kín nào?  
riêng em biết: linh hồn tôi khảm nước  
thuyêng / thịt xương khôn chớ hết chiều, / bầm/ (...)"

(*Riêng Em Biết: Tôi Chưa Hề Có Tuổi Khi Yêu Người Tôi Mới Lớn*)

"( ..) ai nhan sắc? - Cầm trên tay Thánh Giá

trả Giáo Đường câm lặng, tắt theo kinh

đôi hàng ghé uy nghiêm chờ hỏi cải

cửa tôi buồn. Bụng bít. Phúc Âm

ai nhan sắc? - Như một lời chúc phúc

giữa-chiều-em: quân dữ bỗng quy hàng

tên ngoại giáo gửi xác, hồn lại Chúa

đưa nhau đi: dựng một Giáng Sinh, nàng".

(*Đưa Nhau Đi: Dựng Một Giáng Sinh, Nàng*).

Họ Lê áp dụng *thơ "biến dịch"* (interactive poetry / self-serve, một cách nói khác của hoán vị) ở lục bát vô các thể loại khác, để ngắt, đổi vị trí các chữ trong câu, để có thể có nhiều cách đọc ngược xuôi khác nhau:

"Mây kiết súc kéo chiều lên đỉnh núi  
Mặt trời rơi, hăng, nhớ nhung / đen /  
Cát xúc động xô sông về / mắt / cuối /  
Sóng lênh đênh / oải / muộn / lãng quên, quen.

Dấu điểm đứng chỗ nào trong vũ trụ

Em cách gì một lúc: - ở hai nơi

Chỉ tôi biết: - tôi vô cùng loãng, nhẹ

Sống phân thân từng miếng / vụn / hôi / mùi

Búp nghi hoặc: - có chẳng đời lá: chết!

Hoa nào tin quả đắng đến không ngờ...".

Hoặc: "em, thanh tẩy: mối sầu / tôi / đóng vầng

như môi người thánh hóa tiếng kêu, riêng

ngược thánh hóa một lần, tôi, sáu ngón

ầu thơ trôi, tay ở lại lưng, gần  
Em, thanh tấy: cây đời / tôi / giả dạng  
(như vai người mang nắng, biển đi, xa)  
(...) em thánh hóa tim tôi: bằng hạt lệ"  
(Khúc Tháng Sáu).

Các dấu /: - ( ) , của Du Tử Lê là một thử thách cho người đọc - tức không phải là tác giả! Cũng như tựa đề nhiều bài thơ mà thứ tự đứt đoạn, viết tắt, danh xưng người được tặng gửi cũng nhảy nằm trên tựa!

\*

Nhìn chung, các hình thức mà Du Tử Lê thử nghiệm chưa đủ thuyết phục giới thưởng ngoạn thi-ca, ngoài lối chêm câu bất ngờ và sự sử-dụng những dấu gạch đi tới / . Thơ là một văn bản, một toàn thể, do đó có thể tạo thành với ý, nhạc tính và cả thị giác. Những thử nghiệm của Du Tử Lê nhắm cải đổi *chân điệu* (âm-điệu, pied rythmique) và số tiếng (âm-tiết, *chân tiếng*, pied-mot) trong câu ở thơ cũ vốn đều đặn, nhất định, nay sẽ biến đổi khiến thơ có nét bất ngờ và mới! Xưa nay vẫn cho âm-điệu, nhưng âm điệu có thể có mà không hẳn cần đến vần, âm điệu sẽ tự do, đa dạng. Một số người làm thơ trẻ thời 1995-96 đã phê bình họ Lê làm xấu phần hình thức với những dấu gạch tới (5). Nhưng nay với những thử nghiệm Tân Hình Thức và thơ cụ thể gần đây, những dấu gạch chéo slash / của Du Tử Lê không còn là trở ngại, nếu không dùng thái quá.

Tiếng Việt có những đặc điểm mà ngôn ngữ nước khác không có. Du Tử Lê cho người đọc cảm tưởng ông dùng ngôn ngữ Việt làm vật liệu để thí nghiệm với cấu từ pháp và tính riêng của tiếng Anh-Mỹ - chúng tôi không tìm thấy dấu vết ảnh hưởng văn hóa và ngôn ngữ Pháp trong thơ ông. Theo thiển ý, ngôn ngữ Việt Nam, nói cũng như viết, đang có một số thử thách và khủng hoảng, vì hoàn cảnh chiến tranh, lịch sử, phân cách địa lý Nam Bắc, trong-ngoài nước. Trong nước áp đặt nhiều từ vựng Trung quốc để diễn tả những chuyện mà tiếng Việt thuần đã có chữ để dùng - y như *Nam-Phong tạp chí* thời thập niên 1930 sử-dụng tiếng Hán bác học để dịch và dùng thay thế những chữ nôm na đã có trong tiếng Việt, đã trừu tượng hóa ngôn ngữ triết và khoa học. Bên cạnh đó, các nhà văn thơ không ngừng canh tân, nghệ thuật hóa ngôn ngữ, nhất là khi vì tình cờ của lịch sử, đã được tiếp xúc với văn hóa bản xứ các nước tạm dung hay quê hương mới.

Du Tử Lê là một trong những nghệ sĩ liên tục thử nghiệm ngôn ngữ thi-ca - cũng như văn xuôi. Nhiều tựa tác phẩm (*Vốn Liếng, Một Đời; Với Nhau Một Ngày Nào; Đi Với Về Cùng Một Nghĩa, Như Nhau; Vì Em, Tôi Đã Làm Sa Di; Em Và, Mẹ Và, Tôi Là Một Nhé; Chấm Dứt Luận Hời: Em Bước Ra; ...*) cũng như tựa những bài tùy bút, tản mạn của ông - ngoài những dấu chấm, phẩy, gạch còn có những mã hiệu, mã tự viết tắt tên người, khiến không dễ theo dõi, nếu không từ tiên khởi, chấp nhận trò chơi chữ nghĩa của ông hoặc ở trong quỹ đạo ngôn ngữ của ông! Tuy nhiên, Du Tử Lê nhiều khi cố tình ghi dấu chấm ở những tựa đề không cần thiết, như "Yêu dấu, cần chằng, một lời nào, khác, nữa?" (6), nếu bỏ hết dấu, "Yêu dấu cần chằng một lời nào khác nữa?" cũng chỉ nói lên một nội dung mà còn chứng tỏ khả năng gợi cảm và đơn mà đa dạng của câu văn tiếng Việt, không cần chia động từ quá khứ tương lai hiện tại cũng không cần bỏ giống và bỏ số! Cùng trường hợp với các tựa đề *Đi Với Về Cùng Một Nghĩa, Như Nhau; Vì Em, Tôi Đã Làm Sa Di; Thơ Tình, Gửi Yêu Dấu, Đầu Thiên Kỳ, Mới*; v.v.! Những dấu phết, hai chấm,... không cần thiết ở tựa đề. Riêng cái tựa *Em Và, Mẹ Và, Tôi Là Một Nhé* họ Lê viết cố tình bỏ dấu và từng bị phê sai cả ngữ pháp (7), những kỹ thuật có thể gây ấn tượng nhưng viết không bỏ dấu còn hàm xúc thêm ý nghĩa ba trong một - ông đã đánh mất cái tinh túy đó! Tựa này và tựa *Người Nhón Gót: Thả Điều Chưa Nói Hết*,... (2002), v.v. thì quả thật, hơi quá! Hơn nữa các bài giới thiệu và phê bình phần nhiều viết sai tựa mà họ Lê đã cố tình đặt cho những tác phẩm ấy! Riêng thử nghiệm thay đổi vị trí tiên khởi để có vị trí mới mang âm hưởng và ý nghĩa khác tùy theo suy nghĩ, ý tưởng của người đọc qua câu thí dụ "rừng / tôi / sâu / thỏ / nốt chân trời" thì các nhà ngôn ngữ học Việt Nam đã nhiều lần dẫn thí dụ để chứng minh cho sự phong phú và tính hoán chuyển tài tình của ngôn ngữ Việt.

Câu thơ của Du Tử Lê còn thêm khía cạnh vì đánh dấu nhiều, 'hà tiện' chữ hoặc cố tình để dư thừa chữ, có thể vì muốn cách tân nhưng cũng có thể vì động cơ làm dáng, khiến câu thơ trở nên mơ hồ, tối nghĩa hoặc thiếu chất khẳng định - trong các tùy bút và văn xuôi khác, tính chất này còn rõ rệt hơn nữa! Ngoài những bài với nội dung rõ rệt như sẽ phân tích trong phần sau, thơ "cách tân" của ông có thể thích hợp cho thử nghiệm và suy nghĩ làm mới, nghệ thuật thuần túy ai muốn hiểu sao thì hiểu, hơn là thích hợp cho học đường, cho việc nghiên cứu ngôn ngữ Việt - là những môi trường cần mẫu mực! Trong bài "Yêu dấu, cần chăng, một lời nào, khác, nữa?" viết gần đây nhất, 2002, Du Tử Lê tỏ ra lạc quan với các thử nghiệm của ông, nhưng thiên nghĩ, phần lớn các kỹ thuật làm mới của ông sẽ có thể khiến tiếng Việt rỗng nội dung, mất hồn, vong bản và dần mất đi những cái độc đáo riêng của tiếng Việt. Có thể nói ở một trình độ nào đó, chủ trương của Du Tử Lê khiến ngôn ngữ Việt Nam phần nào sẽ trở thành một loại chữ á-rập - ví dụ kinh Coran có nhiều cách đọc và hiểu, người đạo Hồi quá khích sẽ đọc Coran khác Salman Rusdie (*The Satanic Verses*), người trí thức đọc và hiểu khác dân giả chỉ tụng kinh, v.v. Các nhà ngữ học từ trước nay với nhiều phương-pháp và tiếp cận, đều muốn phân tích và hệ thống hóa tiếng nói của người Việt, ngữ-nghĩa và ngữ-dụng đều được xem là quan trọng. Nghệ sĩ và văn nhân cũng như mọi tầng lớp dân chúng, mỗi ngày, mỗi thời đại và mỗi miền, đều đóng góp liên tục cho gia tài ngôn ngữ sung túc và thẩm mỹ hơn. Dĩ nhiên những lập dị, hoặc không được số đông nhìn nhận hoặc sử-dụng, sẽ biến mất! Những cách tân và thử nghiệm của Du Tử Lê có tồn tại với thời gian không hay rồi cũng như những cách tân hình thức của Nguyễn Vỹ thời tiền chiến và những thử nghiệm của thơ cụ thể, sự vật và Tân Hình-thức của các nhà thơ khởi đi từ hải ngoại cuối thế kỷ XX? Chúng tôi nghĩ Du Tử Lê sẽ còn được nhắc đến như một nhà thơ có nội dung và có thi tính đặc biệt. Một số chủ đề được Du Tử Lê khai thác như đời lưu vong, ánh sáng mãi ở phương Đông, tôn giáo,... là những đề tài hợp tâm thức nhiều người đọc!

### **Nội-dung và thi-tính**

Từ những năm 1973, thơ Du Tử Lê đã đụng đến *Hư vô*, bằng chứng qua Một Bài Thơ Nhỏ: "Người về như bụi / vàng trang sách xưa / người về như mưa / soi tìm dấu cũ / Tôi buồn như cỏ / một đời héo khô / tôi buồn như gió / ngang qua thềm nhà / thấy ai ngồi đợi / bóng hình chia đôi / sầu tôi lụ khụ (...)" . Cuộc tìm kiếm cái Tôi đó, liên lữ: "Như con chim bói cá / Trên cọc nhọn trăm năm / Tôi tìm đời đánh mất / Trong vũng nước cuộc đời. / Như con chim bói cá / Tôi thường ngừng cánh bay / Ngược nhìn lên huyệt lộ / Bày quạ rửa xác người... (Khúc Thụy Du). Hư Vô vì hiểu cả cái Ta chỉ là hạt bụi. Trong cuộc tìm kiếm chính mình, chính bản chân diện mục, cái Tôi sâu thẳm và thực, có khi nhận ra cái Tôi bị động, tan nát, vì tâm động chẳng hạn:

" *cõi tôi, cõi nát, cõi tàn*  
*cõi hoang mang, vội, cõi bàng hoàng, qua*  
*cõi vui thân thể cõi già*  
*cõi lang thang mượn mái nhà hư không*  
*cõi xanh, cõi lạnh, cõi cùng*  
*cõi con muốn bỏ, cõi chồng vợ, xa*  
*cõi em muốn dạt chân về*  
*cõi đau nhân thế, cõi thể thoát, quên*  
*cõi nào, cõi thật, tôi riêng?*  
*cõi đêm máu chảy, cõi thương nhớ trùng*  
*cõi tôi, cõi mật, cõi mừng*  
*thôi em có ghé xin đừng nghĩ lâu*  
*cõi đời đó, có chi đâu!"*

(Cõi Tôi, *Thơ Tình* tb 1996, tr. 139).

Những tra vấn trở thành thường trực, tác giả dùng hình ảnh cụ thể, hiện thực để chạm đến cõi siêu hình:

"*tiền thân tôi ở cõi nào*



tiếng kêu lay lắt dạt dào lời thưa  
bóng ngời cuối dốc nghe mưa  
trên không cánh vạc bỗng ngỡ ngác nhìn  
(...) hôm nay tôi bỗng nghi ngờ  
tiền thân tôi phải bóng cò trong sương?"  
(Tiền Thân).

Kiểm tìm buồn bã đó sẽ ngừng lại ở *Cái Chết*, đề tài đi về nhiều lần trong thơ Du Tử Lê:

"Khi tôi chết hãy đem tôi ra biển  
đời lưu vong không cả một ngôi mộ  
vùi đất lạ thịt xương e khó rã  
hồn không đi sao trở lại quê nhà  
Khi tôi chết hãy đem tôi ra biển  
nước ngược dòng sẽ đẩy xác trôi đi  
bên kia biển là quê hương tôi đó  
rặng tre xưa muôn tuổi vẫn xanh rì  
(...) Khi tôi chết nỗi buồn kia cũng hết  
đời lưu vong tận tuyệt với linh hồn"

(*Khi Tôi Chết Hãy Đem Tôi Ra Biển*, *Thơ Tình*, tr 94-96).

Một cái chết non, tức tưởi, vì trang sử bị xé, vì cuộc sống đọa đày chịu bao đứt đoạn, chia lìa! Ý thơ lạ lắm, mấy ai đã dám nói đến cái chết khi đang yêu sống, ngoại trừ những kẻ lưu vong tuyệt vọng. Nhưng dặn dò cho ai không nói rõ, hay cho con người, cho đồng loại, những người cùng thế hệ, cùng chung phần nào quá khứ và thương đau!

Trong tập *Thơ Du Tử Lê 1967-1972* xuất bản trước 1975 có bài *Vỡ Lòng Cho Một Người Con Gái Mỹ*, Du Tử Lê đã nói lời tuyệt biệt người nữ Donna khi có dịp sang Hoa-kỳ tu nghiệp, tuyệt biệt vì tiếng gọi quê nhà. Nay quê nhà phải tử biệt vì có thể đến chết vẫn chưa có thể quy hồi cố hương. Thành thử sống bí lồi, xác thân khi chết may ra có mỗi phương tiện bỏ tro hay bỏ xác trôi hy vọng biển mênh mông sẽ đẩy về biển đông!

Trước 1975, Du Tử Lê đã có một số sáng tác nói đến cái chết như bài *Lúc Người Chết* trong tập *Thơ Du Tử Lê 1967-1972*, nhưng cái chết ở đó trừu tượng, chung chung, không đặc thù như khi ông viết trong tình cảnh lưu vong tập thể! Nhà thơ bi quan, hay bần khoản ở vào thế kẹt, đối với người yêu, với đời, ông ngập ngừng giữa *Đi với Về* qua tập *Đi Với Về Cùng Một Nghĩa Như Nhau* và ở nhiều bài khác!

Tâm thức *Lưu Vong* gắn liền với cái Chết, vì không gian đã khác và thời gian lưu vong trước hay sau gì cũng vậy thôi, cũng cùng hoàn cảnh đời đời, mất cả quá khứ hay cứ tưởng rằng hãy còn vương vất chút nào đó:

"(...) Chính vì tan tác nên chẳng nhớ  
đến cả sân chơi cũng vắng rồi  
Cổ mà chơi nốt trò chơi dở  
đến lúc đi thì đi thành thơ.

(...) đừng buồn ta nhé. Nghe, ông bạn  
- ta sống như là xác chửa chôn  
có đâu tổ quốc mà than thở  
ngựa hồng bươm bay cùng âm dương  
nhớ lấy từng hồi chuông báo tử  
rộn rã từ lâu. Đừng giả lơ  
thiên đàng? Địa ngục? Rồi sao chứ?  
Sống tựa ma hời. Chết cũng ma..."

(*Lưu-Vong Khúc*, *ĐVVCMMN, NN*, tr. 111).

Vui sống sót nhưng buồn nhiều hơn vui, buồn đến trở thành quay cuồng. Trong tình cảnh đó, những hội ngộ bạn hữu là những cơ hội lớn để nhìn thấy lại quê nhà, dù trong đón đầu:

"(...) nhìn nhau chợt thấy ra sông núi

*có chút gì nghe rất thốn đau  
hẹn bay về chết trong tay mẹ  
tổ quốc nghìn năm bỏ được sao?"  
(Nhìn Nhau Chợt Thấy Ra Sông Núi).*

*Nỗi nhớ nhung quê nhà đó sẽ da diết, trong từng sự vật cụ thể, nhỏ nhoi:*

*"... Nhớ nghĩa trang quê hương bạn bè  
Nhớ pho tượng lính buồn se bụi đường  
Đêm về theo vết xe lăn  
Tôi trắng viễn xứ sầu em bến nào?"  
(Đêm, Nhớ Trăng Sài-Gòn).*

Hội-nhập trở thành dị ứng với Du Tử Lê, dù ông thử nghiệm và cập nhật thi-ca theo trào lưu Âu-Mỹ. Ông sống quá khứ xuyên suốt qua cuộc đời hiện thực hôm nay!

Tình Yêu là một đề tài lớn đối với Du Tử Lê. Tình ở ông đa dạng, thường trong tình cảnh éo le, bất ngờ. Ở ông, hệ lụy dục tình có mặt nhưng khá mờ nhạt bên cạnh những cao cả, tuyệt vời của tình yêu. Có lúc nhà thơ âu yếm gọi người yêu là "nhỏ": "Khi ta đến nhỏ ở đâu hỡi nhỏ / dung lòng ta suối bỏ núi qua rừng ..."; "Anh đã hứa em an lòng hỡi nhỏ / ta sẽ về tới chốn của riêng nhau ..." (Đời Mãi Ở Phương Đông); "... Con sóc nhỏ mang hồn lên núi lạ / ta chim rừng cánh đã mỗi thương đau / hương cỏ dại mát chân người ngà ngọc / em băng đen vôi trắng giết đời nhau (...)" (Thơ Cho Nhỏ).

Tình yêu nhẹ nhàng, chút ngây thơ, nhiều mộng, với cánh bướm và tiếng con đé hát:

*"... Ta ở đó đời ta không có tuổi  
em sẽ thành cánh bướm lúc mơ vui  
em sẽ thành con đé lúc khuya ngui  
cất tiếng hát ... phân ưu tình ai đang dở"  
(Đời Mãi Ở Phương Đông).*

Kẻ nói tình tự hứa biến thành ngọn lửa để sưởi ấm người tình và sẽ biến thành vắn điệu nếu nàng muốn có thơ tô điểm cho đời:

*"... Khi em lạnh tôi biến thành ngọn lửa  
củi thương yêu. Than đỏ hực ân tình  
em cần thơ cho sáng dậy thơm hơn  
tôi lập tức hóa thân thành vắn điệu  
(...) Hiến Chương viết ngày tình yêu vô lượng  
của hai người? - Vàng, của chúng ta thôi  
mặc ai cười? mặc ai đó bấu môi  
họ ghen đấy. Bởi em là Thánh Nữ  
Ta sẽ chết. Nhưng tình ta bất tử  
vì mở đầu nhân loại: cuộc chơi riêng"*

(Hiến Chương Tình Yêu Ngày 14-2, ĐVVCMMN,NN, tr. 11, 14)

Bên cạnh "cuộc chơi riêng", hiếm, nhưng họ Lê có những lời tình cha con cảm động:

*"cho con một góc mộ phần  
cõi an vui rất cận gần với cha  
cho con một góc mù loà  
trái cây nhân thế chát lè môi non  
cho con một chút núi sông  
(chút thôi cũng đã buồn muôn năm rồi) (...)"  
(Thơ Ở Du Và Chó Xù).*

\*

Đến chốn linh thiêng, thoát nhìn có người sẽ cho rằng Du Tử Lê ngạo mạn khi thần thánh hóa một số người tình của ông thành "em vô nhiễm", "Thánh nữ", "tử mẫu", "Mẹ" viết hoa, "Bồ Tát", Phật, v.v. Nhưng cũng có thể xem Du Tử Lê là một con người hèn mọn, tội lỗi nhiều do đó đã tìm đến những đáng thiêng liêng, dù có khi hãy để lộ nhiều dùng dằng, phật ý. Nhiều lần ông tự

nhận ông là "tên ngoại giáo", kẻ "từ chối chọn thiên đàng", là Giu-đa kẻ đã bán Chúa đổi lấy một nén bạc vô nghĩa và cuối cùng làm "kẻ tâm tòng""tôn thờ một Chúa"! Tất cả cũng chỉ vì yêu, qua người yêu! Tình yêu có khi cao cả, quá tầm tay hay không giữ được lâu, thành huyền diệu, cao quý. Nhìn chung, ông có một tâm hồn rất Việt Nam, ở phẩm tính tổng hợp và cởi mở đối với các tôn giáo và giao thương địa lý, nhân tình!

Tuyên ngôn tình yêu thắm đượm tín ngưỡng đã được Du Tử Lê công bố lần đầu qua bài Phúc Âm Nàng trong tập *Thơ Du Tử Lê 1967-72*. Người yêu Thụy Châu đưa nhà thơ đến gần Chúa, qua nhiều chặng tâm linh, từ nhập môn "xin những điều vớ vẩn" quỳ dưới chân nàng thay vì những đáng tối cao hơn, đến chỗ hiểu được thế nào là mẫu nhiệm:

*"(...) vâng chúng tôi thường gặp nhau vào mỗi chiều thứ sáu  
ngày chúa bị đóng đinh*

*ngày giáo dân không được phép ăn thịt*

*(để tưởng nhớ đến ngài)*

*tôi là kẻ đã tự đặt mình ra ngoài vòng tín ngưỡng*

*nhưng đôi khi cũng bàng hoàng*

*chợt nhận ra dù mình vô thần nhưng cuối cùng đã mặc nhiên tôn thờ một Chúa:*

*(...) tôi thích được quỳ dưới chân nàng*

*để xin những điều vớ vẩn*

*(...) tôi không tin thượng đế*

*nhưng lại chắc một điều là hận thù có thật*

*cũng như tôi tin nàng tuyệt vời*

*hơn bất cứ một người đàn bà nào hiện đang có mặt*

*(...) nàng tin nơi tình yêu*

*như giáo dân tin nơi phép nhiệm màu của chúa*

*hãy tin ôi hãy tin*

*nước sẽ rút về bờ kia tuyệt vọng (...)"*

(tr. 50-51).

Đến tập *Ở Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiểu*, lời xin đã hướng thượng, tâm linh đã mở, linh hồn đã sẵn sàng, báo trước con đường tâm linh mà nhà thơ sẽ đi, qua những người nữ khác nhau, tiếp nhau:

*"Ở chỗ nhân gian không thể hiểu*

*tôi xin người sớm phục sinh tôi" (tr. 16).*

*" ... Hỏi Chúa đi, ngài sẽ trả lời*

*trong tay Thánh Nữ có đời tôi... "*

(Trong Tay Thánh Nữ Có Đời Tôi, tr. 71).

Nguyên vẹn phần thứ nhất của tập *Đi Với Về Cùng Một Nghĩa, Như Nhau* họ Lê dùng để tung hô Thánh Nữ Ca: "cây thánh giá có một đầu rất nhẹ / Chúa không kêu ai vác hộ bao giờ / em quay mặt khước tình tên ngoại giáo / đâu biết rằng Chúa khổ biết bao nhiêu"(Thập Tự Nàng); ở những dịp khác, là những bài thơ chỉ với tựa đề đã thấy hoặc sự thành khẩn hoặc đam mê dứt khoát: Phúc Âm Nàng, Phúc Âm Ngoại Đạo, Thập Tự Nàng, v.v.

Du Tử Lê đã thi-ca hóa một số quan niệm và hình ảnh tôn giáo, một số biểu tượng, cách sống đạo: phục sinh, thiên đàng, địa ngục, chén đắng, rượu máu, bánh thánh, Tin Mừng, v.v. Ông đã kéo đạo xuống với con người rất trần tục, những kẻ nòi tình, đam mê! Tro than là một trong những biểu tượng từ Thánh Kinh được ngài bút họ Lê dùng rất nhuần:

*"đời muôn cửa tôi chọn về địa ngục*

*thiên đàng em bỏ lại đã hoang tàn*

*ai nắng gió trên cảnh đời kẻ đó?*

*Mà tôi ngồi điếng lạng giữa tro than"*

(*Thơ Ở Tro Than, ỞCNGKTH*, tr. 26).

"trên tay Chúa dấu đinh người bị đóng / cuối đời tôi than củi đã thành tro / em chẻ nhỏ khối tình tôi lỡ gửi / nhóm nổi không một ngọn lửa oan cừu..." (Thị Xương Tôi Đấy Xin Người Nhận, *ỞCNGKTH*, tr. 109).

*"em vô nhiễm. Bị đinh đời đóng suốt  
bởi chọn tôi, một kẻ giống Giuđa  
tôi bán mình, nhưng không bán thiên thu  
hồn ẩn mật đã gửi người trước đó ..."*

(Hồn Ẩn Mật Đã Gửi Người Trước Đó, *ỞCNGKTH*, tr. 114).

Chúa như một bảo đảm cho con người không chỗ bám víu. Hết hỏi người tình hỏi Chúa thì khi trầm lắng vẫn là Chúa như đảm bảo cuộc đời:

*"Hỏi Chúa đi rồi em sẽ hay  
tôi buồn như phố cũ như tay  
bàn chân từng ngón ngưng không thờ  
lạc mất đường đi tận dấu bay  
Hỏi Chúa đi, ngài sẽ trả lời  
trong tay Thánh Nữ có đời tôi... "*

(Trong Tay Thánh Nữ Có Đời Tôi, *ỞCNGKTH*, tr. 71).

Nơi nhân gian không thể hiểu, nơi đó có tình yêu, một tình yêu có thể khác thường, ngang trở:

*"Ở chỗ nhân gian không thể hiểu  
đôi mắt người hồ như biển đông  
có mưa-tôi-cũ về ngang đó  
tự buổi thiên đàng chưa lập xong  
(...) Ở chỗ nhân gian không thể hiểu  
tôi xin người sớm phục sinh tôi"*

(Bài Nhân Gian Thứ Nhất, *ỞCNGKTH*, tr. 16)

Nòi tình, nhà thơ lại có cơ duyên với những tình yêu khác, một lần tình ngộ ở không gian cửa Thiền và ông sẽ gọi người yêu là Bồ Tát, là Phật sống, khiến ông phải làm Sa Di cho xứng với tình của nàng:

*"(...) phá chấp. Như Lai ở dưới trần  
hiện thân Bồ Tát cứu nhân gian  
cây oan khuất vẫn nghìn tay vẫy  
tôi vẫn nhìn em là chân kinh  
xuống tóc. Theo em khép cửa đời  
vào thiền để chỉ thấy viên môi  
yêu nhau ai bảo tâm không trụ?  
quên hết. Nhìn nhau. Nhất quán rồi.*

*(...) vì em tôi đã làm Sa Di  
không đi nên ý vẫn quay về  
bé quan toạ thị. Tôi và vách  
em tụng kinh gì? Cho nghe đi  
hôn em Bồ Tát. Chuông kinh hã  
rung hoảng vì tôi? hay cả em?"*

(Vì Em Tôi Đã Làm Sa Di, *ỞCNGKTH*, tr. 77-78).

Sự quảng đại từ bi của người nữ, cao cả, liên tục, nhưng câu thơ thì nhiều đứt đoạn, phân vân! Nhưng rồi Bồ Tát cũng phải chia biệt, nhà thơ ở lại nhìn theo, đành "cảm ơn huệ nhãn em khai mở / tiền kiếp xưa mình đã có nhau", còn chẳng là dư vị thiền môn:

*"... người cho tôi mùi hương  
và, mặt trời giữa ngực,  
môi: thơm biển Hoa Nghiêm,  
trái tim: rừng Bát Nhã"*

(Thơ Tình, Gửi Yêu Dấu, Đầu Thiên Kỷ, Mới)

Hy vọng bao giờ cũng nở giữa rừng huệ từ bi: "cành hoa tay Phật: lòng Ca-Diếp / tâm ẩn đời ta: vùng vắng im / ngày sau thân-chúng-em-Bồ-Tát / có bóng ma xin gác cửa Thiên" (Hựu Ca Mới).

\*

Từ đầu thập niên 1970, Du Tử Lê đã muốn mở một con đường thi-ca với âm điệu và ngôn ngữ riêng. Tập *Thơ Du Tử Lê 1967-1972* bước những bước dè dặt thám hiểm vùng tâm thức và tư duy. Đến *Thơ Tình* khi ra đến hải ngoại ông trở về nét thơ bình dị và tâm tình đôn hậu rất con người, nhưng sau đó cho đến nay thì ngọn bút thơ ông trở thành cây đũa kỹ thuật cách tân nhiều-khê và nhiều lần làm dáng với con chữ - dù xen kẽ vẫn có những bài âm điệu và tình ý giản đơn mà thâm sâu!

Du Tử Lê đã thành công sáng tạo một số hình ảnh và từ ngữ của riêng ông: khúc Thụy du, hựu ca, con sóc nhỏ, bóng cò trong sương, v.v. mà những con đê, bọ ngựa hay châu chấu, cào cào, vi trùng, v.v. cũng có vẻ thích hợp với mạch thơ của ông, những Sa Di, con chiên, kẻ ngoại đạo,... cũng rất Du Tử Lê! Ngoài ra, thơ ông gần và hợp với âm nhạc cuối thế kỷ XX kể lẽ lớn tiếng, nhát gừng có khi thiếu trong sáng. Thơ ông đã có nhiều người viết nhận định, phân tích, qua bài này, chúng tôi chỉ trình bày sơ lược sự hình thành và bước đi liên tục của nhà thơ, như một đóng góp cho thi-ca Việt Nam!./.

*Chú-thích*

1. X. Tạp chí *Văn Học* SG, 179, 3-1974, số đặc biệt về giải Văn học nghệ thuật năm 1973. Ngoài ra có sự kiện một số giám khảo như Nguyễn Sa đã rút tên để chống lại luật kiểm duyệt 007 lúc bấy giờ!
2. Võ Phiến. *Văn Học Miền Nam: Thơ*. Westminster CA: Văn-Nghệ, 1999. Tr. 3117-3121. Trong cùng bộ văn học sử này, trường hợp thơ Thanh Nam trước 1975 cũng đáng đặt câu hỏi, vì thơ lưu đầy của Thanh Nam sau 1975 mới là hiện tượng! Dĩ nhiên đã có nhiều thiên tài thi-ca từng nổi tiếng khi còn trên ghế học-đường, như Chế Lan Viên, Nguyễn Tất Nhiên, Sương Biên Thùy,... Chúng tôi ghi nhận ở đây một sự bất bình thường, một loại hiện tượng của sinh hoạt văn học người Việt.
3. Du Tử Lê. "Một vài nỗ lực cách tân thể lục bát và quan niệm hoán vị / conversion concept". *Tuyển Tập Văn Học Nghệ Thuật Liên Mạng*, 2, 1997, tr. 209-219.
4. Trong bài đã dẫn ở chú thích 3, ông viết "độc giả thứ hai" nhưng khi trả lời phỏng vấn của Nguyễn Mạnh Trinh in trong *Du Tử Lê Tác Giả Và Tác Phẩm* Tập 2 (Santa Ana, CA: Nhân Chứng, 1997, tr. 102) và trong tùy bút "Yêu dấu, cần chăng, một lời nào, khác, nữa?" (*Thế Kỷ* 21, 156, 4-2002, tr. 85-93), ông ghi là "tác giả thứ hai". Có thể bản *Tuyển Tập* 1997 in sai!
5. "Về thơ Tương-tác của Du Tử Lê". *Tuyển Tập Văn-Học Nghệ-Thuật Liên-Mạng* 1, 1996, tr. 56.
6. X. Du Tử Lê. "Yêu dấu, cần chăng, một lời nào, khác, nữa?" (*Thế Kỷ* 21, 156, 4-2002, tr. 85-93). Trong bài tùy bút này, Du Tử Lê kể lại kinh nghiệm đặt tựa nhiều chữ hoặc bỏ dấu khác thường của ông trong sáng tác thơ cũng như truyện, trước và sau 1975, đã bị phản đối, phê bình thế nào, cũng như kinh nghiệm làm thơ với những dấu gạch chéo *slash /* .
7. Du Tử Lê. Bđd, chú thích 6, tr. 90.

2-2002

## Mai Thảo. mãi mãi. Ký ức.

*Lời nói đầu: Nhân dịp kỷ niệm 12 năm, ngày mất (10 Tháng Giêng, năm 1998) của nhà văn Mai Thảo, chúng tôi xin được gửi tới quý bạn đọc và thân hữu, hai bài viết về nhà văn này, của chúng tôi. Bài thứ nhất, chúng tôi viết một ngày sau khi ông mất. Bài thứ hai, chúng tôi viết 30*

*ngày sau đó, dưới bút hiệu Lê Hà Nam, cho tạp chí Hợp Lưu, số “Tưởng Mộ Mai Thảo,” Tháng Hai và Ba, năm 1998.- Du Tử Lê*

\*\*\*

## 1. Mai Thảo, thế giới đèn màu, Saigon, trước 1975

Nói tới nhà văn Mai Thảo, trong hơn hai mươi năm qua, ở hải ngoại, người ta chỉ có thể hình dung ông trong cung cách lạnh lùng, lừng khừng của một nhà văn lưu vong. Hoặc người ta nhớ tới ông, trong câu chuyện của một ông già, mỗi buổi sáng thường lững thững trên một đoạn đường Bolsa (khúc nối liền giữa khu chợ 99 và Phước Lộc Thọ).

Cũng chính ở khúc đường này, nhiều lần, cảnh sát đã chặn ông lại, nhét vào túi ông những tấm giấy phạt vì tội... “vi phạm luật đi... bộ!”

Ông bị phạt nhiều tới độ ông trở thành một nhân vật... nổi tiếng của Hội Đồng Thành Phố Westminster. Tôi nhớ, năm 1996, một nhóm anh em văn nghệ sĩ đứng ra tổ chức “Đêm Mai Thảo,” tại hý viện Westminster Auditorium, thuộc thành phố Westminster. Nghị Viên Lâm Quang, lúc đó còn là quyền thị trưởng thành phố Westminster, lên sân khấu trao bằng “Ngọc Ca Thành Tích Văn Học” cho nhà văn Mai Thảo.

Trong phần phát biểu, Nghị Viên Lâm Quang chuyển lời xin lỗi của Hội Đồng Thành Phố và, của cảnh sát trưởng thành phố này, tới tác giả “Ta Thấy Hình Ta Những Miếu Đèn.”

Họ Lâm nói, dù biết Mai Thảo là một nhà văn nổi tiếng của miền Nam Việt Nam, nhưng sự việc ông băng qua đường một cách bừa bãi là một điều nguy hiểm cho sinh mạng của ông trước nhất; kế tới, cản trở lưu thông và, sau chót... “vi phạm luật dành cho người đi bộ!”

“Bởi thế, nếu không phạt ông, thì cảnh sát Westminster chúng tôi cũng sẽ không thể phạt những người... đi bộ khác,” Ông Lâm Quang nói.

“Và trong ‘Đêm Mai Thảo’ này, chúng tôi xin cầu chúc nhà văn Mai Thảo, tương lai sẽ không còn bị phạt vì tội đi... bộ nữa. Được như vậy, cá nhân chúng tôi cũng bớt phần... áy náy.”

Đêm đó, hội trường rung rinh vì những chuỗi cười ngặt nghẽo, ném lên từ khán giả.

Trên sân khấu, người đàn ông vừa bước vào tuổi 70, cũng bật cười. Nụ cười móm mém. Nụ cười hóm hỉnh. Thân ái. Nhẹ nhàng chấp nhận.

Trong số 500 khán giả, những người yêu mến Mai Thảo kia, tôi nghĩ, có lẽ ít ai biết, cái ông già hom hèm, móm mém đang đứng trước họ đó, hai mươi năm trước, từng là “Ông Hoàng Của Ngàn Lê Một Đêm Sài Gòn.”

Tôi nghĩ, trong số 500 khán giả, những người yêu mến Mai Thảo kia, có lẽ ít ai biết, cái ông già chỉ còn vài chiếc răng trệu trạo, lung lay, loáng thoáng đầu đó trên gương mặt xanh rớt ấy, hơn hai mươi năm trước, là một tay chơi từng đương đầu với nguyên băng thảo khấu, đàn em của Bảy Viễn: Băng Lai Văn Sang. Giữa thập 1950, một đêm, băng Lai Văn Sang, xuất quân từ sông bài Đại Thế Giới ở Chợ Lớn, đại náo một vũ trường ở đầu đường Trần Hưng Đạo, trong một cuộc biểu dương quyền lực, để tranh giành một vũ nữ hoa khôi, tên C. thời đó...

Tình địch của băng Lai Văn Sang, ngày ấy, không ai khác hơn: Mai Thảo.

Tôi nghĩ, trong số 500 khán giả, những người yêu mến Mai Thảo, yêu mến ông già có nụ cười hóm hỉnh, móm mém, chưa từng lập gia đình kia, có lẽ ít ai biết, giữa thập niên 50, từ Saigon,

đã một mình, bay ra cố đô Huế. Ông lừng lững tới tận nhà nữ ca sĩ họ Lục, (sau này trở thành danh ca dưới tên H.Th.) để xin hỏi cưới nàng. Người đàn ông đó, cũng là Mai Thảo.

Không chỉ đa số khán giả của “Đêm Mai Thảo” kia, không biết mà, ngay song thân của người nữ ca sĩ họ Lục, ngỡ ngàng, kinh ngạc khi nghe Mai Thảo tự giới thiệu... “thân thế” mình:

“Tôi là Mai Thảo. Từ Saigon ra. Chúng tôi thực sự muốn lấy L.H. làm vợ. Nếu hai cụ đồng ý thì, tôi hứa, trong vòng một tháng, bố mẹ chúng tôi sẽ bay ra đây, nói tiếp phần còn lại...”

Liên sau đó, ông xin phép song thân họ Lục, để được đưa con gái họ... đi chơi!

Cũng liên sau đó, song thân của người con gái họ Lục, cho hay, sẽ khó khăn cho họ biết là chừng nào, nếu có một chàng rể như... Mai Thảo!

Tôi nghĩ, trong số 500 khán giả, những người yêu mến ông già có nụ cười móm mém, hóm hỉnh kia, có lẽ ít người biết, giữa thập niên 1950, khi lớp người miền Bắc di cư vào Nam, còn bị người địa phương ngấm nhìn như những người... ngoại quốc... (Những người không phải là người... “Diệt”... Những người ăn... thịt người, chuyên bắt cóc con nít?!) thì, Mai Thảo đã trở thành người em nhỏ trong tình thương, quý của nữ nghệ sĩ Phùng Há, của lão nghệ sĩ Năm Châu... Mai Thảo cũng trở thành người anh đáng tin cậy của Thành Được, Kim Chung, Bích Hợp, Dũng Thanh Lâm...

Nghệ sĩ lừng danh Thành Được, hiện cư ngụ tại miền Bắc Cali, thuở xa xưa, mỗi lần gặp nhà văn Mai Thảo, thường dùng hai chữ “văn nhân” để tỏ lòng quý, trọng ông.

Mai Thảo, với những đêm lặn lóc ở Tổ Đình, chờ tan một xuất diễn, đợi hết một buổi tập tuồng, để được theo chân bà chị Phùng Há, ông anh Năm Châu đi vào thế giới Saigon ban đêm. Thế giới của những nghệ sĩ cải lương, chèo cổ nổi tiếng đương thời.

Chính Mai Thảo là người đầu tiên, vào từ miền Bắc, mở được cánh cửa tương thông, thân ái giữa những người làm nghệ thuật ở hai đầu “thế giới” lạ lẫm. Không có ông, tôi nghĩ, khó ai biết được tới lúc nào, cánh cửa tương thông, thân ái nọ, mới được mở rộng?!

Tôi nghĩ, trong số 500 khán giả, những người yêu mến ông già đã tận hiến trọn vẹn cuộc đời của mình cho dòng văn học Việt Nam ở quê hương, cũng như tại quê người, có lẽ ít ai biết, hơn 20 năm trước, chính ông già lạnh lùng, lừng khang, đôi lúc giống như bất thường đó, lại là người phong tặng danh hiệu cho nhiều tiếng hát miền Nam. Những danh hiệu mà, hôm nay, ở hải ngoại, mỗi khi nhắc tới họ, một số người trong chúng ta, chưa quên. Như, Thanh Thúy, “Tiếng hát liêu trai.” Thái Thanh, “Tiếng hát vượt thời gian,” Lệ Thu, “Tiếng hát mùa thu sương khói”...

Đó là một phần chân dung đời thường của nhà văn Mai Thảo. Người đứng đầu tạp chí Sáng Tạo. Một tạp chí trương cao ngọn cờ cổ xúy phong trào “giải phóng” dòng văn học, nghệ thuật miền Nam, từ những năm giữa thập niên 1950, khỏi ảnh hưởng của phong trào văn chương tiền chiến.

Đó cũng là một phần nhân-cách-Mai-Thảo. Người đi hết một đời nhà văn của mình mà, không hề lưu lại một dòng, một chữ gây thương tổn bạn văn.

Nhớ lại, biết được như thế, chúng ta sẽ không ngạc nhiên, tại sao đám tang ông, đám tang một nhà văn, (dù là nhà văn hàng đầu,) lại có nhiều, quá nhiều những khuôn mặt, những tên tuổi tiêu biểu cho nửa thế kỷ tân nhạc và, sân khấu Việt Nam, quê người; cũng như giới tay chơi, giang hồ hữu hạng... bên cạnh những khuôn mặt thuộc văn giới. Đủ loại!

Từ đó, tôi nghĩ, Mai Thảo không chỉ lớn lao trong văn học, mà, ông còn lớn lao trong nhiều lãnh vực khác của đời sống Việt Nam nữa.

### **Mai Thảo, những giờ phút cuối cùng hay, ‘ly cà phê sữa đá’**

Thứ Năm, 8 Tháng Giêng, 1998:

- 4:45PM: Mưa tiếp từ đêm trước. Nhưng bầu trời vẫn óc ách, xộc xệch những đám mây ồng nước. Tôi vừa bước vào nhà. Điện thoại reo. Đầu dây bên kia, giọng nói nhanh, trẻ, gầy gọn, và rất mực lễ phép.

“Thưa bác cháu là Tâm, bác cháu, bác Mai Thảo muốn gặp bác gấp, nếu có thể được...” Tôi nhận ra ngay. Đó là người con gái lặng lẽ, trong nửa năm qua, nhiều lần đứng tựa tường, dọc hành lang bệnh viện Fountain Valley, những ngày đầu Tháng Tám. Tôi hình dung được ngay, đôi mắt mở lớn, dáng đi nghiêng, hất về phía trước. Người con gái tôi từng gửi gắm để xin dành ưu tiên cho Hoàng Anh Tuấn và Đỗ Văn Trọn từ San Jose về, được vào thăm ông bác của cô, sau chuyến đi học tốt. Họ hốt hoảng chạy vào bệnh viện. Họ ngỡ ngàng bị chặn lại bên ngoài khung kính khu ICU. Đó là Tâm. Con của một trong mấy người em gái ruột của tác giả “Đêm Giã Từ Hà Nội.”

“Thưa bác, bác cháu không còn ở dưỡng đường Haster nữa. Bác cháu đang nằm ở bệnh viện Garden Grove... Lầu 6 phòng 608... Bác biết đường Garden Grove... Bác biết đường Harbor? “Biết. Biết.”

“Cháu không có địa chỉ. Nhưng dường như nó là Garden Grove Art Hospital, lầu 6. Bác nhớ.”

“Nhớ, bác ghi được rồi.”

“Nhân tiện, nếu bác gặp bác Đỗ Ngọc Yến, cũng xin bác nhắn hộ là bác cháu cũng muốn được gặp bác Yến...”

“Có chuyện gì Tâm biết không?”

“Dạ cháu không biết.”

“OK. Bác sẽ nhắn bác Yến. Bác sẽ đi ngay.”

- 5:00PM: Mưa tiếp từ đêm trước. Bầu trời vẫn óc ách, xộc xệch những đám mây ồng nước.

Chiếc xe trôi chậm rì trong gió và, bóng tối lép nhép. Khúc đường gần xẹt, bỗng trở nên dài dẽng. Một chiếc quạt nước gầy tiếp tục đào sâu đường rãnh có sẵn, hình cánh cung trên kính xe. Linh cảm tôi dự báo điều bất thường. Điều tôi chờ đợi từ nhiều tháng qua, phải chăng đã tới? Chúng tôi im lặng. Chúng tôi ghìm giữ trong lòng những cảm nhận, những suy nghĩ riêng của mình. Tuồng, nếu không giữ được, tai họa, bất hạnh sẽ không có cơ hội sập xuống. Tuồng, nếu hai đứa tôi, dối gạt được nhau, thì, cũng có nghĩa là đã dối gạt được định mệnh!

Mưa tiếp. Nặng hạt hơn. Một chiếc quạt nước gầy, đào nhanh hơn, sâu hơn đường rãnh có sẵn, hình cánh cung trên kính xe. Tôi không thể nghĩ, đoán bất cứ một lời trối trăn nào của người đàn ông mà Tâm gọi bằng “Bác”; và, anh em chúng tôi quen gọi bằng “Anh”, với tất cả yêu mến, kính trọng gần như tuyệt đối.

Tôi cố để không nhớ lại lời anh kể với chúng tôi rằng:

“Vũ Tài Lục bảo tôi, nhiều lắm thì cũng chỉ hai tới ba năm nữa là cùng.”

Tôi nói lớn trong đầu, cũng có khi Vũ Tài Lục sai chứ. Sai quá đi chứ. Bằng chứng Anh đã bước qua biên giới sinh tử. Anh đã được đưa về Convalescion Home để tập ăn, nói, đi lại, một đời thường. Tôi nhắc nhở tôi, câu nói đùa của một người bạn, chưa lâu, rằng: “Biết đâu một ngày nào, người ta lại thấy ông Mai Thảo lại lững thững đi trên đường Bolsa. Ông lại băng ngang khu Phước Lộc Thọ... Có thể lắm chứ. Who knows? Và trong túi người bạn già của chúng ta, lại có thêm vài cái ticket phạt người đi... bộ...”

Mưa tiếp. Chúng tôi vượt qua ngã tư Harbor. Vượt qua ngã ba, nơi có nhà hàng Pháp mà người bác của Tâm thỉnh thoảng vẫn ghé lại. Nơi anh đã đem Nguyễn Bá Khanh tới để chụp những tấm hình cho một ngày trong đời anh. Nơi (đi tới vài phút) là đầu đường Fairview.



Đường Fairview sẽ xấn ngang Rancho Way. Rancho Way, 1980. Căn nhà, con đường đã nhiều lần xuất hiện trong văn chương, bền lâu, của ký ức anh. Rancho Way. Căn nhà. Con đường anh tìm đến, ở lại nhiều ngày, đêm những tháng ngày đầu đời lưu vong.

- 5:20: Mưa bị tòa building 8 tầng chặn lại. Tôi bị người phụ nữ Mỹ Tây Cơ, mặc áo blouse màu hồng, lớn tiếng, đuổi ra khỏi căn phòng 608. Bà ta đang vật lộn với trở ngại ngôn ngữ. Với bộ xương dài ngoẵng, bất động trên chiếc giường sắt.

Hành lang lạnh. Trắng. Hun hút những câu hỏi không câu trả lời nơi những cửa phòng đánh số và, những ngã rẽ. Đôi ba bóng người hiện ra, rồi biến đi, tựa hình ma hay, bóng quế!

Bình nước tiểu sóng sánh chút nước đỏ cạch cùng những tấm drap được mang ra cùng nụ cười của người đàn bà Mỹ Tây Cơ. Chúng tôi bước vào. Đôi mắt anh sáng lên. Có lẽ cũng cả nửa năm qua, tôi mới gặp lại ánh mắt tinh, ranh, thoáng chút riêu cợt, khinh mạn nơi đuôi mắt.

Linh tính tôi sai bét. Dự báo nhầm.

“Vũ Tài... gì thì lần này cũng té giéng thôi...” Tôi nghĩ.

Không một chờ đợi trầm trọng nào trong phỏng đoán nào của chúng tôi, xảy ra. Anh ra dấu bảo tôi cho anh một liều thuốc. Những ngón tay dài ngoẵng, đúng hơn những lóng xương nổi nhau, khó nhọc, vất vả đưa lên gần đôi môi mỏng, mím, nơi khuôn mặt đã biến dạng. Anh ra dấu. Ra dấu. Ra dấu.

Vài giây im lặng qua đi. Tôi hỏi:

“Anh cần gì? Thuốc lá phải không anh?”

Ánh rạng rỡ nơi đôi mắt anh, tăng cấp số nhân. Lại thêm vài giây im lặng lẫn qua. Ánh rạng rỡ ngúm tắt. Tôi đọc được ý nài nỉ nơi cái đầu Anh cố gắng đưa xuống gần ngực. Tôi đọc được ý nài nỉ nơi đuôi mắt anh chuyển động. Nháy. Nháy.

T. buột miệng bảo tôi:

“Không được anh. Anh phải ra hỏi y tá thôi. Nguy hiểm lắm. Máy báo động sẽ kêu. Còn giường bên cạnh...”

Đuôi mắt tiếp tục nháy. Nháy. Cường độ nài nỉ tăng cấp số nhân, với toàn bộ khuôn mặt anh:

Những phần da, xương còn khả năng biểu lộ. Tôi ra khỏi phòng, tựa vách tường.

Hành lang lạnh. Trắng. Hun hút những câu hỏi không câu trả lời nơi những căn phòng đánh số và những ngã rẽ. Đôi ba người hiện ra, biến đi, tựa những hình ma hay bóng quế.

T. bước ra, trên tay lát lẻo miếng plastic màu xanh, ghi hàng chữ: “Patient: Nguyễn, Quý. Dr. Nguyễn Khiêm.” Tôi hỏi, ở đâu ra cái này? T. đáp:

“Em gỡ. Anh ấy đòi. Em sợ anh ấy muốn giựt bỏ mọi thứ giày nhợ chạy quanh người. Triệu chứng gì em không biết. Nhưng đây là lần đầu tiên... Phải báo y tá ngay!”

Tôi gạt đầu. “Phải báo y tá ngay!”

Tôi báo sự việc bất thường này với bà y tá già và, người đàn bà Nurse Aid, Mỹ Tây Cơ rồi trở vào phòng. Những lóng xương xếp thành hình dạng những ngón tay dài ngoẵng, lại lẩy bẩy nhấc lên. Chúng lại khó khăn, vất vả đưa về gần đôi môi mỏng, mím. Lần này, cùng với thủ hiệu, là đuôi mắt trái của anh nháy. Nháy. Tôi chỉ còn chọn lựa sau cùng, đối gạt nài nỉ kia:

“Vâng. Anh để tôi xuống xe lấy thuốc lá cho anh.”

Tôi đi thẳng một mạch ra thang máy.

Những mẩu thuốc nở, trương, sưng nước hớ hênh cười nhạo trên dưới ánh đèn. Mưa tiếp. Núp dưới hiên, tôi rút một liều thuốc. Đốt cho chính mình, cho mưa, và, cho sự đối gạt còn mặn, ướt trên môi tôi.

5:30PM: T. xuống. Đưa tôi miếng giấy. Đúng hơn, là bao đựng mấy miếng sponges của nhà thương. Miếng giấy có hàng chữ sau cùng của một người có trên nửa thế kỷ ăn ở trần trọng, nghiêm chỉnh với chữ nghĩa. Giòng chữ viết:

“1 cà phê sữa đá.”

Mưa xối xả ném lên những con chữ, như thể muốn nuốt chửng, muốn bôi xóa chúng. Hay tổ giác sự bất lực, đón hèn tới đón mặt của chúng tôi?

8:10PM: Mưa tiếp. Tôi điện thoại xin gặp Tâm. Tôi muốn báo cho Tâm biết tôi đã hoàn tất lời Tâm nhắn. Tâm không có nhà. Tôi nói chuyện với mẹ Tâm.

Chị Yến kể cách đây 10 phút nhà thương đã đưa anh ấy trở về lại đường Haster. Một lần nữa, linh tính tôi sai toét. Dự báo lầm. “Vũ Tài... gì thì cũng có lần phải sai chứ...” Tôi nói với chị, ngày mai, chị lên mang cho anh ấy một liều thuốc và, “một cà phê sữa đá.” Bệnh viện không thể, nhưng Convalescion Home thì được.

Tôi kể chị nghe về khuynh hướng muốn dứt bỏ mọi thứ giây nhợ. Chúng tôi đồng ý với nhau, tình trạng anh, trở lại mức khởi điểm đầy hy vọng:

“Bolsa - Phước Lộc Thọ - Và dăm tấm giấy phạt người đi... bộ.”

8:20PM: Mưa tiếp. Nằm trên chiếc sofa, vẫn bằng vào lạc quan kia, trả lời điện thoại Đỗ Ngọc Yến, tôi nói. Nói. Nói:

“...Tuy nhiên, ngày mai bác cố gắng đến Haster, thăm anh ấy. Haster, chứ không phải nhà thương Garden Gorve. Có thể ông ấy nghĩ bác ba đầu sáu tay sẽ đốt được cho ông ấy một liều thuốc và 1 cà phê sữa đá... không chừng...”

Yến âm ừ. Tôi nghĩ nhiều phần có thể Yến không đến Haster, ngày mai... Cuộc nói chuyện chấm dứt khi tôi có đường dây khác tới.

9:00 PM: Mưa tiếp. Anh Nguyễn Sa gọi. Hỏi thăm. Tôi tóm tắt những diễn biến chính. Anh bảo: “Vậy thì tốt.”

“Tốt hả anh?”

“Tốt chứ. Về lại Nursing home mà. Đâu có ở nhà thương nữa.”

Thứ Bảy 10-1-1998

Houston, 9:30AM: Đường Tuam. Trời the lạnh. Tin thời tiết cho biết Texas sẽ có một ngày nắng ráo. Nhiệt độ thấp nhất 50. Cao nhất 65. Bão sẽ đi qua Houston và vùng phụ cận vào ngày hôm sau, từ 12 giờ trưa, tới 4 giờ chiều. Có “chill wind” và mực nước mưa có thể từ 2 tới 5.” Tùy khu vực. Quán mới mở cửa. Hào gọi cho tôi “1 cà phê sữa đá” và tô phở. Cửa mở. Bung. Nắng rõ ràng. Một phụ nữ tất tả bước vào. Chị tới thẳng bàn chúng tôi. Mừng rỡ, tôi chào. Hỏi:

“Chị ăn gì chị Phương Hoa?”

Chị nói, ăn rồi.

“Cho tôi 1 cà phê sữa đá.”

Hào tìm người chạy bàn. Tôi nhúng thìa, đưa vào tô phở của mình. Nhạc xuân. Một bài hát cũ. Rất cũ. Của Nguyễn Văn Đông? Nói về một người lính ôm súng trong vọng gác, đón giao thừa. Phương Hoa khuấy ly cà phê sữa đá. Tiếng muống, đá va vào thủy tinh, lạnh canh. Tiếng lạnh canh bút rút. Ngập ngừng. Dứt đoạn. Tôi ngược nhìn chị. Đôi mắt chị đỏ hoe. Chuyện gì? Tôi không đoán. Chị cúi xuống ly cà phê sữa đá. Tiếng lạnh canh bút rút khua động thêm một vài hồi rời rạc. Rồi tắt.

“Tôi không thể đợi tới lúc anh ăn xong tô phở,” vẫn cúi xuống ly cà phê sữa đá của mình, chị tiếp:

“Anh Mai Thảo mất rồi. T. mới báo cho chúng tôi biết. Anh Thăng kẹt bệnh nhân. Tôi nghĩ phải ra đây cho anh biết, trước khi anh đi Austin...”

Tôi đặt đĩa, muống xuống. Hào đặt muống, đĩa xuống. Chiếc muống trong ly cà phê sữa đá của chị Hoa vẫn được những ngón tay chị giữ chặt. Có phần chặt hơn. Những ngón tay bầm, thâm vì máu không thể đi tới.

“Khi nào?”

“Ba giờ sáng nay.”

Trước mặt chúng tôi, là ba “ly cà phê sữa đá.”

Austin 2:50PM: Khi đã tìm được exit vào đường Jamestown, Hào thuận miệng hỏi:

“Anh có thêm một ly cà phê sữa đá?”

Tôi gật đầu:

“Nên lắm chứ. Hạnh phúc biết bao nếu lúc này, chúng ta có được một ly cà phê sữa đá. Thật ra, tôi muốn nói với Hào rằng: “Hạnh phúc biết bao, trong đời sống này, chúng ta có được một người tên Mai Thảo.”

Suốt cuộc hành trình trên xa lộ 290 W., trong tôi cứ lẩn quẩn hoài câu nói của Khổng Tử (?) rằng: “Được làm người đã khó, nhưng sống cho ra một con người còn khó hơn nữa!” Chưa bao giờ tôi thấm thía câu nói đó, bằng lúc này. Và, nếu được phép sửa một chút, tôi sẽ xin được sửa thành:

“Sống cho ra một con người đã khó, nhưng sống như Mai Thảo/Nguyễn Đăng Quý trong đời sống này, còn khó hơn một bậc nữa vậy!”

Mặc dù, mỗi chúng ta, hằng ngày, bất cứ lúc nào, ở đâu, cũng có thể gọi được, tự làm được cho mình “một ly cà phê sữa đá.” Chỉ riêng anh thì không.

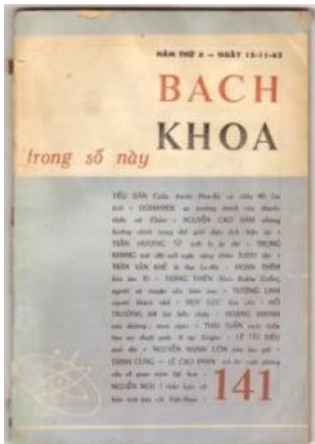
Chẳng bao giờ. Chẳng bao giờ, có nữa!

## Trần Phong Giao, người gác cửa văn học, tạp chí Văn

Hiệp định Geneva được ký kết năm 1954, đưa tới sự chia đôi nước đất nước, tôi nghĩ, không chỉ là một dấu mốc lịch sử quan trọng mà, nó cũng là một dấu mốc lớn của nền văn học Việt Nam nữa.

Ở lãnh vực văn học, tính từ thời điểm đó, tới biến cố tháng 4-1975, miền Bắc không hề có sinh hoạt văn học. Cách khác, theo cách nói, của nhà văn nổi tiếng miền Bắc, nhà văn Nguyễn Ngọc (1) thì, nó chỉ là một nền “văn chương minh họa;” phục vụ chế độ tùy nhu cầu mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ. Chính vì vậy mà sự xuất hiện (dù rất ngắn ngủi,) của mấy số báo Nhân Văn, Giai Phẩm ở Hà Nội, đã trở thành một biến cố văn học lớn, gây xáo xác, chấn động văn giới cũng như chế độ cộng sản miền Bắc. Dư âm của biến cố được gọi chung là “Vụ án Nhân Văn Giai Phẩm” đó, đến nay, vẫn còn được nhắc nhở, cào, xới như một vết thương chưa hề mọc da non, chưa hề liền miệng.

Trong khi đó, tại miền Nam, sau giai đoạn mở đường, gieo những hạt mầm văn học vạm vỡ của các tạp chí Sáng Tạo, Hiện Đại, Văn Nghệ, Thế Kỷ 20..., là giai đoạn trồng, gặt những mùa gặt văn học sung mãn, bội thu, với các tạp chí Bách Khoa, Văn Học và Văn (tính từ thời điểm đầu thập niên 1960 tới tháng 4 năm 1975.) (2)



Trong số 3 tạp chí văn chương vừa kể, thì tạp chí Bách Khoa có niên kỷ cao nhất. Bách Khoa do nhà văn Huỳnh Văn Lang sáng lập. Sau, họ Huỳnh giao toàn quyền việc điều hành cho ông Lê Ngộ Châu. Ông Lê Ngộ Châu không phải là nhà văn, cũng không hề là nhà báo. Ông chưa từng viết một bài báo nào trong suốt thời gian trông nom tờ Bách Khoa. Nhưng theo người sáng lập, nhà văn Huỳnh Văn Lang, thì ông Lê Ngộ Châu là người có khả năng điều hành và, dung hòa mọi phe phái (3.)

Phụ trách phần nội dung cho Bách Khoa (tòa soạn ở đường Phan Đình Phùng,) có thể kể các nhân vật chính như Võ Phiến, lo văn xuôi; Xuân Hiến, chọn thơ, Nguyễn Ngũ Í lo phỏng vấn, phóng sự.

Tạp chí Văn Học, (tòa soạn ở đường Lê Văn Duyệt, cũng là nhà in của ông Dương Cự?) do ông Phan Kim Thịnh đứng tên chủ nhiệm, có được sự tiếp tay tích cực về phương diện bài vở của nhà thơ Dương Kiên.



Tạp chí Văn (tòa soạn ở đường Phạm Ngũ Lão, cũng là nhà in Nguyễn Đình Vượng,) do ông Nguyễn Đình Vượng đứng tên chủ nhiệm. Phần nội dung, bài vở được giao do nhà văn Trần Phong Giao toàn quyền, trách nhiệm.



Phong cách hay nếp sinh hoạt của ba tạp chí có tuổi thọ đáng kể kia, trong sinh hoạt 20 năm văn chương miền Nam Việt nam có nhiều điểm khác biệt.

Nếu tòa soạn Bách Khoa là nơi lui tới của những nhà văn, nhà thơ đa số lớn tuổi, nghiêm túc, nặng tinh thần công chức, lễ giáo, như các ông Nguyễn Hiến Lê, Tạ Ty, Đoàn Thêm, Nguyễn Văn Trung, Trần Ngọc Ninh...; thì, sinh hoạt tại hai tòa soạn Văn Học và Văn, có phần trẻ trung hơn.

Là phụ tá, phụ trách bài vở cho Văn Học, nhưng nhà thơ Dương Kiên, vì công việc tại văn phòng luật sư riêng của mình, nên hiếm khi ông có mặt tại tòa soạn. Chủ nhiệm Phan Kim Thịnh lại thường xuyên... chạy ngoài, nên tòa soạn cũng... thường xuyên vắng người. Khách biên đình, anh em văn nghệ phương xa về Sài Gòn, ghé thăm Văn Học, nhiều khi đi tới, lui cả chục lần, không gặp ai, ngoài mấy chiếc bàn phía ngoài và, nhóm thợ in với máy móc, bên trong. Lại nữa, họ Phan vốn hiếu khách, nên anh chị em văn nghệ nào gặp hên, “tóm” được chủ nhiệm; thì, ông thường kéo khách qua mấy ngôi quán gần tòa soạn, uống nước.

Ngược với tòa soạn Văn Học, tòa soạn Văn không nhưng luôn luôn có... người mà, còn có tới hai, ba người một lúc, nữa.

Ở Việt Nam trước đây, tất cả các cơ sở thương mại, văn phòng dường như không có thói quen treo bảng ghi giờ mở / đóng cửa. Do đó, tôi không biết giờ mở / đóng cửa của tạp chí Văn.

Nhưng kinh nghiệm cá nhân cho thấy, nếu có việc phải ghé lại tòa soạn trong khoảng thời gian từ 8 tới 11 giờ sáng, từ ngoài nhìn vào, tôi luôn thấy thầy cô Gia Tuấn, ngồi nơi chiếc bàn thứ nhất, với cặp kính trắng dày cui, hiếm khi rời mắt khỏi xấp bản vở (4.) Kế tiếp, cũng cùng một cung cách cúi xuống, cặm cụi trước đồng bản thảo, hoặc dán mắt vào chiếc máy chữ to đùng, là thư ký tòa soạn Trần Phong Giao. (Nếu Gia Tuấn “mảnh khảnh” vóc dáng con... còn bao nhiêu, thì họ Trần chắc chắn, đậm người bấy nhiêu.) Nơi bàn thứ ba, cũng là chiếc bàn trong cùng, trước khi chạm tấm vách ngăn phần nhà in bên trong, là chủ nhiệm Nguyễn Đình Vượng. Ông là một thứ “bon papa” của nhiều cộng tác viên Văn.

Tứ thời áo len (do suyễn kinh niên,) với nụ cười không bao giờ biến mất trên gương mặt phúc hậu, cởi mở, chủ nhiệm Nguyễn Đình Vượng là mặt khác của thư ký tòa soạn Trần Phong Giao. “Papa” Vượng tỏ ra nhân từ, dễ thương bao nhiêu, thì với những ai mới gặp “Trần Phóng,” Trần Phong Giao, lần đầu, sẽ thấy ông là hiện thân của một thứ... “Cùng hung, cực ác” bấy nhiêu (5.)

Chú thích:

(1) Nhà văn Nguyễn Ngọc, trong thời gian giữ vai trò tổng biên tập tạp chí Văn Nghệ, tiếng nói của Hội Nhà Văn Việt Nam, ở Hà Nội, là người phát hiện, giới thiệu với độc giả nhiều cây bút mới, sau này nổi tiếng như Nguyễn Huy Thiệp, Nguyễn Thị Hoài...

(2) Tôi không nhắc tới vài tạp chí văn chương khác, như Nghệ Thuật, Văn Đền, Văn Chương... (dù những tạp chí này cũng xuất hiện trong thập niên 1960 ở miền Nam,) vì thời gian hiện diện ngắn ngủi; hoặc không gây được một chú ý đáng kể nào (như tạp chí Văn Hữu - cơ quan ngôn luận của Hội Văn Hóa Á Châu.)

(3) Sinh thời, thi sĩ Nguyên Sa từng kể, cũng như từng viết xuống rằng, tòa soạn Bách Khoa là nơi gặp gỡ một cách “vui vẻ, thoải mái” của các nhân vật chính trị như Phạm Ngọc Thảo, Vũ Hạnh..., khuynh hướng cộng sản, Trần Ngọc Ninh, Đoàn Thêm..., khuynh hướng quốc gia; Nguyễn Văn Trung, Lý Chánh Trung..., khuynh hướng trung lập...

(4) Trước khi máy computer ra đời, công việc in ấn rất nhiều khê! Thoạt tiên, người thợ sắp chữ phải gấp từng mẫu tự đúc chì, to nhỏ tùy size chữ, xếp ngược, rồi đánh đai hay khuôn lại theo khổ ấn định, gọi là bát chữ. Sau đó, người thợ phải dùng những tấm giấy ẩm nước, đập vào bát chữ đã lẫn mực, để những dòng chữ hiện ra, xuôi chiều. Những tấm giấy có chữ này, gọi là bản vổ. Thầy cò sẽ sửa lỗi chính tả trên những bản vổ đó. Những công đoạn này tái diễn nhiều lần, cho tới khi bản vổ không còn lỗi chính tả.

(5) Ngoài bút hiệu Trần Phong Giao, thư ký tòa soạn đầu tiên của tạp chí Văn, còn có bút hiệu thứ hai, là Trần Phong. Thời gian Văn ra đời, cũng là thịnh thời của phong trào đọc chuyện chương Kim Dung. Một trong những dịch giả được ưa thích là ông Tiền Phong - Từ Khánh Phụng. Ông này gốc người Hoa. Tên ông đọc theo âm Trung Hoa là “Sin Phóong.” Và, “Trần Phóong” mau chóng trở thành “nickname” của Trần Phong Giao, được một số anh em văn nghệ thân thiết với họ Trần, gọi... sau lưng ông.

Tôi mượn hình ảnh một nhân vật “Cùng hung cực ác” trong chuyện Chương của Kim Dung, để thậm xưng về “ngoại hình” của nhà văn Trần Phong Giao, Thư ký tòa soạn đầu tiên và, lâu đời nhất của Tạp chí Văn, Saigon, những năm đầu thập niên 1960. Lý do, với bất cứ anh chị em văn nghệ nào, không biết mặt ông, dù ở đâu về, hỏi gặp ông, ông đều chối ông không phải là Trần Phong Giao. Chẳng những lạnh lùng, đôi khi, ông còn xẵng giọng nữa. Tuy nhiên, một khi đã quen biết, Trần Phong Giao lại cho thấy ông là người rất quý bạn và, quan tâm tới những buồn, vui riêng của mỗi người.

Giải thích cung cách ứng xử lạnh lùng của mình, ông nói, nếu không thế, ông không có đủ thì giờ để hoàn tất công việc của thư ký tòa soạn một tạp chí có số lượng phát hành lớn nhất miền Nam Việt Nam thời đó.

Công việc của họ Trần, không đơn giản trong phạm vi nội dung, bài vở, chủ đề (cho mỗi số.) Nó cũng không chỉ là công việc liên lạc xin bài, đi lấy bài của những tác giả muốn có mà, cùng lúc, mỗi ngày, ông phải đọc hàng trăm thư độc giả, hàng trăm sáng tác, biên khảo, dịch thuật của các tác giả khắp nơi, để quyết định sẽ đăng hay, loại bỏ.

Mỗi số, với bút hiệu Thư Trung, ông phải viết tin sinh hoạt văn học nghệ thuật, tường trình cùng độc giả. Lại nữa, ở lãnh vực sách xuất bản, với bút hiệu Mỏ Làng Văn (6,) ông cũng phải chọn ra để điểm một số tác phẩm tiêu biểu.

Công việc cực nhọc, tẻ nhạt (nhưng cho thấy khó có một thư ký tòa soạn nào, có thể làm được một cách bền bỉ, kiên nhẫn hơn,) đó là việc trả lời thư độc giả, thư văn hữu. Tôi cho việc làm này của Trần Phong Giao là sợi dây liên kết thân ái nhất, giữa tòa soạn Văn và bạn văn, độc giả.

Khi báo in xong, chiếu theo danh sách, Trần Phong Giao cũng là người viết tên, đề địa chỉ, bỏ báo biểu vào những phong bì lớn, in sẵn logo, gửi cho các cộng tác viên. Với những tác giả có bài đăng tải trong số báo mới đó, họ Trần chia thành 2 loại.

Loại thứ nhất, những tác giả được trả tiền nhuận bút, dù thơ hay văn. Loại thứ nhì, những tác giả chỉ được biểu báo. (7)

Nếu cư ngụ tại Saigon, bạn có thể đến thẳng tòa soạn vào những ngày 1 và 15 mỗi tháng, để nhận tiền và báo, mà, không cần phải báo trước. Suốt bao nhiêu năm ở vai trò Thư ký tòa soạn

Văn của Trần Phong Giao, tôi chưa thấy một bạn văn nào than phiền, chất vấn ông, về tác quyền của họ.

Song song với 2 số báo Văn, mỗi tháng, nhà văn Trần Phong Giao còn trông nom nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng và, tủ sách Văn Uyển, sau đổi thành Tân Văn (8.)

Với bề ngoài lạnh lùng, thường xuyên gây bất mãn cho những người tìm kiếm mình tại tòa soạn, nhưng khó ai có thể phủ nhận tấm lòng ưu ái đặc biệt của nhà văn Trần Phong Giao với lớp người viết trẻ, (nhất là những cây bút miền Trung.)

Rất nhiều cây bút trẻ thời đó, sau này nổi tiếng, nhờ hoặc từ ngôi nhà tạp chí Văn mà, người canh cửa chính là ông “mặt sắt, đen sì” Trần Phong Giao.

Trong danh sách đầy, đặc, gồm những người hiện ở hải ngoại, hay quê nhà; những người còn sống, hoặc đã chết, thành danh từ tạp chí Văn, chúng tôi xin kể một số tên tuổi tượng trưng như: Trần Hoài Thư, Hà Thúc Sinh, Hồ Minh Dũng, Trần Dạ Lý, Nguyễn Lương Vy, Mưòng Mán, Ngụy Ngữ, Cao Thoại Châu, Lâm Chương, Nguyễn Huy Tường, Đynch Trầm Ca, Phan Nhự Thức, Hà Nguyên Thạch, Lâm Hảo Dũng, Vũ Hữu Định, Phạm Cao Hoàng, Nguyễn Thị Minh Ngọc, vân vân...

Dù đã trên dưới bốn mươi năm, kể từ ngày nhà văn Trần Phong Giao rời khỏi vai trò Thư ký Tòa soạn bán nguyệt san Văn và, 4 năm sau ngày chết của ông (9,) nhà văn Trần Hoài Thư (10,) trong một bài viết nhan đề “Trần Phong Giao và những người viết trẻ,” in trong tạp chí Thư Quán Bản Thảo (11,) tập thứ 35, đề tháng 2 năm 2009, đã viết như sau:

“Thời ấy, thời những năm 60, nói đến văn học miền Nam là nói đến nhóm, là phải nhắc đến Sáng Tạo, Hiện Đại, Thế Kỷ 20 v.v... Những đề tài thì quanh quẩn những hiện sinh, nôn mửa, làm mới văn học, hay viết về những kinh nghiệm bản thân về một chủ nghĩa là Cộng sản mà họ đã trải qua... Họ sống ở thủ đô, ít hiểu, ít chất liệu để nói về con quái vật chiến tranh và những hệ lụy của nó (...)

“Riêng những người viết trẻ thì không những lãnh phần đánh giặc, chết thê mà còn tự nguyện lãnh thêm những xấp giấy nhét trong ba lô hay túi áo trận có khi dính đầy máu. Và khác với những quan chức văn nghệ phòng trà, mang bộ đồng phục mà viết về ca sĩ, vũ nữ v.v... thì các người viết trẻ phải viết trong điều kiện:

“Viết thư thăm ông sau cuộc hành quân biên phòng, kéo dài suốt 20 ngày trong rừng đầy muỗi, lạnh và vắt rùng.

“Ở đây thiếu thốn nhiều phương diện. Ngay như báo chí. Đôi khi tờ báo hàng ngày xuất bản ngày 10 thì đến 20 chúng tôi mới được đọc. Còn nói gì đến những tập san văn học nghệ thuật?”

(T.L. thư từ Dakto ngày 12 tháng 12 - 1970. Vấn Đề số 45 tháng 4-71.)

“May mắn trong thế giới ấy, chúng ta có một Trần Phong Giao của Văn.

“Có thể nói, trong thời chiến, không một người viết trẻ nào lại không nhớ đến cái công tìm tòi, khai phá những tài năng mới của tạp chí Văn, mà thơ ký tòa soạn Trần Phong Giao (TPG) là người đầu tàu.”

“Trong bài viết này, chúng tôi chỉ xin đề cập đến một đức tính hiếm quý mà chúng tôi đã tìm thấy ở ông, dù ít khi chúng tôi có dịp gần gũi với ông.

“Nhớ lại trong vài lần từ vùng hai về phép, ghé ngang tòa soạn Văn, thăm ông, thấy ông với gương mặt lạnh lùng, họa hoàn lấm mới thốt vài câu thăm hỏi, sau đó, lại tiếp tục cúi xuống bàn máy chữ, thì thấy lòng hơi bất mãn.

“VẬY mà trên tạp chí Văn, ở mục trang Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật, dưới bút hiệu Thư Trung, ông luôn viết về chúng tôi, đề cập đến chúng tôi, và cất lời thống thiết vì chúng tôi. Thật khó tìm một tạp chí có người thư ký tòa soạn lại chú tâm về cuộc hành trình của những người mang màu áo đồng phục như chúng tôi như thế. Nhờ Văn mà chúng tôi tìm đến nhau, và biết tin nhau dù chúng tôi luân lạc tứ phương...”

Chú thích:

(6) Bút hiệu Mõ Làng Văn là bút hiệu chung của một số cộng tác viên mật thiết với Văn, khi Trần Phong Giao nhờ những người này, làm công việc điếm sách thay ông. Nhưng ông thường thêm, bớt, trước khi đăng tải.

(7) Dù thơ hay văn, tiền nhuận bút được tính theo trang. Dĩ nhiên, nhuận bút mỗi trang bài, sai biệt tùy theo tên tuổi từng tác giả. Sự trân trọng đối với thi ca của tạp chí Văn, ngày xưa, là một điểm son lớn.

(8) Sự khác biệt giữa nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng và tủ sách Tân Văn ở chỗ: Sách của nhà Nguyễn Đình Vượng được in trên giấy trắng, bìa dày, bất định kỳ - Trong khi sách của tủ sách Tân Văn bìa mỏng, ruột in giấy báo, xuất bản hàng tháng, sách dày trên dưới 100 trang. Mục đích bán với giá rẻ và, cho thợ in có thêm việc làm.

(9) Nhà văn Trần Phong Giao từ trần tại Saigon, ngày 12 tháng 4-2005, thọ 70 tuổi, nếu tính theo năm sinh 1935.

(10) Nhà văn Trần Hoài Thư hiện cư ngụ tại tiểu bang New Jersey. Cùng với Phạm Văn Nhàn, ông chủ trương tạp chí văn học nghệ thuật Thư Quán Bản Thảo. Từ năm 2006 đến 2007, sau khi về hưu, có thì giờ, ông đã sưu tập, chủ biên "Tủ Sách Di Sản Văn Chương Miền Nam." Tới nay, tủ sách này đã ấn hành được những bộ sách như "Thơ miền Nam trong thời chiến," tập 1 và 2 - Cộng chung dày trên 1,500 trang quy tụ trên 400 tác giả. Riêng năm 2008, ông sưu tầm và ấn hành các bộ "Thơ Tự Do Miền Nam," "Thơ Tình Miền Nam," "Lục bát một thời Việt Nam." Tất cả những bộ này đều dày trên 600 trang, quy tụ nhiều trăm tác giả miền Nam. Có thể đặt mua qua Tòa soạn Thư Quán Bản Thảo.

(11) Tạp chí Thư Quán Bản Thảo xuất bản 2 tháng 1 lần. Không bán. Muốn có, xin vui lòng liên lạc qua địa chỉ: Thư Quán Bản Thảo, P.O.Box 58, South Bound Brook, NJ 08880; hoặc E-mail: tranhoaithu@verizon.net

Tôi không biết sau tôi, nhà văn Mai Thảo có nói với ai khác, về việc ông bị "khép tội" chủ trương phong trào văn chương "viễn mơ"? Với tôi thì không. Sau lần nói chuyện với nhau ở tiệm cơm Ngọc Hương, đường Gia Long, Mai Thảo dường đã quên, chuyện ấy. Tôi nói, Mai Thảo quên hay không đề cập nữa, vì, sau bài "Văn chương trước những mưa dầm bất chính của hệ thống chiến tranh lạnh," Thế Nguyên và các bạn ông, tiếp tục "triển khai" trận đánh với cường độ "oanh kích" ngày một gia tăng bom, đạn...

Một trong những bài viết được phổ biến trên tạp chí Đất Nước, cũng đã tố cáo tác giả "Người đàn bà trong vòng đai trắng" là người nhận tiền trợ cấp từ một bộ phận phụ trách văn hóa thuộc tòa đại sứ Hoa Kỳ, ở Saigon, để xuất bản tờ Sáng Tạo. Nhóm Sáng Tạo cũng bị lên án là theo đuổi "chủ nghĩa độc đảng!" Xóa bỏ quá khứ. Khoanh vùng. Và, chỉ "suy tôn" nhau mà thôi.

Tuy có phương tiện trong tay, cũng như nếu cần, có thể sẽ có nhiều diễn đàn bạn, sẵn sàng "nhập cuộc" để bênh vực mình; nhưng Mai Thảo đã chọn thái độ thản nhiên, im lặng. Theo tôi, đây là một trong những cung cách ứng xử mà, Mai Thảo đã giữ được suốt đời mình. Chưa bao giờ tôi thấy ông dùng ngòi bút để phản bác hay, tấn công một nhà văn. Ông quan niệm, chữ nghĩa không phải là những mũi dao dùng để đâm anh em, ngay khi phải tự vệ... Quan niệm đó, đã làm thành một nhân cách lớn. Nhân cách Mai Thảo.

Là người khởi xướng một cuộc... "chiến tranh lạnh" trên địa bàn văn học, với ba tờ tạp chí và, một nhà xuất bản (với hàng trăm tác phẩm ấn hành trong một khoảng thời gian tương đối ngắn,) Thế Nguyên đã nhận được sự tiếp tay, cộng tác của khá nhiều văn nghệ sĩ, trí thức thuộc nhiều thành phần, nhiều khuynh hướng...

Không phải tất cả những người đến với Thế Nguyên, đều hoàn toàn đồng ý với chủ trương, quan điểm của hai tạp chí Đất Nước, Nghiên Cứu Văn Học và, bán nguyệt san Trình Bày...



Nhưng, họ đến, nhiều phần vì cá nhân Thế Nguyên, và một vài thành viên nòng cốt khác của ông - Như giáo sư Nguyễn Văn Trung; Linh Mục Thanh Lãng (chủ nhiệm tạp chí Nghiên Cứu Văn Học); Diễm Châu (tổng thư ký); Nguyễn Quốc Thái (thư ký) tòa soạn Trình Bày.

Về những tác giả thành danh cộng tác với Thế Nguyên, chúng ta có thể kể: Nguyên Sa, Thảo Trường, Đỗ Long Vân, Nguyễn Khắc Ngữ, Trần Thái Đình, Lê Tôn Nghiêm... Lốp mới, có Hoàng Ngọc Biên, Lê Văn Hào, Lữ Phương, Nguyễn Trọng Văn, Thái Lãng... Và, dĩ nhiên, Thế Nguyên là nơi “tìm về,” là một “địa chỉ hoa” của những cây bút trẻ, chủ trương “dấn thân” (Đồng nghĩa với chống chiến tranh, đòi hòa bình cho đất nước!)

Về tính cách cá nhân thì, dù không phải đi lính vì lý do gia cảnh, nhưng Thế Nguyên vẫn tứ thời hớt tóc “đầu đinh/ba phân.” Người mỏng; mắt hơi lồi; nụ cười hở lợi; quần, áo lèng xèng; quanh năm đi dép; phong cách công nhân hơn một nhà văn (hay một nhà vận động chính trị), Thế Nguyên đã mang lại cho những người tiếp xúc với ông, (ngay lần đầu,) cái cảm giác gần gũi, tin cậy. Chóng vánh. (10)

Với ánh mắt ân cần, với điệu thuốc gần như lúc nào cũng trên tay, Thế Nguyên thuộc loại người một tháng chưa dùng hết một bao diêm-quẹt, (chỉ tốn 1 cây diêm-quẹt đầu ngày?) Ông có thể lắng nghe bạn nói nhiều giờ, không mệt mỏi... Chưa kể, một khi đã là bằng hữu, Thế Nguyên thường tỏ ra rất quan tâm tới đời sống riêng, thói, tật của bạn. Ông luôn cho người đối thoại với ông, cảm tưởng ông là người dễ thỏa hiệp, thậm chí, dễ thuyết phục. Sự thực, ngược lại. Ở những lãnh vực thuộc về niềm tin, lý tưởng thì, ông thuộc loại cực đoan. Dứt khoát. Tàn nhẫn, nếu cần. Tôi nghĩ, ông có nhiều hơn, một con người, trong một con người. (11)

Dù Thế Nguyên có bao nhiêu con người, trong một con người thì, với tôi, những đóng góp của ông ở phương diện báo chí, văn chương, vẫn là những đóng góp đáng kể. Với sự tiếp tay của nhiều người, ông đã khai mở một dòng chảy mới, cho văn chương miền Nam, từ giữa thập niên 1960. Một dòng văn chương sôi sục đối kháng.

Đặc biệt, với bằng hiệu nhà xuất bản Trình Bày, qua một số dịch giả khác nhau, ông đã giới thiệu với độc giả miền Nam, những nét đặc thù của văn chương Nhật Bản (như tiểu thuyết của Kawabata;) văn chương Đại Hàn (như truyện của Richard Kim) và, nhất là thi ca của những tác giả thuộc khối thứ ba, thời đó, tương đối còn xa lạ với người Việt, đa phần, do nhà thơ Diễm Châu chuyển ngữ.

Ngay cả khi những tiết lộ mới đây, của tác giả Lữ Phương về Thế Nguyên, trong hồi ký nhan đề “Lữ Phương, Những chuyến ra đi,” (12) có là sự thật, thì, tôi vẫn thấy, tôi gần với ghi nhận của thi sĩ Nguyên Sa về Thế Nguyên. Tác giả “Áo lụa Hà Đông” thấy con người Thế Nguyên là một... tu sĩ. Một kẻ giang hồ! Muốn “thể thiên hành đạo.”

Chỉ tiếc, Thế Nguyên mất sớm. Ông từ trần tại Saigon, ngày 15 Tháng Tám năm 1989, ở tuổi 48.

Nhà thơ Nguyễn Quốc Thái, một trong vài bạn văn thân thiết với Thế Nguyên, còn ở lại Saigon, sau biến cố 30 Tháng Tư 1975, kể rằng, một buổi chiều rảnh rỗi, tác giả “Hồi chuông tắt lửa” dùng dao cắt (hay khoét bỏ) một mụn cóc ở chân. Lưỡi dao bị nhiễm độc mà, ông không biết. Đêm đó, ông lên cơn sốt. Nghĩ, không quan trọng. “Cũng thường thôi!” Nhưng qua hôm sau, ông bị co giật với những cơn sốt trên 40 độ C. Người nhà cầu cứu Nguyễn Quốc Thái. Họ Nguyễn chạy đến, đưa ông vào bệnh viện.

Trên giường bệnh, lúc tỉnh táo, linh cảm rằng mình đã bước rất gần cõi chết, ông bảo bạn: “Chậm rãi! Thái ạ.” Đúng vậy! Nguyễn Quốc Thái nói, chứng phong đòn gánh (tetanus,) không phải là một chứng bệnh gì khó chữa. Nhưng thời gian đó, Saigon gần như thiếu tất cả mọi thứ thuốc! Bác sĩ giỏi mấy cũng... “bó tay!”

Nguyễn Quốc Thái kể thêm:

“Dù sao thì tôi vẫn tin rằng, cuối cùng, Thế Nguyên đã ra đi trong thanh thản. Trước giờ bạn đi, tôi đã mời được cha đến làm phép xức dầu, xưng tội, giải tội... cùng mọi nghi thức tôn giáo khác...”

Tính đến hôm nay, nhà văn Thế Nguyên từ trần đúng 20 năm. Nó cũng tương đương với 20 năm văn học miền Nam. Nền văn học đã đem đến cho ông những ngày tuổi trẻ “nhập đồng.” Những ngày tuổi trẻ rục rờ chữ và, nghĩa. Đường và, lối. Tin và, tưởng...

Nhưng, cũng kể từ 20 năm sau cái chết, ở thế giới khác, tôi không biết ông nghĩ gì về cái chết lãng nhách. Cái chết cũng phi lý như cuộc chiến tranh đối đầu giữa hai ý thức hệ... Tôi cũng không biết, ông có nghiệm ra rằng, nhiệt tâm của một nhà văn như ông, dù “dấn thân” đến đâu, rốt ráo, thực tế đã phũ phàng, cho thấy: Nó cũng giống như một loại... “viễn mơ,” mà thôi! Và, trong chừng mực nào đó, nếu có cơ hội nhìn lại, tôi nghĩ, ông không thể phủ nhận rằng, miền Nam đã cho ông, cho các bạn ông, cho chúng ta, những người cầm bút, số tự do đủ, để được sống như một nhà văn, với những suy nghĩ, cảm nhận, hành động... Nhưng phải chăng, đôi khi, chúng ta đã lạm dụng nó, một cách vô trách nhiệm!??

Chú thích:

(10): Thế Nguyên là bút hiệu của Trần Gia Thoại, sinh năm 1942, tại Nghĩa Hưng, Hà Nam Ninh. (Nhà thơ Nguyễn Quốc Thái cho biết, Thế Nguyên sinh năm 1941.) Theo gia đình di cư vào Nam, năm 1954, ông tốt nghiệp Cán sự Công chánh (cùng khóa với nhà thơ Phan Lạc Giang Đông;) phục vụ tại Cục Công Bình, đường Nguyễn Tri Phương, đối diện Nhà thờ Dòng Đồng Tiến, Sài Gòn. Thế Nguyên được miễn dịch vì là con trai duy nhất.

(11): Nguyễn Sa, “Hồi Ký,” Đồi xuất bản, Calif., Hoa Kỳ, 1998. Tr. 167.

(12): Lữ Phương, Hồi ký “Những chuyến ra đi;” [www.daohieu.com](http://www.daohieu.com), đề mục chung: “Lề bên trái.”

## Cõi thơ Nguyễn Sa

Trí nhớ của tôi trong những ngày tháng này mơ hồ kinh khủng. Hồi đó, hồi dậy tâm lý học ở Sài Gòn, tôi vẫn nói với những thanh niên nam nữ theo học, là có hai loại bệnh quên. Có những người quên những kỷ niệm gần, nhưng lại nhớ rất rõ ràng những kỷ niệm thật xa xưa. Những người lớn tuổi quên ngay những sự việc mới xảy ra ngày hôm qua, nhưng nhớ rõ từng chi tiết về những ngày thơ ấu. Loại người bị bệnh quên thứ nhì, ngược lại, hoài niệm bị xóa mờ, chỉ nhớ những gì mới xảy ra.

Với tôi, bệnh quên xảy ra có ngày. Không thể nói dứt khoát ngày nắng hay ngày mưa, cuối mùa thu hay đầu mùa hạ. Có năm ngày mưa thì trí nhớ tôi tốt, những ngày mùa xuân mùa hạ, trí nhớ tôi rất được, khi thu sang, trời lạnh, trí nhớ mơ hồ. Thời điểm này, trời nắng ấm, sao trí nhớ tôi cũng bỗng nhiên mơ hồ quá? Tôi muốn tìm lại những hoài niệm về Hoàng Thụy Châu, tôi tìm hoài không được. Tôi nhớ Hoàng Thụy Châu nay là Hoàng Dược Thảo, hồi đó là Huỳnh Laure Brigitte, hồi chưa lấy Du Tử Lê, tới nay tôi vẫn quen gọi là “cô Châu.” Tôi nhớ vậy đó, nhưng muốn tìm lại những hoài niệm hình ảnh, những hoài niệm của thị giác, muốn nhớ lại kiểu tóc Châu ngày đi học, màu áo của Châu ngày Châu và Lê tới tôi, sau lễ hôn nhân, tôi tìm hoài không được. Tôi sử dụng đủ thứ kỹ thuật gọi là kỹ thuật khêu gợi hoài niệm, từ những hoài

niệm nổi lên tới hoài niệm chìm, từ những hoài niệm trong cùng một vùng thời gian tìm ra những hoài niệm muốn tìm thấy, từ những hoài niệm thính giác và khứu giác, rất mạnh nơi tôi, lần ra những hoài niệm thị giác và vị giác tôi yếu kém, vô ích. Hình ảnh Thụy Châu với Tay Trái, Tay Phải, hình ảnh tươi vui, rạng rỡ, hình ảnh Thụy Châu quay cuồng trong những buồn phiền, tưởng như những cơn điên, hình ảnh Thụy Châu ân cần, thân ái pha lẫn chút luyến nhớ xót xa một thời đã qua, những hình ảnh có cấp độ cao hơn làm thành những bức tường thành thật dày ngăn cản tuyệt đối tôi và Thụy Châu thời Huỳnh Laure Brigitte.

Hoài niệm về Du Tử Lê cũng là những kỷ niệm rời. Cách đây hai tháng, Nguyễn Mạnh Trinh gửi cho tôi một tờ Văn Học, trong đó có một bài về cuộc thi văn chương toàn quốc kỳ đó tôi có tham dự với tư cách giám khảo. Bài báo thật tuyệt vời, đánh thức dậy trong tôi những kỷ niệm mất hút, tưởng như vĩnh viễn tới mức không còn một nghi ngờ nào về hiện hữu của những sự việc đó. Tôi nhớ chầm thời kỳ đó, có Vũ hoàng Chương chủ tịch, có Thanh Tâm Tuyền, đọc bài báo tôi mới nhớ lại được rõ ràng những kỷ niệm về chị Mộng Tuyết, anh Hà Thượng Nhân. Tôi nhớ chiếc Vespa của Du Tử Lê ở Saigon, bộ quân phục. Tôi nhớ tôi có cảm nghĩ nhưng không nhớ rõ vào thời điểm nào, đúng thế, tôi nhớ tôi có cảm tưởng Du Tử Lê mặc quân phục trông rất có nét. Tôi nhớ chiếc áo lính Thủy Quân Lục Chiến Mỹ của Du Tử Lê bay lồng lộng trong gió trên đồi Trại Một của Pendleton. Lê đứng đó, trong đêm, trong sương mù, những ánh đèn của những ngọn pha xe nhà binh lại gần rồi chìm xuống, như những chiếc phao mất khuất trong biển đêm, Lê đứng đó với Nguyễn Thừa Dzu, Trần Tam Tiệp, Trương Trọng Trác, Nguyễn Sa.

Tôi hoàn toàn không còn nhớ chúng tôi đã trò chuyện với nhau những gì những buổi chiều Pendleton, những buổi trưa, Du Tử Lê tới tôi ở Saigon, những ngày vui khai trương Tay Trái, những buổi tới Lê rất "Em Xi" ở Lup. Lê giới thiệu Cao Đông Khánh ngâm "Trường Sa Hành," giới thiệu Mai Thảo nói mấy lời mở đầu chương trình, giới thiệu Trần Duy Đức hát sáng tác mới nhất của Đức, giới thiệu Lê Uyên ca "Chiều Trên Phá Tám Giang." Tôi nhớ, thỉnh thoảng có đêm ngồi với Lê thật lâu, thật riêng ở đó, ở Lup, chúng tôi đã nói với nhau về thật nhiều chuyện, có cả những kỷ niệm về dĩ vãng, những buồn phiền về cuộc sống mười phần chẳng như, về những dự án tương lai. Nhưng dĩ vãng nào đã réo gọi, buồn phiền nào đã làm thành ngậm ngùi, tương lai nào thoáng hiện trong đáy cốc, tôi không thể nhớ được. Cũng may, thơ Du Tử Lê giúp tôi tìm lại được thật nhiều mất mát.



Từ trái qua: Trương Trọng Trác, Trần Tam Tiệp, Nguyễn Sa, Du Tử Lê 1975 tại trại tị nạn Campendleton

*cảm ơn  
cảm ơn Pendleton*

*đã cho ta những buổi sáng đầy sương mù  
như đôi mắt của người con gái yêu ta còn ở Saigòn...*

Phải rồi, đôi mắt Thụy Châu có sương mù, có nụ cười ở tuốt phía sau màn sương mù đó. Chỉ khi màn sương mù đó được xé rách toang mới nhìn thấy được hồn nhiên, ân cần, lưu luyến của nụ cười tim thấy.

*cảm ơn*

*cảm ơn Pendleton*

*đã cho ta những chiếc quần áo  
rộng như những chiếc bao bố  
những chiếc áo đôi khi mặc vào khỏi cần quần nữa  
hay những chiếc quần đôi khi mặc vào khỏi cần mặc áo  
tuy nhiên  
ta vẫn hân hoan và sủng sính đi lại  
có sao đâu  
bởi với ta bây giờ chẳng còn chi quan trọng.*

Phải rồi, áo lính Thủy Quân Lục Chiến phát ở Pendleton rộng thật. Trước Pendleton là đảo Guam, là trại Asan. Là những chuyến xe bus quân đội đưa người mới từ phi trường Guam về trại. Là chiếc máy phát thanh để kể bên người quân nhân Marine lái xe phóng lớn bản tin Đại Tướng Dương Văn Minh đã hạ lệnh cho toàn thể quân nhân buông súng. Những tiếng động cơ, tiếng máy phát thanh, tiếng khóc thút thít. Đến khi tiếng động cơ đã bỏ đi, tiếng máy phát thanh đã tắt hẳn, tiếng khóc tức tưởi không thể giữ được trong cổ họng vẫn bật vỡ ra. Trong nhà ăn. Dưới chiếc mền trùm kín đầu trên nền xi măng. Dưới gốc dứa trông ra biển, quay mặt về phía đông.

*cảm ơn*

*cảm ơn Pendleton*

*đã cho ta những bữa cơm ngao ngán*

.....

*đã cho ta những buổi chiều rét ngọt  
những buổi chiều ta thấy hồn ta trên những đỉnh núi  
vây quanh  
và tưởng có thể nhìn xa bốn phía  
mặc dù ta chẳng nhìn thấy chi  
ngoài chính chiếc bóng ta  
và nghe được tiếng giầy mòn  
khuìa trên đường về chỗ nằm hiu quạnh.*

Tôi nhớ cái rét đó. Du Tử Lê gọi là rét ngọt. Tôi thấy kinh hoàng. Rét ở trên núi, trong lều vải hồ lung tung, chăn càng đắp càng thấy nặng, không thấy ấm. Nhưng “những đỉnh núi vây quanh” hồi đó thì buồn thật. Nhìn ra, nhìn lên bốn bề chỉ thấy núi. Nhưng này Lê, bây giờ, sao cũng có những buổi chiều vẫn chỉ thấy hồn ta trên những đỉnh núi vây quanh, và tưởng có thể nhìn xa bốn phía, mặc dù ta chẳng nhìn thấy chi, ngoài chính chiếc bóng ta, và nghe được tiếng giầy mòn, khuìa trên đường về chỗ nằm hiu quạnh...

Hồi đó, những ngày tháng ở Paris với Đỗ Long Vân, với Hoàng Anh Tuấn, với Lê Trạch Lưu, Lê Trọng Việt, Trần Đình Hòa, Đỗ Hữu Khải, tôi nghĩ muốn hiểu được thấu đáo tác phẩm, nhất là tác phẩm của một nhà thơ, cần tìm hiểu thật kỹ lưỡng cuộc đời tác giả. Những dấu mốc ngày tháng, những biến đổi của sự sống là hải đăng chiếu xuống biển tác phẩm. Cả bọn ngồi ở Flores, ở Aux Deux Magots, ở Julien, ở thư viện Saint Genevière đi thẳng vào những ngày tháng kháng chiến của Paul Eluard để hiểu thật rõ Liberté, đi tuốt tới những vùng trời mưa gió ở

Brest cùng với Barbara của Prevert, đến tận ngôi mộ Vercos để lắng nghe “Niềm Im Lặng Của Biển Cả.”

Bây giờ thì tôi thấy sự việc không đơn giản như thế. Cũng có thể cuộc đời soi sáng cho tác phẩm, nhưng có thể chính tác phẩm mới cho thấy cuộc đời. Nhất là khi trí nhớ bỏ đi, cuộc đời đã bắt đầu bỏ đi, cuộc khởi hành lớn đã mơ hồ phía trước.

*ngủ đi. Ngủ với biển trời  
ngủ mười năm nữa hay ngồi dậy chơi  
ngủ đi. Ngủ chớ ngậm ngùi  
trái tim ta nát ba đời bởi em  
ngủ đi. Tóc rụng chân thềm  
tháng năm quên lãng. Buông rèm lià xa  
ngủ đi. Ta đã mù kòa  
không trông thấy ảnh. Không sờ thấy đau  
không cha mẹ. Không cửa nhà  
Không con. Không vợ. Không chờ. Không mong  
ngủ đi. Ủ giữ trong lòng  
tuổi tên ta đã một lần ở em  
nhận giùm ta lấy cuối cùng  
trước khi khăn gói về sông nước người.*

Bài thơ có tên là “Chuyết kinh thi.” Tôi không hiểu thật rõ cái tựa này. Nhưng tôi biết bài lục bát tới, một lục bát không Nguyễn Du, không Nguyễn Bính, không Huy Cận. Thế hệ chúng tôi đến với lục bát với câu hỏi lớn “làm sao khác với Nguyễn Du, làm sao khác với Nguyễn Bính, làm sao khác với Huy Cận?” Lục bát Du Tử Lê, như “Chuyết Kinh Thi,” Như “Đêm, Nhớ Trăng Saigon,” Như “Cõi Tôi,” như những bài lục bát ở Úc Châu làm thành một lục bát khác. Một lục bát Du Tử Lê. Một lục bát khác Huy Cận. Một lục bát vượt Huy Cận. Vượt không có nghĩa là hơn. Thơ không có so sánh. Không có hơn kém. Vượt là khác. Là đẩy thơ đi tới. Là làm thơ thành thơ. Chuyết Kinh Thi cũng như hàng chục bài U, những bài Bồ Tát, những Lãm Ca, những tôn thờ Thánh Nữ cho tôi thấy rõ hơn năm năm ở Lup, những ngày tháng với Lê Uyên.

Đúng thế, chính thơ đó cho tôi thấy rõ hơn cuộc đời người bạn, những chuyến đi qua sa mạc, những ngày tan tác trở về, những đêm dằn vặt, những tháng khắc khoải, những trời điên mê. Thơ cho tôi gặp cả những người bạn của bạn tôi. Những Bành Nho, những Đào Quý Châu, Những Từ Công Phụng, những Kiểm, những Tư Cốc, những Minh Dê, Hồng Trố. Thơ đưa tôi tới Melbourne, tóc Thúy, đêm nghe tây ban cầm với Quỳnh. Năm chữ đầy ấp Thụy Châu. Lục bát có Saigon. Bảy chữ đưa tôi tới Khánh Trường, tới Vũ Huy Quang. Lục bát, bảy chữ, tám chữ, năm chữ tuyệt vời đưa tới tôi đủ thứ. Tới dĩ vãng Lê. Tới núi non. Tới biển khơi. Tới sa mạc. Tới cơn điên không dứt, tới dằn vặt khôn cùng. Tới cả những kỷ niệm chưa gặp, những tương lai mà sao nằm trong ký ức. Tôi thấy cả tôi:

*khi tôi chết hãy đem tôi ra biển  
đời lưu vong không cả một ngôi mộ  
vùi đất lạ thịt xương e khó rã  
hồn không đi sao trở lại quê nhà...*

Tôi sững sốt nhìn lại. Tôi ngạc nhiên hơn là ngạc nhiên. Tôi nhận ra Du Tử Lê là nhà thơ tôi có cơ may gặp gỡ nhiều nhất. Có những năm tôi gặp gỡ Vũ Hoàng Chương nhiều. Thời Hiện Đại gặp Đinh Hùng, Thái Thủy, Thanh Nam gần như mỗi ngày. Những ngày tháng báo Sống trang nhất của hoài niệm là tám cột Trần Dạ Từ. Có bằng hữu tôi có cơ may gặp gỡ thời những ngày tháng thập niên năm mươi lúc ở Pháp mới về. Có bằng hữu thật gần gũi những ngày chiến tranh rục rủa. Nguyễn Quốc Thái, Diễm Châu.

Sau đó, xa cách. Tổ quốc trôi xa. Tuấn và Vân, thời tuổi trẻ. Nhưng Du Tử Lê thì tôi có cơ may gặp hơn một thời kỳ. Những năm năm mươi, nhà thơ còn đi dạy học, mới bước vào cuộc đời văn nghệ, bị đánh đấm tơi bời, Du Tử Lê đã tìm đến tôi. Những năm sáu mươi và bảy mươi, ngôi nhà ở đường Phan Thanh Giản thường hằng là nơi chúng tôi gặp nhau. Du Tử Lê là nhà xuất bản in thơ Nguyên Sa. Trại Pendleton đầu kiếp lưu vong chúng tôi đứng bên nhau. Tôi ngạc nhiên nhận ra chúng tôi gặp nhau lâu ghê, gặp nhau thật nhiều. Tôi càng ngạc nhiên, thích thú, người bạn thơ tôi có cơ may gặp gỡ nhiều vẫn tiếp tục làm thơ, vẫn cùng tôi rời bỏ tất cả. Trừ thơ. Thơ Lê dài hơi. Đa diện. Lục bát ra lục bát. Tám chữ ra tám chữ. Thất ngôn chất ngất những cơn say, những cơn điên, những bài hành. Năm chữ từ “Kẻ Từ Phương Đông Qua,” có chuyện kể đúng phong vị năm chữ. Tôi thích lắm những tám chữ dài và những tám chữ ngắn của Du Tử Lê. Dài như “Khi Tôi Chết Hãy Đem Tôi Ra Biển.” Như “Bài Nắng Mưa Thứ Nhất.” Ngắn như loạt đoản thi “Tam Thập Nhất,” bốn câu, ba câu tám chữ, một câu bảy, tám chữ đoản thi “Ở Chỗ Nhân Gian Không Thể Hiểu.”  
Như “Ngựa Đã Tan Đàn”:

*này trí nhớ đậu trên cành ký ức  
tháng sáu về yên lặng bước chân quên  
tình yêu cũng đậu trên cành gian dối  
ở trong tôi, ôi ngựa đã tan đàn...*

Như “Thơ Ở Đào Quý Châu”:

*không ai chết hai lần tôi cũng thế  
riêng mỗi sầu cư ngụ tới muôn năm  
đời vốn ngắn dù bàn tay sáu ngón  
tôi sống thừa từng phút héo ăn năn.*

Như “Còn Ai Nhìn Tôi Nhỏ Máu Trong Thơ”:

*ôi chữ nghĩa trở về như khách lạ  
vàng trắng xưa không có ngọn cờ  
ngày em bỏ tôi, vào cõi khác  
lấy ai nhìn tôi nhỏ máu trong thơ!*

Như “Đáy Khuya”:

*tôi trở lại đáy khuya ngồi với bóng  
những chiếc bàn trật khác nổi cô đơn  
em nên biết cuộc đời tôi đã hết  
có thương nhau lo hộ nhúm xương tàn.*

Như “Thơ Ở Sài Gòn”:

*sông núi cũ rử tôi về với đất  
bốn mươi năm ngo ngác làm người  
trên thân xác đã mọc đầy móng vuốt  
thì có gì sai đúng với ai đây?*

Đúng thế. Có gì sai đúng với ai đây? Du Tử Lê đã tìm ra nó. Đã tìm ra nó ở bên ngoài những phán xét của nhân gian, bên ngoài luân lý, vô luân lý và cả phi luân lý. Đã tìm ra nó. Sự sống. Cũng như anh đã tìm ra trái tim cho thơ. Cho lục bát, cho bảy chữ, cho năm chữ, cho tám chữ. Thơ vượt băng lên. Vượt qua bình nguyên mô tả. Vút qua ngọn đồi so sánh. Trên những ngọn tạo hình. Vút luôn lên tới đó, tới chỗ chót vót nơi chữ không còn là chữ, không còn là dấu chỉ, chữ trở thành bắp thịt, thành hơi thở, thành tuần hoàn, thành hô hấp, thành cuộc đời, thành sự vật. Nơi đó, những chiếc bàn trật khác nổi cô đơn, bàn không phải là bàn, trật khác không phải là trật khác. Mỗi chữ phóng ra không còn là những con đường đưa tới ngoại giới mà trở

thành thế giới. Du Tử Lê bằng những cố công, những kiên nhẫn, những chịu đựng, những thao thức, những dằn vặt suốt một đời người, đã tìm ra con đường kỳ lạ đó của thơ. Con đường đưa tới Cõi Thơ. Cõi Thơ, chỗ tới thần thánh của thơ ngàn đời. Cõi Thơ, chỗ không dễ gì ai tới, không dễ gì ai thấy.

(Trích "Du Tử Lê, Tác giả và Tác phẩm," tập I, Tạp chí Đồi xuất bản, 1992, California, USA.)

(\*) Theo bản gốc, khi ra khỏi bài viết, tác giả không ký "Nguyễn Sa," mà ký "Nguyễn S." Sắp chữ lại, chúng tôi tôn trọng.

\*\*\*

## Phụ đính thơ Du Tử Lê



### Khi tôi chết hãy đem tôi ra biển

Khi tôi chết hãy đem tôi ra biển  
đời lưu vong không cả một ngôi mồ  
vui đất lạ thịt xương e khó rã  
hồn không đi sao trở lại quê nhà

Khi tôi chết hãy đem tôi ra biển  
nước ngược dòng sẽ đẩy xác trôi đi  
bên kia biển là quê hương tôi đó  
răng tre xưa muôn tuổi vẫn xanh ri

Khi tôi chết hãy đem tôi ra biển  
và nhớ đừng vội vuốt mắt cho tôi  
cho tôi hướng vọng quê tôi lần cuối  
biết đâu chùng xác tôi chẳng đến nơi

Khi tôi chết hãy đem tôi ra biển  
đừng ngập ngừng vì ái ngại cho tôi  
những năm trước bao người ngon miệng cá  
thì sá gì thêm một xác cong queo

Khi tôi chết hãy đem tôi ra biển

cho tôi về gặp lại các con tôi  
cho tôi về nhìn thấy lệ chúng rơi  
từ những mắt đã buồn hơn bóng tối

Khi tôi chết hãy đem tôi ra biển  
và trên đường quốc hãy nhớ hát ca  
ôi lâu quá không còn ai hát nữa  
(bài hát giờ cũng như một hồn ma)

Khi tôi chết nỗi buồn kia cũng hết  
đời lưu vong tận tuyệt với linh hồn.

## Khúc thụ du

1.

như con chim bói cá  
trên cọc nhọn trăm năm  
tôi tìm đời đánh mất  
trong vụng nước cuộc đời

như con chim bói cá  
tôi thường ngừng cánh bay  
ngước nhìn lên huyết lộ  
bầy quạ rỉa xác người  
(củ tươi đời nhượng lại)  
bữa ăn nào ngon hơn  
làm sao tôi nói được!

như con chim bói cá  
tôi lặn sâu trong bùn  
hoài công tìm ý nghĩa  
cho cảnh tình hôm nay

trên xác người chưa rửa  
trên thịt người chưa tan  
trên cánh tay chó gặm  
trên chiếc đầu lợn tha  
tôi sống như người mù  
tôi sống như người điên  
tôi làm chim bói cá  
lặn tìm vương đời mình

trên mặt dài nhiên lặng  
không tắm nào sủi lên

đời sống như thân nắm  
mỗi ngày một lùn đi

tâm hồn ta cọc lại  
ai làm người như tôi?



2.

mịn màng như nổi chết  
hoang đường như tuổi thơ  
chưa một lần hé nở  
trên ngọn cờ không bay  
đôi mắt nàng khôn khép  
bàn tay nàng khôn thưa  
lọn tóc nàng đêm tối  
khư khư ôm tình dài

ngực tôi đầy nắng lửa  
hãy nói về cuộc đời  
tôi còn gì để sống?

hãy nói về cuộc đời  
khi tôi không còn nữa  
sẽ mang được những gì  
về bên kia thế giới  
thụy ơ và thụy ơ

3.

tôi làm ma không đầu  
tôi làm ma không bụng  
tôi chỉ còn đôi chân  
hay chỉ còn đôi tay  
sờ soạng tim thi thể  
quờ quạng tim trái tim  
lấn tan cùng vỏ đạn  
dính văng cùng mảnh bom  
thụy ơ và thụy ơ

đừng bao giờ em hỏi  
vì sao mình yêu nhau  
vì sao môi anh nóng  
vì sao tay anh lạnh  
vì sao thân anh rung  
vì sao chân không vững  
vì sao anh van em  
hãy cho anh được thở  
bằng ngực em rũ buồn  
hãy cho anh được ôm  
em, ngang bằng sự chết!

tình yêu như dao nhọn  
an đâm mình, lút cán  
thụy ơ và thụy ơ

không còn ý nghĩa gì  
ngoài tình em tình em  
đã ướt đầm thân thể

anh ru anh ngủ mùi  
đợi một giờ linh hiển.

### **Vì em tôi đã làm sa di**

thiền viện tôi trưng chỉ ảnh em  
kinh kê nghìn pho có một tên  
viết hoa một chữ không ai hiểu  
Phật bảo: kinh mà không phải kinh

thế giới vì em sẽ dịu hiền  
biển đời phút chốc bỗng bình yên  
cánh chim tịch mịch miền vô niệm  
vô chấp, em ngồi như Quan Âm

ba nghìn thế giới quy về đây  
vóc ốm em đi. Ngón cũng gầy  
thấy trong Địa Tạng em và mẹ  
Tam Bảo theo tôi: có dáng người

muông thú vì em ở với rừng  
tôi vì em ở với thi ca  
thấy nhau là một đâu còn ngã  
thân chẳng riêng thì tâm nào riêng?

phá chấp. Như Lai ở dưới trần  
hiện thân Bồ Tát cứu nhân gian  
cây oan khuất vẫn nghìn tay vẫy  
tôi vẫn nhìn em là chân kinh

xuống tóc. Theo em khép cửa đời  
vào thiền để chỉ thấy viên môi  
yêu nhau ai bảo tâm không trụ?  
quên hết. Nhìn nhau. Nhất quán rồi.

vì em tôi biến thành sơn tụ  
mái đỏ tường rêu. Hoa hồng người  
tình tôi là thăm xin em bước  
rất khế mà nghe đất nhớ trời

nước mắt em trên chánh điện tình  
nở hoa siêu độ hoá tâm kinh  
đêm đêm tôi nhớ bàn tay cũ  
và thấy trong kinh đủ bóng, hình

vì em tôi đã làm Sa Di  
không đi nên ý vẫn quay về  
bể quan toạ thị. Tôi và vách  
em tụng kinh gì? Cho nghe đi

hôn em Bồ Tát. Chuông kinh hãi  
rung hoảng vì tôi? hay cả em?

### **Giao khúc tháng sáu**

tôi từ đó nhỏ nhoi như chấu chấu  
như cào cào vỗ cánh chả bay xa  
người yêu tôi là thảm cỏ mượt mà  
khi tôi đậu nang uốn mình cảm động

tôi từ đó rêu xanh ôm đá tảng  
khinh loài người nên chọn kiếp vô tri  
người yêu tôi con suối nhỏ thâm thì  
âu yếm mãi nổi sầu tôi một đời chín ửng

tôi từ đó dật dờ như bóng mộng  
như chuồn chuồn cánh rã một đêm mưa  
người tôi yêu con đé biết đợi chờ  
biết nghe hát và thường ư than thở

tôi từ đó bơ vơ như chiếc lá  
cơn gió lùa tôi se sẽ rung rinh  
người yêu tôi là tượng đá chung tình  
thấy tôi rụng nhìn theo mà chả khóc

tôi từ đó khật khừ như bọ ngựa  
tình đam mê không dấu nổi mọi người  
hồn đấm đui làm sao che sự thật

tôi từ đó ải dòn như củi mục  
như mảnh bom miếng đạn vỡ trên không  
người tôi yêu đêm nước mắt đanh tràng  
tôi chợt nhớ từ lâu đã già trước tuổi

### **Khi xa Du và T.Ch.**

nhớ người gần gũi môi hôn  
đắp chần ngang ngực nghe buồn đôi chân  
tay thừa thãi nhớ lưng ngoan  
nhớ em hơi thở phà quanh cổ trần  
nhớ hơi hướm, nhớ tình gần  
nhớ cơn mơ lẽ những lần xót xa  
nhớ trăm năm, nhớ mù lòa  
nhớ em vóc ốm, bây giờ biệt tăm

### **Khi trông thư Thụy-Châm**

cũng đành người đã quên tôi  
con chim nào cũng một đời kêu khan  
cây phong đã đỏ lá vàng  
quán sâu tôi quán khản quàng đợi đêm  
phải người quá nhẹ chân êm?  
tôi nghe như thể gió vin cửa ngoài

cũng đành người đã ham vui  
núi non nào cũng một đời cô đơn  
tuyết trên mái cổ nghiêng hồn  
dưới chân cổ tượng cũng bồn chồn theo  
xe không nào sẽ qua đèo  
đêm nay chắc lá lại nhiều chiếc rơi

cũng may tôi có một đời  
để đau, để khổ, để ngòi trông thôi



\*\*\*

**Phụ đính II :**



Trường hợp Nguyễn Tất Nhiên, những ngày tháng, cũ

LTS - *Giai Phẩm Xuân Canh Dàn Người Việt 2010* đăng bài viết của nhà thơ Du Tử Lê, có tựa đề “Trường hợp Nguyễn Tất Nhiên, những ngày tháng, cũ.” Sau đó, Người Việt nhận được bài viết của bà Nguyễn Thị Minh Thủy, là vợ cũ của nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên, nhằm trả lời một số điểm trong bài viết của tác giả Du Tử Lê. Bài viết của bà Minh Thủy được đăng hai kỳ trên trang Diễn Đàn Người Việt, ngày 28 và 29 tháng Giêng. Nhận thấy đây là đề tài được rất nhiều độc giả quan tâm, liên quan đến hai nhà thơ nổi tiếng, được nhiều người yêu mến, chúng tôi quyết định đăng lại bài viết của tác giả Du Tử Lê lên trang Diễn Đàn hôm nay, để độc giả chưa có cơ hội đọc qua, được biết đầu đuôi câu chuyện.

\*\*\*

Cuối năm 1970, một buổi sáng khi tôi đang ngồi ở chiếc bàn quen thuộc, kê gần một cây cột của café La Pagode, ở ngã tư đường Tự Do và Lê Thánh Tôn, Saigon cũ, với Nguyễn Đình Toàn, Nguyễn Quốc Trụ, Huỳnh Phan Anh... thì, một học sinh khăng khiu, lênh khênh đẩy cửa bước thẳng vào. Cậu tiến thẳng tới bàn chúng tôi. Không chào hỏi ai, cậu hỏi tôi có phải là Du Tử Lê. Tôi gật đầu, thoáng nghĩ, có chuyện bất thường? Thời gian đó, thỉnh thoảng một vài học sinh, sinh viên đi tìm tôi, ở La Pagode, không phải là chuyện hiếm. Nhưng cậu học trò này, với dáng vẻ ngơ ngáo, hiển nhiên không phải là học sinh hay, sinh viên ở Saigon. Với chiếc quần tây màu xanh, cao trên mắt cá đã ngả màu, trên ngực áo chemise trắng khâu huy hiệu “Ngô Quyền,” chân đi dép Nhật, tay cầm tờ báo Văn và một cuốn sách nhỏ, cậu là khuôn mặt lạ, xuất hiện lần thứ nhất.



Mấy người bạn ngồi cùng bàn, im lặng. Tôi đứng dậy, chỉ cậu qua chiếc bàn trống kê sát khung kính lớn, trông vào đường Tự Do. Sau khi cậu cho biết cậu tên “Hải,” tôi hỏi cậu uống gì, và tiếp tục kín đáo quan sát... Lúc người phục vụ lấy xong “order” đi khuất, tôi hỏi, ai chỉ Hải tới đây?

Cậu học trò tỉnh lẻ ngập ngừng:

“Em tìm anh đã lâu, viết thư cho báo Văn hỏi xin địa chỉ của anh, nhưng họ từ chối. Hỏi nơi anh làm việc, họ nói không biết... Sáng nay em phải tới thẳng tòa soạn Văn. Em nói, em từ Biên Hòa lên, cho em gặp anh. Họ bảo, ‘ông Lê không có ở đây.’”

“Ai trả lời câu đó?”

“Cái ông mập, đen, ngồi bàn trong. Không phải ông ngồi bàn ngoài ồm, cao. Hình như đó là ông Trần Phong Giao.”

Tôi nói, đúng rồi. Đó là ông Trần Phong Giao. Người ngồi bàn ngoài, ốm, hơi cao là ông Gia Tuấn.

“Nói xong, ông ấy lại cúi xuống làm việc. Coi như không có em. Nhưng em cứ đứng nguyên. Chập sau, ông ngước lên, lại nhìn em. Ý hỏi em có còn cần gì nữa không? Em nói, em muốn mua một tờ Văn số mới và, có cách nào chỉ cho em địa chỉ hoặc, chỗ làm của anh, để em đi tìm anh vì em ở rất xa, Biên Hoà, chứ không phải ở đây...”

Vừa nói, Hải vừa rất tự nhiên rút một điều thuốc của tôi, trên bàn, châm lửa hút, tựa hơi thuốc giúp cho nhịp tim của cậu đập lại bình thường hơn, sau quãng đường dài. Hải tiếp, giọng có phần phàn nàn:

“Ông ấy vẫn cứ nhìn em, không nói. Cũng không nhúc nhích. Tới lúc đó, em mới chột nghĩ ra, có thể ông ấy ngại em gây phiền hà anh hay, sao đó. Em bèn đưa cuốn thơ em có cầm theo đây, cho ông thấy rằng, em chỉ muốn gặp anh để tặng anh tập thơ mà thôi.”

Hải đẩy cuốn thơ mỏng, khổ giấy viết thư gấp đôi, bìa đóng kim... về phía tôi. Nhan đề của cuốn thơ in dạng copy đó là “Thiên Tai.” Chữ lớn, đậm. Tên tác giả “Hoài Thi Yên Thy” chữ nhỏ, mảnh. Hải tiếp:

“Ông ấy không cầm xem, chỉ liếc nhìn. Cuối cùng, ông xoay người với tay qua dãy kệ phía sau, lấy cho em tờ Văn. Ông bảo, không lấy tiền, ‘cầm về Biên Hòa mà đọc.’ Rồi chỉ đường cho em ra đây. Ông dặn thêm rằng: ‘Ông DTL mặc đồ lính... Thường ngồi nơi chiếc bàn kê sát cột, nếu cậu đi vào tiệm café, từ phía đường Lê Thánh Tôn. Nhớ là cửa ở đường Lê Thánh Tôn chứ không phải Tự Do...’”

Những tưởng mục đích của Hải chỉ là muốn trao tận tay tôi, tập thơ. Khi tôi nhắc Hải nên trở lại Biên Hòa sớm, để đi học thì, Hải cho biết thêm: Cậu được nghỉ học nguyên ngày. Và, ngập ngừng ngỏ ý nhờ tôi đưa tập thơ cũng như mấy bài thơ của cậu cho báo Văn.

“Em gửi bài cho Văn bao giờ chưa?” Tôi hỏi.

Hải đáp, có. Nhiều lần. Nhưng Văn không đăng một bài nào.

Cầm lên tập thơ mỏng của Hải, lật vài trang, tôi nghĩ, ngay cái bút hiệu “Hoài Thi Yên Thy” của cậu, đã tố cáo tính cách văn nghệ học sinh, thành viên thi văn đoàn tỉnh lẻ rồi! Ngay cái tên, tựa nó cũng đủ khiến những người phụ trách việc chọn thơ cho Văn, không tin tưởng!

Tôi nói ra ý nghĩ của mình với Hải. Tôi bảo, tốt nhất Hải nên chọn tên thật. Vì cái tên “Hoài Thi Yên Thy” nghe cải lương, học trò. Không ổn.

Thời gian đó, tại Saigon cũng như ở các tỉnh, phong trào thành lập thi văn đoàn được mùa, nhiều như cỏ sau mưa. Tôi biết, có những thi văn đoàn chỉ một hai người. Thậm chí, một người cũng có thể nghĩ ra tới hai, ba tên thi văn đoàn khác nhau.

Tôi chờ đợi Hải sẽ tỏ dấu khó chịu trước lời nói thẳng của mình. Nhưng không. Hải mím môi.

Im Lặng. Bất ngờ Hải nói:

“Vậy anh nghĩ cho em một cái tên đi!”

Tôi cho Hải biết, cách tốt nhất là nên lấy tên thật của mình. Hay, dở gì, nó vẫn là cái tên bố mẹ đặt. Còn đã chọn bút hiệu thì, việc đầu tiên, bút hiệu đó phải lạ; dù vô nghĩa. Bút hiệu lạ sẽ dễ gây nhiều chú ý cho người đọc, tôi giải thích.

Nêu bút hiệu và, nghệ danh vài nhà văn, ca sĩ làm thí dụ, tôi nói:

“Đó là những cái tên vô nghĩa. Nhưng trước khi trở thành quen thuộc thì, nó là những cái tên lạ...” Tôi thêm:

“Có khi nó lạ ở chính sự... vô nghĩa của nó!”

Hải bật cười lớn. Tiếng cười của Hải khá đặc biệt. Nó có thể khiến người chung quanh giật mình. Hải nói ngay:

“Vậy anh nghĩ cho em một cái tên... lạ đi. Không có nghĩa cũng được...”

“Em để vài bữa nữa được không?”

Hải năn nỉ:

“Không anh. Em ở tuốt Biên Hoà, lại không có xe, đâu thể chạy lên, chạy xuống thường xuyên được. Em nói rồi, một cái tên không có nghĩa gì cũng được...”.

Tôi nhìn đồng hồ. Đã hơn 10 giờ. Tôi biết tôi phải có mặt ở chỗ làm việc, trước 11 giờ, là chậm nhất. Nhưng, Hải không cho tôi cảm tưởng Hải sẽ buông tha tôi sớm. Như thế, việc tôi phải nghĩ cho cậu một cái tên là chuyện đương nhiên. Chẳng biết có phải hai chữ “đương nhiên” thoáng hiện ra, đã dẫn tôi tới hai chữ... “tất nhiên”?

Tôi hỏi hải:

“Em họ gì?”

“Em họ Nguyễn.”

Tôi mượn Hải cây bút, viết ba chữ xuống bìa sau tập “Thiên tai”:

“Nguyễn-Tất-Nhiên.”

Hải cười rộ. (Vẫn tiếng cười có thể làm giật mình, chung quanh.) Tôi hỏi có hiểu hai chữ “tất nhiên,” Hải gật đầu. Tôi tiếp:

“Tất nhiên là... như thế... Mặc dù “tất nhiên như thế” nào thì chỉ có thời gian mới trả lời được. Có khi, cuối cùng, câu trả lời mà em sẽ nhận được, là... tất nhiên một... thiên tai!”

Tới bây giờ, tôi cũng không hiểu bắt nguồn từ động lực nào mà, chẳng những tôi không dị ứng với cung cách ứng xử tự nhiên, không phép tắc của người Nam như Nguyễn Tất Nhiên mà, tôi còn chiều ý Nhiên, trước nhiều bất ngờ, phiền toái Nhiên mang đến cho tôi.

Bất ngờ đầu tiên là, ngay ngày hôm sau (chứ không phải nhiều ngày như Nhiên nói,) Nhiên tìm tôi ở phòng Báo Chí, cục Tâm Lý Chiến, giữa lúc tôi đang làm việc. Lần này, Nhiên đưa tôi một xấp thơ viết tay, với bút hiệu Nguyễn Tất Nhiên. Nhiên muốn tôi mang ngay ra báo Văn, cho Trần Phong Giao. Tôi hứa tôi sẽ làm. Nhưng:

“Em về đi. Anh đang phải làm việc. Thêm nữa, không thể có kết quả ngay. Và, cũng đừng hy vọng, nhiều ở lần gửi này.”

Nhiên đồng ý:

“Nhưng em vẫn chờ anh. Đẳng nào anh cũng đi ăn trưa phải không?”

“Em chờ ở đâu?”

“Bên kia đường.”

Không biết từ lúc nào mà Nhiên biết bên kia cục Tâm Lý Chiến, ở cuối đường Hồng Thập Tự, có một quán nhỏ, do một người lính trong cục mở, cho vợ đứng bán.

Hôm đó, mãi quá trưa tôi mới tạm xong công việc của mình. Những tưởng khi đi ra, Nhiên sẽ không còn đó. Nhưng tôi nhầm!

Bất ngờ kế tiếp, là sau này, gần như ngày nào Nhiên cũng tìm tôi. Chờ đợi. Khi ở tiệm café. Khi ngay trong căn phòng nhỏ mà chúng tôi thuê gần chỗ làm. Với thời gian, Nhiên trở thành một “thành viên” trong gia đình nhỏ của chúng tôi từ lúc nào, tôi cũng không nhớ nữa.

Khổ nỗi, khi số ngày, đêm Nhiên ở trong căn phòng nhỏ của chúng tôi gia tăng bao nhiêu, thì số lần mẹ tôi đến thăm chúng tôi, lại giảm đi bấy nhiêu.

Số là mẹ tôi, vốn là người Bắc thuộc loại cổ xưa. Rất cực đoan! Bà không chịu nổi Nhiên. Nhất là những lần bà ghé thăm chúng tôi, nếu Nhiên đang có mặt thì, bao giờ Nhiên cũng giương mắt nhìn mẹ tôi như muốn hỏi:

“Bà tìm ai?”

Tôi nhắc Nhiên nhiều lần, nên chào mẹ tôi một tiếng. Tôi cũng từng nói với mẹ tôi rằng, Nhiên là người Nam không quen chào hỏi, chứ không phải cố tình hỗn láo!

Tuy nhiên, nói cách nào thì, mẹ tôi cũng không chịu nổi Nhiên. Bà không thể hình dung mỗi lần đi thăm con cháu của bà, là một lần bà phải gặp một thằng nhỏ giương mắt hỏi bà “muốn tìm ai?!”

Ngoài thói quen nhìn mẹ tôi như “tra khảo,” Nhiên còn là người cực kỳ bừa bãi. Những khi bận làm... thơ, Nhiên dùng hết tất cả 5 chiếc phin pha café có sẵn trong nhà, xong vứt chúng vào bồn rửa mặt. Tàn huốc lá và “bản thảo,” những tờ giấy viết nháp của Nhiên thì... khỏi nói. Nhiên không chỉ vung vãi khắp bàn viết của tôi mà, còn phủ... đầy sàn gạch...

Nhiều lần mẹ tôi nói, bà rất ngứa mắt! Bà đi thăm con cháu chứ không phải để “hầu” cái ông “đầu gối cao quá mang tai” kia.

Chẳng là, khi làm thơ, Nhiên thường ngồi co một chân trên ghế. Thỉnh thoảng Nhiên cũng co cả hai chân, như kiểu ngồi nước lụt. Mà, chân của Nhiên thì dài thật!

Cũng lại là một bất ngờ nữa, với tôi (dù chưa phải là bất ngờ sau cùng!), khi một hôm Nhiên ngộ ý nhờ tôi chuyển thơ của Nhiên cho nhạc sĩ Phạm Duy, phổ nhạc. (Trước đó, Nhiên cũng đã có một bài thơ do Nguyễn Đức Quang soạn thành ca khúc. Đó là bài “Vi tôi là linh mục.”

Nhưng không ai biết. Có thể nó không hay, ít được hát?)

Thời gian kể từ đầu năm 1970 tới giữa năm 1974, với sự đồng ý của Thành “Hiện Đại,” tôi là người xuất bản gần như tất cả những tập nhạc của họ Phạm. Ngay tập “Ngày đó chúng mình” của ông, tôi cũng là người tái bản, khi ông ngộ ý muốn được in lại. Thuở đó, hai họa sĩ tôi nhờ trình bày bìa các tập nhạc nhiều nhất là Hồ Thành Đức và Nguyễn Khai. (Cả hai người này, hiện cư ngụ tại quận hạt Orange County.)

Vì công việc đòi hỏi, tôi thường phải liên lạc với nhạc sĩ Phạm Duy. Sự gặp gỡ của chúng tôi, không chỉ là chuyện bản quyền mà, còn là nhu cầu thỏa thuận với nhau, trong việc chọn lựa các bản nhạc cho từng chủ đề hoặc, chia đều những bản nhạc “ăn khách” cho nhiều tuyển tập khác nhau.

Một buổi tối, tôi đến gặp họ Phạm ở cư xá Chu mạnh Trinh, Phú Nhuận. Sau khi giao cho ông bản lay out một tập nhạc mới (để ông dò lại phần nốt nhạc, trước khi bỏ in); tôi đưa ông cuốn thơ “Thiên Tai” của Nguyễn Tất Nhiên. Nhờ ông, nếu được, phổ nhạc hộ một bài cho Nhiên. Tôi kể thật với ông rằng, từ nhiều tháng qua, Nhiên mơ ước một lần có thơ đăng trên tạp chí Văn. Nhưng tôi không giúp được. Tôi thất bại. Lần nào Trần Phong Giao cũng bảo tôi, thơ học trò. Không đăng được. Có lần họ Trần còn nói thẳng với tôi rằng:

“Mày đừng đưa thơ thẳng này cho tao nữa. Thơ của nó không thích hợp với báo Văn...”

Nhạc sĩ Phạm Duy nhận lời. Tôi biết, ngoài những bài thơ chọn để phổ nhạc, ông còn có tài phổ nhạc bất cứ một bài thơ nào, nếu tác giả tìm đến, nhờ cậy. Vấn đề còn lại, như phổ biến, in ấn... thuộc về nhà thơ đó. Ông hoàn toàn “vô can.”

Ba ngày sau, trong một lần gặp lại nhau vì công việc, nhạc sĩ Phạm Duy cho biết, ông đã phổ gần xong, bài “Thà như giọt mưa.” Ông nhờ tôi nhắn Nhiên lên gặp ông. Trước khi tôi về, ông nói, nán lại chút, để ông hát thử cho nghe. Những chỗ chưa có ca từ thì ông “ư... ư...” Hát xong, ông cười, bảo, kinh nghiệm của ông, cho biết nó sẽ là một bản nhạc “ăn khách.”

“Tôi nghĩ, tụi trẻ sẽ thích lắm, với cái ‘triết lý nôm na’... “Có còn hơn... không. Có còn hơn... không” này.

Ngay hôm sau, Nhiên từ Biên Hoà về, “bay” thẳng đến nhà Phạm Duy.

Bản nhạc ra đời với những chi tiết không hề có trong bài thơ. Cụ thể như câu “Khiến người tên Duyên đau khổ muôn niên,” cùng nhiều câu khác.

Đó là phần lời thêm vào do nhạc sĩ viết, căn cứ vào những gì Nhiên kể.

Đúng như nhạc sĩ Phạm Duy tiên đoán, chỉ trong một thời gian rất ngắn, bản nhạc đã trở thành “top hit.”

Về khả năng “bắt mạch thị trường,” các nhạc sĩ thời đó, đã “bầu” nhạc sĩ Phạm Duy là “Vua của các vua.” Nên không ai ngạc nhiên, khi thấy Phạm Duy liên tiếp phổ thêm một số thơ của Nguyễn Tất Nhiên, như “Hai năm tình lận đận,” “Em hiền như ma Sò”...



Qua những ca khúc vừa kể, một sớm một chiều, Nguyễn Tất Nhiên nổi tiếng khắp nơi - Như một hiện tượng, chưa từng xảy ra. Ngược hẳn với sự “yên ắng” của các diễn đàn văn học: Không một bài thơ nào của Nhiên, xuất hiện.

Sự nổi tiếng mau chóng và ồn ào này, đưa Nhiên tới việc được Đinh Tiến Luyện, Phạm Chu Sa ở tuần báo “Tuổi Ngọc” (của Duyên Anh) xin thơ.

Sự “bộc phát” giao thiệp của Nhiên, từ cái “gốc” là toà soạn Tuổi Ngọc, đã dẫn tới những bất ngờ khác cho tôi. Đó là sự kiện, Nhiên đem về nhà, giới thiệu với tôi, rất nhiều người bạn mới của Nhiên! Khi thì Vũ Hữu Định, Phạm Chu Sa. Khi thì Ngụy Ngữ, Nguyễn Đăng Hà. Lúc thì Hoàng Yên Trang, Hạc Thành Hoa (về từ Sa Đéc.) Khi thì Bùi Thuận, Vũ Hà Du, về từ Vũng Tàu...

Căn phòng nhỏ xíu của chúng tôi, nhiều ngày không đủ chỗ ngồi cho Nhiên và các bạn.

Năm 1972, khi nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng thay thế nhà văn Trần Phong Giao trong vai trò Thư Ký tòa soạn Văn, Nguyễn Tất Nhiên lại nhờ tôi đưa bài cho Văn. Tôi cũng kể thật với Hoàng về ước mơ của Nhiên, ít nhất một lần, thấy được đăng trên Văn. Ông nhận lời giúp.

Sau khi Nguyễn Tất Nhiên mất ngày 3 Tháng Tám, năm 1992, tại miền Nam California (\*), nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng (hiện cư ngụ tại thành phố San Jose,) đã kể lại chuyện này, trong một bài viết có tính cách tưởng niệm Nguyễn Tất Nhiên.

Nhưng, khi nhà văn Mai Thảo, thay thế Nguyễn Xuân Hoàng, trông nom bài vở tạp chí Văn thì, Mai Thảo lại có cùng quan điểm với Trần Phong Giao...

Để chấm dứt bài viết này, tôi muốn bước nhanh tới cái mà, tôi tạm gọi là “bất ngờ cuối cùng,” xảy ra một buổi trưa ở phòng Báo Chí, cục Tâm Lý Chiến, Saigon đầu năm 1974.

Đó là khi tôi được mời qua phòng làm việc của Trung Tá Nguyễn Đạt Thịnh, (hiện cư ngụ tại Houston, Texas,) trưởng phòng Báo Chí mà, tôi là nhân viên.

Ông kể, nhạc sĩ Phạm Duy mới gặp ông, cho biết, Nguyễn Tất Nhiên đòi Phạm Duy phải đưa cho Nhiên 1 triệu đồng. Nhiên cần tiền mua một chiếc xe Honda, đi học. Nếu không, Nhiên sẽ nhờ luật sư đưa họ Phạm ra tòa.

Sau đó, Trung Tá Thịnh thuật lại lời của nhạc sĩ Phạm Duy cho rằng, tôi là người “gây họa” cho ông. Bởi vì, nếu tôi không năn nỉ ông phổ nhạc thơ của Nhiên, thì đã không có vụ đòi tiền này. Chưa kể, ngoài phần nhạc, chiếm 50% một ca khúc, của Phạm Duy; ông còn là người viết thêm nhiều câu không có trong nguyên bản bài thơ. Điều đó có nghĩa, ngay ở phần ca từ, ông cũng đã chiếm tới 25%. Tóm tắt, mỗi ca khúc phổ từ thơ Nguyễn Tất Nhiên, phần của Phạm Duy là 75%. Phần Nguyễn Tất Nhiên chỉ có 25%. Chưa kể:

“Nếu không có Phạm Duy thì ai biết Nguyễn Tất Nhiên là ai?!”

Đấy là câu hỏi nhạc sĩ Phạm Duy nhờ Trung Tá Thịnh chuyển cho tôi, để tôi chuyển cho Nhiên. Người xếp trực tiếp của tôi kết luận:

“...Đã không phải trả tiền cho nhạc sĩ thì thôi, nay lại đòi tiền bản quyền thì... đó là điều có phần quá đáng...”

Kết thúc câu chuyện, Trung Tá Nguyễn Đạt Thịnh muốn tôi thuyết phục Nhiên, hủy bỏ vụ đe dọa kiện cáo. Nhạc sĩ Phạm Duy đồng ý sẽ đưa Nhiên một khoản tiền, ít hơn con số đòi hỏi. Như một quà tặng chứ không phải là chia tiền tác quyền...

Trước khi trả lời, tôi hỏi Trung Tá Nguyễn Đạt Thịnh rằng:

“Thưa trung tá, tôi nghĩ không biết có đúng không rằng, chuyện này nằm ngoài công việc của phòng Báo Chí?”

Ông gật đầu:

“Đúng. Chuyện này nằm ngoài công việc của phòng. Nhưng tôi thấy anh Nguyễn Tất Nhiên đối xử với ông Phạm Duy như thế, có phần không đúng. Và, tôi cũng nghĩ như ông Phạm Duy, anh là người duy nhất có thể can thiệp. Vì thế mà ông ấy tìm đến đây...”

Tôi cũng gật đầu:

“Vâng. Thừa trung tá, nhưng đó là việc riêng giữa cá nhân tôi với ông Phạm Duy và Nguyễn Tất Nhiên...”

“Nhưng ý anh ra làm sao?” Trung Tá Thịnh sốt ruột, hỏi.

Tôi đáp:

“Xin trung tá nói hộ với nhạc sĩ Phạm Duy rằng, ông ấy nên đưa Nguyễn Tất Nhiên số tiền mà Nhiên nó đòi. Nếu không, tôi cũng sẽ đứng về phía nó!”

Cuối cùng, dường như nhạc sĩ Phạm Duy đã trả cho Nhiên một khoản tiền... Tôi không biết, cũng không hề hỏi con số. Nhưng tôi nghĩ, nhiều phần, là con số không nhỏ.

Tôi dùng hai chữ “dường như” vì kể từ khi chúng tôi dọn nhà về Làng Báo Chí, phía bên kia cầu Xa Lộ (trước khi vụ Nhiên đòi chia bản quyền trở thành ồn ào,) Nhiên rất ít tìm tôi.

Trước 30 Tháng Tư, 1975, tôi có gặp lại Nhiên một lần, ngay trước phòng Báo Chí, cục Tâm Lý Chiến. Nhiên đến tìm tôi, với chiếc xe Honda, còn rất mới.

(Calif. Tháng Mười Một, 2009)

\*\*\*

## Trả lời bài viết của Du Tử Lê về nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên

(\*) Tác giả là vợ cũ của nhà thơ quá cố Nguyễn Tất Nhiên.

Tựa bài do tòa soạn đặt.

### Bài lên tiếng Nguyễn Thị Minh Thủy

Cách đây không lâu, một người bạn có kể cho tôi nghe là nhà thơ Du Tử Lê đã tuyên bố ở đâu đó rằng bút hiệu Nguyễn Tất Nhiên của tác giả “Thà Như Giọt Mưa” là do ông đặt ra cho người thi sĩ quá cố này. Tuy sự kiện này tôi chưa bao giờ được nghe chính anh Nguyễn Tất Nhiên kể lại trong suốt thời gian chung sống, tôi cũng không lấy gì làm bận lòng về tính khả tín của nó.

Tôi nghĩ chẳng qua đây chỉ là một trong số những giai thoại văn chương nào đó mà ông Du Tử Lê, bậc thầy của chữ nghĩa, cha đẻ của nhiều thuật ngữ thi ca độc đáo như “tan theo ngày nắng vội,” “khi tôi chết hãy mang tôi ra biển,” “ở chỗ nhân gian không thể hiểu,” kể lại trong lúc trà dư tửu hậu để, hoặc lý thú hóa một mối duyên thi văn, hoặc phong phú hóa kho tàng đào tạo tên tuổi của ông, vân vân. Tính thật hư của sự kiện dù sao cũng chỉ trong vòng tương đối mà thôi, hơn nữa chấp làm gì một việc đặt tên trong quá khứ khi cuộc sống trước mặt có quá nhiều chuyện để đối phó và suy tư.

Thế nhưng sau khi đọc bài viết của ông Du Tử Lê đăng trên giai phẩm Xuân Canh Dàn của Nhật Báo Người Việt, dưới tựa đề “Trùng Hợp Nguyễn Tất Nhiên, Những Ngày Tháng Cũ,” tôi thật sự ngạc nhiên và cảm thấy cần phải xét lại thái độ im lặng trước giờ. Một cái gì đó thôi thúc tôi lên tiếng, một lần này thôi, dù biết rằng “lời thật” của tôi có thể sẽ làm “mất lòng” một bậc đàn anh văn nghệ vĩ đại của người chồng cũ đã khuất của mình.

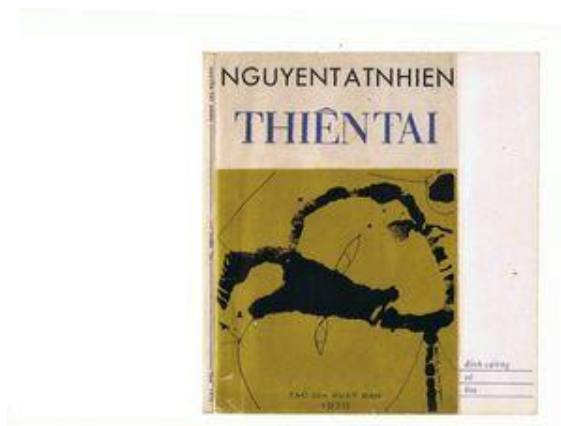
Tại sao có sự thôi thúc này? Phải chăng bởi vì nội dung của bài viết có liên quan đến một người đã chết, nghĩa là một kẻ không thể tự mình lên tiếng để công nhận hoặc phủ nhận, hay bỏ tước những phần trăm sự thật mà tác giả đã vô tình (hoặc cố ý) bỏ sót? Cho dù tôi không biết hết một trăm phần trăm sự thật, ít ra sự trình bày của tôi hôm nay cũng thấp lên được một ánh lửa khiêm tốn giữa bóng đêm dày đặc kín bưng. Tôi cũng xin khẳng định rằng việc lên tiếng này không hề xuất phát từ tình cảm bất bình khi thấy suốt một bài viết dài, thi sĩ Du Tử Lê chẳng ghi nhận nét độc đáo nào đó trong sự nghiệp thi ca của một nhà thơ khác được lấy nửa dòng.

Chuyện ông khen hay không khen thơ Nguyễn Tất Nhiên thật sự không quan trọng đối với tôi, cho dù không ai không biết Du Tử Lê là một tên tuổi nổi tiếng trên văn đàn hiện nay.

Để tránh làm mất thì giờ, tôi xin đi thẳng vào vấn đề. Trong bài viết vừa dẫn, ông Du Tử Lê cho rằng chính ông đã đặt bút hiệu Nguyễn Tất Nhiên cho chàng “thi sĩ tình lẻ” này ngay ngày đầu tiên gặp gỡ vào một buổi sáng cuối năm 1970 tại quán cà phê La Pagode Sài Gòn, khi cậu học trò nhà quê này lặn lội lên thành diện kiến đàn anh để tặng cuốn “Thiên Tai,” một tập thơ mà cậu ta vừa mới in ra.

Theo nguyên văn lời kể của ông Du Tử Lê, “Nhan đề của cuốn thơ in dạng copy đó là “Thiên Tai.” Chữ lớn, đậm. Tên tác giả “Hoài Thi Yên Thy” chữ nhỏ, mảnh.” (sic) Vì thấy Hải (tên thật của Nguyễn Tất Nhiên) tha thiết với chuyện được đăng thơ trên tạp chí Văn (lúc ấy do ông Trần Phong Giao trông coi) mà gửi hoài không được toại nguyện, nhà thơ Du Tử Lê, vốn lão luyện trong chốn trường văn trận bút, đã thấy ngay vấn đề: “Cầm lên tập thơ mỏng của Hải, lật vài trang, tôi nghĩ, ngay cái bút hiệu ‘Hoài Thi Yên Thy’ của cậu, đã tố cáo tính cách văn nghệ học sinh, thành viên thi văn đoàn tỉnh lẻ rồi! Ngay cái tên, tự nó cũng đủ khiến những người phụ trách việc chọn thơ cho Văn, không tin tưởng!” (sic)

Và ông, với thiện ý giúp đỡ, đã không nề hà “nói ra ý nghĩ của mình với Hải. Tôi bảo, tốt nhất Hải nên chọn tên thật. Vì cái tên Hoài Thi Yên Thy nghe cãi lương, học trò. Không ổn.” (sic) Ngoài sự chờ đợi của ông Du Tử Lê, cậu Hải không chút gì cảm thấy khó chịu. Và sau khi được ông thuyết giảng về yếu tính để thành công trong việc chọn bút hiệu, như “việc đầu tiên, bút hiệu đó phải lạ, dù vô nghĩa,” vân vân, “Hải nói ngay: Vậy anh nghĩ cho em một cái tên... lạ đi. Không có nghĩa cũng được.” (sic) Và cậu ta còn nài nỉ ông Du Tử Lê phải làm điều đó ngay lập tức chứ không thể chờ, cho dù chỉ vài bữa, vì “em ở tuốt Biên Hòa. Lại không có xe, đâu có thể chạy lên chạy xuống thường xuyên được.” Thế rồi, như một chuyện thần thoại, hai chữ “tất nhiên” thành hình trong đầu ông và ông “mượn Hải cây bút, viết ba chữ xuống bìa sau tập “Thiên Tai”: Nguyễn-Tất-Nhiên.” (sic)



(Bìa trước)



(Bìa sau)

Đọc tới đây thì tôi thấy ngay một điều gì đó không ổn. Vào khoảng gần cuối năm 1970, lúc tôi đang học lớp Đệ Tam (lớp 10 bây giờ) thì anh Nhiên có xin phép thầy hiệu trưởng mang tập thơ Thiên Tai, với bút hiệu Nguyễn Tất Nhiên hẳn hoi, vào từng lớp để bán vì tập thơ in xong mà tác giả chưa chạy đủ tiền để trả cho nhà in. Chi tiết này cũng được nhà báo Hà Tường Cát, vốn là thầy dạy của chúng tôi tại trường Trung Học Ngô Quyền, kể lại trên một bài viết được đăng báo vài ngày sau khi anh lìa đời. Cũng qua bài “Vài Kỷ Niệm Về Nguyễn Tất Nhiên” (nhật báo Người Việt, số 2481 ngày 8 Tháng Tám, năm 1992), tôi mới biết thêm là hình bìa tập Thiên Tai do Đinh Cường vẽ chính là “công” của thầy Cát (vì đối với giới học trò làm thơ như chúng tôi lúc đó, có hình bìa Đinh Cường là một điều rất đáng nể, rất “ngầu,” nghĩa là một ấn tượng rất khó quên!). Vì thời cuộc, tập Thiên Tai đến nay hầu như không còn nữa nhưng không hẳn đã tuyệt bản. Nhà thơ Nguyễn Hoàng Nam, em trai của anh Nhiên, đã may mắn còn giữ được một bản và giúp tôi gửi đến độc giả bản sao bìa trước và bìa sau của cuốn thơ này, như một di vật của người quá cố. Nếu vì một lý do nào đó, độc giả không coi được hình bìa thì xin mời vào trang nhà của Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Ngô Quyền để tham khảo ([ngo-quyen.org](http://ngo-quyen.org)).

Sự thật đã rõ ràng như thế, thì chỉ có một cách để bào chữa cho ông Du Tử Lê là: Rất có thể thời điểm gặp gỡ là một buổi sáng định mệnh nào đó vào cuối năm 1969 hay đầu năm 1970 (chứ không thể nào là cuối năm 1970) và tập thơ mà cậu học trò tên Hải tặng cho nhà thơ Du Tử Lê lúc ấy chỉ là... bản nháp! (Nói là nói cho vui vậy thôi, chứ ai cũng biết, vào thời gian ấy tại Việt Nam, kỹ thuật in ấn dĩ nhiên rất khác xa so với bây giờ.)

Và cũng rõ ràng như thế, thì một câu hỏi phải được đặt ra: Tại sao ông Du Tử Lê lại hạ bút viết như đình đống cột về một sự kiện mà ông không nhớ rõ như vậy?

Như tôi đã thưa, đối với tôi việc ai đặt tên không quan trọng. Bên cạnh đó, tôi cũng không để tâm phiền giận những tác giả trong lúc viết bài về Nguyễn Tất Nhiên đã vô tình phóng bút quá đà (tôi từng đọc qua một số bài viết không sát sự thật về nhà thơ yếu mệnh này). Với tôi, viết với một tấm lòng như thế nào mới là điều đáng kể. Mới đây, khi tìm tài liệu trên Internet để viết bài này, tôi vừa biết có một blog viết về một “nguồn gốc” khác của bút hiệu Nguyễn Tất Nhiên. Đó là bài của Trần Thuận Văn đề ngày 3 Tháng Bảy, 2009, viết trên blog của chính mình. Là một người bạn cũ thời còn đi học và cùng làm thơ với Hoài Thi Yên Thi/Nguyễn Tất Nhiên, anh viết về những kỷ niệm hồn nhiên cười ra nước mắt của thuở học trò giữa ba người bạn thân thiết, trong đó có một đoạn như sau: “Bắt đầu năm vào học thì Nhiên tâm sự với tôi (Trần Thuận, bút hiệu Trần Thuận Văn) và Lưu (Hồ Văn Lưu, bút hiệu Hồ Triều): “Tau muốn tìm bút hiệu khác, vì tau làm xong tập thơ Thiên Tai này chuẩn bị in.” Tôi và Lưu suy nghĩ rồi góp ý đổi bút hiệu cho Nhiên là Nguyễn Tất Nhiên liền được hẳn chấp nhận ngay.” (sic)

Trong lòng không gọn một nghi vấn gì, tôi tiếp nhận những mẩu chuyện buồn vui kể trên với một tâm trạng bùi ngùi vì hai trong ba nhân vật (tôi quen biết cả ba anh) trong lời kể trên đã ra người thiên cổ. Ấu cũng là một câu chuyện chung quanh một sự thật mà chỉ có anh Nhiên mới có thể trả lời. Mà anh lại qua đời sớm quá, hay ít nhất là đủ sớm để những huyền thoại về anh cứ thế mà sản sinh.

Thành thật mà nói, trong thời gian chung sống, anh Nhiên đã kể cho tôi biết, trước khi có bút hiệu Nguyễn Tất Nhiên, anh dùng tên Hoài Thi Yên Thi khi ra tập thơ “Dấu Mưa Qua Đất” (1966) và “Nàng Thơ Trong Mất” (1968). Tôi từng cười ngặt nghẽo về bút danh quá con gái, khác nhau một trời một vực với bút hiệu hiện thời này của anh, và anh cũng vui vẻ công nhận rằng từ lúc anh nghe theo lời khuyên của đàn anh Du Tử Lê đổi bút hiệu thì sự nghiệp thi ca “lên” rõ ràng. Hỏi tại sao là Tất Nhiên thì anh cười ha hả, bảo tất nhiên phải là Tất Nhiên thôi. Tôi ngờ rằng cái tên Hoài Thi Yên Thi đã để lại một dấu ấn nào đó khó quên trong lòng thi sĩ đàn anh khiến ông không còn sự minh mẫn cần thiết chăng? Bởi vì, nếu tôi nhớ không lầm, trong mớ thư từ giấy má mà anh Nhiên ky cốp mang theo lúc vượt biên và đem ra cho tôi xem, có cả một bức thư của nhà thơ Du Tử Lê “thân gửi Cô Hoài Thi Yên Thi” vì ông lầm tưởng đây là một nhà thơ... nữ. Tiếc là tất cả những thứ giấy tờ nói trên nay không còn nữa. Nhưng, giấy tờ dù mất, ký ức vẫn còn. Cho nên, vì lương tâm đối với một người đã mất không thể tự lên tiếng, tôi mới phải chẳng đặng đừng tiết lộ điều này chỉ vì muốn nói lên một sự thật mà tôi may mắn được thấy qua lá thư ấy (ngoài hai đương sự), rằng ông Du Tử Lê đã liên lạc thư từ với (cô) Hoài Thi Yên Thi từ trước chứ không phải đợi đến buổi sáng ở quán La Pagode ông mới gặp cái tên này lần đầu, như ông đã đặt bút thuật lại như thuật một câu chuyện vừa mới xảy ra.

Vậy thì, tại sao ông Du Tử Lê chọn một sự kiện mà ông không nhớ rõ để viết thành một bài có bố cục hẫng hoi để dẫn dắt người đọc đi từ ngạc nhiên này tới bất ngờ khác, rồi đi đến một bất ngờ gây sốc cuối cùng cho ông mà cũng là cho độc giả, như lối dựng phim Hollywood là “gặp lại Nhiên, với chiếc xe Honda mới” (sic) (ý hẳn ông muốn bảo rằng Nguyễn Tất Nhiên đã đạt được điều mà anh ta đòi, là thừa Phạm Duy để lấy tiền mua xe Honda, vì ban đầu cậu học trò này không có xe)? Thắc mắc này cứ lờn vờn trong óc tôi từ khi đọc xong bài báo ấy. Tôi có cảm tưởng (và mong rằng mình lầm) ông Du Tử Lê muốn trình bày cho mọi người thấy, rằng “trường hợp” Nguyễn Tất Nhiên chẳng qua như thế này đây: một tên tuổi hữu danh vô thực, nhờ vận may mà nổi tiếng (Phạm Duy bắt mạch thị trường, tung ra bài nhạc phổ thơ dựa trên “triết lý nôm na có còn hơn không”) như lời ông viết, “một sớm một chiều, Nguyễn Tất Nhiên nổi tiếng khắp nơi - Như một hiện tượng, chưa từng xảy ra. Ngược hẳn với sự “yên ắng” của các diễn đàn văn học: Không một bài thơ nào của Nhiên, xuất hiện” (sic); và rằng Nguyễn Tất Nhiên trơ trên bon chen, sau đó lại vô ơn bạc nghĩa đối với nhạc sĩ Phạm Duy, thắng tay thừa nhạc sĩ này ra tòa để đòi chia chác tiền bạc khi cần.

Kỹ thuật trình bày điều luyện của Du Tử Lê cho thấy ông kể lại “trường hợp” Nguyễn Tất Nhiên một cách thật tự nhiên, bởi câu chuyện khởi đi là từ lòng hào hiệp tận tụy giúp đỡ đàn em của chính ông. Tuy nhiên, cũng chính vì kỹ thuật này mà ông quên để một chút tình dành cho kẻ đàn em văn nghệ của mình. Ông kể, qua lời “máng vón” của ông xếp Trung Tá Nguyễn Đạt Thịnh, có vẻ như khơi khơi tự nhiên “Nguyễn Tất Nhiên đòi Phạm Duy phải đưa cho Nhiên một triệu đồng. Nhiên cần tiền mua một chiếc xe Honda, đi học” (sic) mà không trình bày nguyên do, hoàn cảnh đẩy đưa khiến câu chuyện “đòi chia bản quyền trở thành ồn ào.”

Tưởng cũng nên nhớ Nguyễn Tất Nhiên sinh năm 1952. Năm tập Thiên Tai ra đời (1970) anh chỉ là một cậu học trò 18 tuổi và năm anh được cây đại thụ Phạm Duy phổ nhạc, tuổi anh mới vừa quá 20, còn trong vòng bảo bọc của gia đình (cũng khá giả), nghĩa là không phải túng thiếu hay ham tiền đến nỗi phải thừa kiện như thế. Điều bận tâm duy nhất của anh lúc đó (và muôn đời) vẫn là thơ và thơ, kèm theo việc muốn cho người ta biết đến tài làm thơ của mình. Theo

chỗ tôi được biết, anh (và nhất là cha mẹ anh) rất bức bối khi thấy những bài nhạc được in bán dưới hình thức từng bài lẻ đề tên người sáng tác là Phạm Duy, không hề nhắc tới tên Nguyễn Tất Nhiên. Ngay cả lúc bài Thà Như Giọt Mưa được nhạc sĩ Phạm Duy bán bản quyền cho hãng đĩa Việt Nam để soạn thành ca khúc tân cổ giao duyên (dường như do các nghệ sĩ Chí Tâm và Lệ Thủy trình bày) cũng vậy. Tên tuổi thi sĩ hoàn toàn bị gạt ra ngoài... hư vô.

Với tính tình nóng nảy, anh Nhiên tức tối nhưng không làm gì được. Anh chạy đi cầu cứu với giới báo chí thì đúng lúc thiên hạ đang bắt mắt giùm cho thi sĩ Linh Phương (được nhạc sĩ Phạm Duy phổ thơ bài Kỷ Vật Cho Em mà không nêu tên tác giả). Cùng với báo Sống của nhà văn Chu Tử, một số báo khác cũng đứng về phía những người làm thơ bị sang đoạt tên tuổi, phát động phong trào đặt lại vấn đề tác quyền cho người làm thơ và gây áp lực với giới nhạc sĩ. Theo lời kể của cha mẹ anh Nhiên, ông Phạm Duy cũng tìm lên nhà anh ở Biên Hòa và gặp họ, nhưng gặp theo kiểu “ghé qua nhà cho biết” chứ không hề đề cập đến vấn đề. Vẫn theo lời ông bà, chờ đợi mãi “một lời phải quấy” nhưng không được đáp ứng, cuối cùng họ mới giao cho một luật sư bà con đứng ra can thiệp và luật sư này đâm đơn kiện một số cơ sở thương mại (như hãng đĩa Việt Nam) đã mua nhạc của ông Phạm Duy. Nội vụ sau đó được điều đình để tránh việc đem ra tòa xét xử hầu cứu vãn thanh thế cho nhạc sĩ này. Bên nguyên cáo bãi nại và nhận một số tiền bồi thường do những nhà thương mại nói trên đứng ra chi trả. Nhìn qua về chuyện thưa kiện giành lại một phần tác quyền, kể ra bài viết của ông Du Tử Lê không hẳn là sai sự thực, chỉ tiếc rằng ông không (chịu) trình bày toàn cảnh bức tranh sự thực đó mà thôi.

Còn về bề ngoài lời thôi, cư xử cổ quái, tính tình bừa bãi của anh Nhiên, thì tôi không có ý kiến. Và lại, những chi tiết này cũng đâu có mới mẻ gì. Chúng đã được nhà báo Hoàng Dược Thảo (người bạn đời lúc đó của ông Du Tử Lê) kể lại với tấm lòng cảm thông khoan thứ qua một bài viết dài rất cảm động, thương tiếc người em văn nghệ tài hoa nhưng bất toàn, bất hạnh của chồng mình. Bài được đăng trên tuần báo Sài Gòn Nhỏ của bà ngay sau khi anh Nhiên qua đời (Tháng Tám, 1992) và sau đó có đăng lại trên tạp chí Tân Văn (số 3, Tháng Mười, 2007) dưới tựa đề “Nguyễn Tất Nhiên (1952-1992), Buồn Hơn Trước Nhiều.” (“Buồn hơn trước nhiều” là lời thơ của Nguyễn Tất Nhiên).

Ngoài ra, chuyện trước khi nổi tiếng, Nguyễn Tất Nhiên phải cạy cục bon chen chỗ này chỗ nọ để đăng thơ mà không được toại nguyện, tôi cũng không lấy gì làm thắc mắc. Sự kiện Nguyễn Tất Nhiên có được các ngài ngự sử văn học thời đó thừa nhận hay không, bây giờ điều này không thành vấn đề bởi những phán đoán ấy không làm cho thơ anh hay hơn hay dở hơn, trường tồn hay mất dấu. Tôi còn phải cảm ơn ông Du Tử Lê vì khi được đọc những gì thi sĩ này vô tình hé mở đôi chút về không khí văn nghệ đầu thập niên 70 tại Sài Gòn (một không khí nặng phần kỳ thị vùng miền, tỉnh lẻ, thủ đô), tôi mới hiểu hơn và thương cảm những lời thơ tự thán của người chồng cũ của mình:

*“Mới ngoài hai mươi mà trầm trọng chứng đau lưng  
Bồi luôn cúi mỗi ngày dăm bảy bận!  
Đời chẳng khác tay ma đầu biển lận  
Keo kiệt từng phần danh lợi sót chia  
Bước ra đường ai cũng đội mào mang hia  
Ai cũng cố nguy trang cũng nặng phần trình diễn!”*  
(1974, Làn Cuối, trích tập Thơ Nguyễn Tất Nhiên)

Thôi thì tạm gạt bỏ cái nhìn tiêu cực cho rằng ông Du Tử Lê có hậu ý nào đó khi đặt bút, tôi thấy tội nghiệp cho ông vì thế kẹt mà ông tự dần thân vào. Một đằng ông muốn bài viết lôi cuốn nên phải chọn lựa, và nếu cần, dàn dựng nên những chi tiết thật đậm nét, thật độc đáo lồng trong một bố cục thật chặt chẽ theo kiểu một truyện ngắn có

tính cách hư cấu. Một mặt ông cũng biết rõ rằng nếu viết về một nhân vật có thật, một tên tuổi nhiều người biết tới, thì bài viết lại càng “ăn khách” gấp bội. Tuy nhiên, chọn lựa đề tài này ông chạm phải một điều mà một người cầm bút chân chính có lòng, có lương tâm, rất cần phải cân nhắc, suy nghĩ chín chắn trước khi làm. Đó là viết về một người đã chết.

Tôi từng nghe các cụ ta hay dạy: Nghĩa tử là nghĩa tận. Chết là hết. Trừ trường hợp cùng cực chẳng đã, thường thì người ta tránh nói những điều không hay về một người đã mất cho dù điều đó là sự thật đi nữa. Đàng này ông Du Tử Lê viết về một Nguyễn Tất Nhiên qua đời đã gần 18 năm bằng một bài viết bới tung quá khứ với những hình ảnh phiến diện, chấp vá và, đôi chỗ không đúng sự thật. Tại sao như vậy? Và đau lòng hơn nữa là tại sao ông lại chọn đăng trên một tờ báo Xuân, nơi người ta chờ đợi đọc được những điều đẹp để tốt lành để khởi đầu một năm tinh thần trước mặt?

Về vấn đề thừa kiện Phạm Duy của Nguyễn Tất Nhiên, chính cha mẹ anh, vào những năm tháng gần đây, mỗi khi được hỏi đến, họ đều bùi ngùi trả lời, “Thôi, thằng Nhiên nó chết rồi. Hãy để cho nó siêu thoát. Chuyện qua lâu rồi, thôi để cho nó qua đi mà...” Mười tám năm trước, năm anh vừa chẵn 40, chúng ta đã vô tình ngó lơ để cho con dao định mệnh có dịp ửng vào lời thơ tiên tri thống thiết mà anh làm năm 20 tuổi:

*“Ta phải khổ cho đời ta chết trẻ  
Phải ê chề cho tóc bạc với thời gian  
Phải đau theo từng hớp rượu tàn  
Phải khép mắt sớm hơn giờ thiên định!”*  
(1972, Giữa Trần Gian Tuyệt Vọng, trích tập Thơ Nguyễn Tất Nhiên)

Mười tám năm sau, người chết đã chết, ngàn năm im bật, mang theo sự thật xuống dưới đáy mồ, tôi không thể cam tâm ngó lơ để cho một lần nữa những lời thơ tiên tri của anh viết năm 21 tuổi lại trở thành linh nghiệm:

*“Đời, vốn không nương người thất thế  
Thì thôi, ô nhục cũng là danh!”*  
(1973, Hai Hàng Me Đường Gia Long, trích tập Thơ Nguyễn Tất Nhiên)

Trong bối cảnh “nhiều nương” như bây giờ, tôi ngậm ngùi hiểu thêm được một định nghĩa khác của thuật ngữ “thất thế” mà anh dùng. Đó là cái “thất thế” của những Bùi Giáng, Nguyễn Ngu Í, Nguyễn Tất Nhiên, của những con người tài hoa nhưng đầu óc, cách suy tưởng, thái độ ứng xử, không được bình thường. Bất hạnh hơn, Nguyễn Tất Nhiên còn “thất thế” gấp hai lần vì anh vừa bất thường lại vừa mất sớm. Mỗi khi nhắc tới thi hay văn tài của họ, người ta thường kèm theo những giai thoại lạ đời mà người viết có dịp chứng kiến hoặc thậm chí chỉ nghe kể lại. Tệ hơn nữa, có kẻ quá đỗi thường tình, chỉ thích chí khai thác những chuyện tư riêng eo xèo đời mọn của những nhân tài này thay vì thưởng ngoạn những tinh hoa mà họ đã chất lọc từ phía con người bất toàn kia để cống hiến cho đời.

Nhà thơ Ngu Yên, trong một lần mạn đàm văn học, có dí dỏm ví dòng thơ tài tình của một thi sĩ không khác chi bộ xương của loài khủng long. Vài ngàn năm sau, mọi thứ rã tan tàn lụi, nhờ khai quật được những bộ xương này mà nhân loại biết có một thời kỳ trên mặt đất có loài thú đó. Vậy khi một nhà thơ, nhà văn nào đã qua đời, thì, làm ơn, nếu không vì nhu cầu nghiên cứu tiểu sử để tìm hiểu cận kề về bối cảnh và điều kiện sáng tác của họ, xin đừng khai thác đời tư của họ để phục vụ cho bất kỳ một mục đích nào khác hơn là góp phần cống hiến cho đời ba điều thật đơn giản, nghe rất nhàm tai, nhưng vô cùng cao quý, đó là: Chân, Thiện và Mỹ. Xin gắng bảo tồn bộ-xương-thi-ca-tinh-túy của họ để thế hệ mai sau biết được, có một thời, cuộc sống nhân loại cũng văn minh, dù ở mấy ngàn năm trước.

## Thư ngỏ của ông Nguyễn Đạt Thịnh gửi tác giả Du Tử Lê

*Tòa soạn: Bài viết của tác giả Du Tử Lê về nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên, đăng trên Giai Phẩm Xuân Người Việt 2010 tiếp tục gây tranh cãi. Người đầu tiên viết bài để phủ nhận một số chi tiết trong bài viết của tác giả Du Tử Lê là bà Nguyễn Thị Minh Thủy, vợ của nhà thơ quá cố Nguyễn Tất Nhiên. Nay, chúng tôi đăng tiếp thư của ông Nguyễn Đạt Thịnh (hiện sống tại Houston), là người được nhắc đến trong bài viết của tác giả Du Tử Lê. Như thường lệ, tòa soạn giữ quyền hiệu đính nội dung thư độc giả, chỉ đăng những nội dung liên quan trực tiếp đến vấn đề đang tranh cãi.*

\*\*\*

Thư ngỏ gửi anh Du Tử Lê  
Houston ngày 23 tháng 2, 2010

Thưa anh Du Tử Lê,

Đọc những đoạn cô Hoàng Duyệt Thảo trích bài anh viết trong số Xuân báo Người Việt năm nay, tôi thấy lúng túng, không hiểu nguyên nhân nào khiến anh dựng đứng mọi việc lên như vậy.

Điều làm tôi khó chịu nhất là anh bảo là anh Phạm Duy nhờ tôi làm áp lực với anh để anh Phạm Duy không phải trả đúng giá cho những bài thơ của anh Nguyễn Tất Nhiên mà anh Phạm Duy phở nhạc.

Như mọi người khác, tôi có nghe những bài thơ phở nhạc đó, nhưng không hề biết đó là thi phẩm của anh Nguyễn Tất Nhiên; và tôi cũng chỉ biết tên anh Nguyễn Tất Nhiên sau khi đọc bài của cô Hoàng Duyệt Thảo.

Tôi khẳng định anh Phạm Duy không hề nhờ tôi làm áp lực với anh trong việc trả giá những thi phẩm của anh Nguyễn Tất Nhiên được anh Phạm Duy phở nhạc. Tôi cũng không hề hay biết gì về những liên hệ tay ba giữa anh, anh Phạm Duy, và anh Nguyễn Tất Nhiên.

Một đoạn khác:

*“Người xếp trực tiếp của tôi kết luận: ‘...đã không phải trả tiền cho nhạc sĩ thì thôi, nay lại đòi tiền bản quyền thì... đó là điều có phần quá đáng...’*

*Kết thúc câu chuyện Trung Tá Nguyễn Đạt Thịnh muốn tôi thuyết phục Nhiên hủy bỏ vụ đe dọa kiện cáo. Nhạc sĩ Phạm Duy đồng ý sẽ đưa Nhiên một khoản tiền, ít hơn con số đòi hỏi. Như một quà tặng chứ không phải là chia tiền tác quyền.*

*Trước khi trả lời tôi hỏi Trung Tá Nguyễn Đạt Thịnh: “Thưa trung tá tôi không biết có đúng không rằng chuyện này nằm ngoài công việc của phòng Báo Chí?*

*Ông gật đầu: “Đúng. Chuyện này nằm ngoài công việc của phòng. Những tôi thấy anh Nguyễn Tất Nhiên đối xử với ông Phạm Duy như thế có phần không đúng. Và tôi cũng nghĩ như ông Phạm Duy, anh là người duy nhất có thể can thiệp. Vì thế mà ông ấy tìm đến đây...”*

Câu chuyện không còn là tưởng tượng nữa mà là bịa đặt 100%.  
Nguyên văn:



Đó là khi tôi được mời qua phòng làm việc của Trung Tá Nguyễn Đạt Thịnh, (hiện cư ngụ tại Houston, Texas,) trưởng phòng Báo Chí mà, tôi là nhân viên.

Ông kể, nhạc sĩ Phạm Duy mới gặp ông, cho biết, Nguyễn Tất Nhiên đòi Phạm Duy phải đưa cho Nhiên 1 triệu đồng. Nhiên cần tiền mua một chiếc xe Honda, đi học. Nếu không, Nhiên sẽ nhờ luật sư đưa họ Phạm ra tòa.

Sau đó, Trung Tá Thịnh thuật lại lời của nhạc sĩ Phạm Duy cho rằng, tôi là người “gây họa” cho ông. Bởi vì, nếu tôi không năn nỉ ông phổ nhạc thơ của Nhiên, thì đã không có vụ đòi tiền này. Chưa kể, ngoài phần nhạc, chiếm 50% một ca khúc, của Phạm Duy; ông còn là người viết thêm nhiều câu không có trong nguyên bản bài thơ. Điều đó có nghĩa, ngay ở phần ca từ, ông cũng đã chiếm tới 25%. Tóm tắt, mỗi ca khúc phổ từ thơ Nguyễn Tất Nhiên, phần của Phạm Duy là 75%. Phần Nguyễn Tất Nhiên chỉ có 25%. Chưa kể:

“Nếu không có Phạm Duy thì ai biết Nguyễn Tất Nhiên là ai?!”

Đấy là câu hỏi nhạc sĩ Phạm Duy nhờ Trung Tá Thịnh chuyển cho tôi, để tôi chuyển cho Nhiên. Người xếp trực tiếp của tôi kết luận:

“...Đã không phải trả tiền cho nhạc sĩ thì thôi, nay lại đòi tiền bản quyền thì... đó là điều có phần quá đáng...”

Kết thúc câu chuyện, Trung Tá Nguyễn Đạt Thịnh muốn tôi thuyết phục Nhiên, hủy bỏ vụ đe dọa kiện cáo. Nhạc sĩ Phạm Duy đồng ý sẽ đưa Nhiên một khoản tiền, ít hơn con số đòi hỏi. Như một quà tặng chứ không phải là chia tiền tác quyền...

Trước khi trả lời, tôi hỏi Trung Tá Nguyễn Đạt Thịnh rằng:

“Thưa trung tá, tôi nghĩ không biết có đúng không rằng, chuyện này nằm ngoài công việc của phòng Báo Chí?”

Ông gật đầu:

“Đúng. Chuyện này nằm ngoài công việc của phòng. Nhưng tôi thấy anh Nguyễn Tất Nhiên đối xử với ông Phạm Duy như thế, có phần không đúng. Và, tôi cũng nghĩ như ông Phạm Duy, anh là người duy nhất có thể can thiệp. Vì thế mà ông ấy tìm đến đây...”

Tôi cũng gật đầu:

“Vâng. Thưa trung tá, nhưng đó là việc riêng giữa cá nhân tôi với ông Phạm Duy và Nguyễn Tất Nhiên...”

“Nhưng ý anh ra làm sao?” Trung Tá Thịnh sốt ruột, hỏi.

Tôi đáp:

“Xin trung tá nói hộ với nhạc sĩ Phạm Duy rằng, ông ấy nên đưa Nguyễn Tất Nhiên số tiền mà Nhiên nó đòi. Nếu không, tôi cũng sẽ đứng về phía nó!”

Cuối cùng, dường như nhạc sĩ Phạm Duy đã trả cho Nhiên một khoản tiền... Tôi không biết, cũng không hề hỏi con số. Nhưng tôi nghĩ, nhiều phần, là con số không nhỏ.”

Anh Du Tử Lê,

Người ta chỉ có thể chứng minh những việc đã xảy ra chứ không chứng minh được việc không xảy ra; việc anh kể là chuyện, theo lời anh, chỉ xảy ra giữa anh và tôi, trong phòng làm việc của tôi, anh nói có, tôi nói không, ngoài ra không ai nghe, không ai thấy cả.

Tuy nhiên, tôi có thể chứng minh bằng cách nhờ anh em, đồng đội, đồng nghiệp ngày xưa, chứng minh tư cách của tôi, chứng minh việc tôi kính trọng văn phẩm riêng của quý anh, kính trọng quyền tự do sáng tác của quý anh.

Tôi muốn chứng minh là nếu tôi không can thiệp vào địa hạt sáng tác của anh, người làm việc trực tiếp dưới quyền tôi, thì có lý nào tôi lại can thiệp vào những liên hệ tác quyền giữa hai anh Phạm Duy và Nguyễn Tất Nhiên; người thứ nhất tôi chỉ quen, và người thứ nhì tôi không biết.

Anh có chấp nhận cách chứng minh đó không? Anh có nhìn nhận là tôi để quý anh hoàn toàn tự do trong địa hạt sáng tác không?

Địa chỉ e-mail của tôi là (\*\*\*) (Tòa soạn: Địa chỉ email của ông Nguyễn Đạt Thịnh được chuyển trực tiếp đến ông Du Tử Lê), anh có thể liên lạc với tôi nếu anh muốn thảo luận thêm về chuyện tác quyền của anh Nguyễn Tất Nhiên, chuyện mà tôi xác nhận với anh thêm một lần nữa là tôi không biết anh Nhiên, chưa bao giờ nghe tên anh trước ngày đọc bài của cô Hoàng Dược Thảo; về phần anh Phạm Duy, anh chỉ là người bạn uống rượu với tôi, anh chưa bao giờ nhờ tôi làm một việc gì cả, và cũng chưa bao giờ nói chuyện anh Nguyễn Tất Nhiên với tôi.

Một người bạn cũ của anh

## Hãy để thi ca và âm nhạc cùng cất cánh bay lên Nguyễn Văn Lục

Viết bài này, người viết bày tỏ ở đây một sự nuối tiếc là: Bài viết của nhà thơ Du Tử Lê về Nguyễn Tất Nhiên đã không nói lên được tính chất phối hợp đến kỳ diệu giữa thi ca và âm nhạc. Đó là điều quan trọng nhất cần được nói tới. Bởi vì thơ Nguyễn Tất Nhiên không có âm nhạc Phạm Duy thì sẽ ra sao?

Sự phối hợp ở hai lãnh vực nghệ thuật này khi cộng sinh đôi khi trở thành những bài ca khó quên, thấm vào lòng người.

Thật vậy, những bài thi ca đượm chất triết lý Thiền đạo của Phạm Thiên Thư cộng với âm thanh tài hoa của Phạm Duy biến cho cuộc gặp gỡ văn học ấy như núi gặp mây.

Những dòng thơ chất lọc trong Đạo ca được gửi gắm trong dòng nhạc của Phạm Duy biến thành chất ngọc không còn vực bờ hữu hạn, xóa bỏ tất cả ngã và phi ngã, xóa bỏ ngoại vật. Không gian như mở rộng ra đến cõi vô hạn, bay bổng...

*Xưa em làm kiếp ao, ưu tư mùa cuối Hạ.*

*Anh làm chim bói cá, đậu soi mấy mùa trăng.*

*Xưa em làm chữ biếc, nằm giữa lòng cuốn kinh*

*Anh là thiền sư buồn ngồi tụng dưới ánh trăng...*

Sự nuối tiếc ấy buộc người viết đi lại từ đầu câu truyện như sau.

Trong dịp đầu năm, tờ Người Việt California có cho đăng một bài “tân mạn văn học” của ông Du Tử Lê viết về nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên. Câu truyện ông Du Tử Lê kể lại không có mục đích đánh giá thơ Nguyễn Tất Nhiên, cũng không nói lên được thơ và nhạc đã phối hợp với nhau thế nào, càng không có dụng tâm viết một bài phê bình văn học ở thời điểm 1970.

Thời điểm mà theo tôi đánh dấu sự an nguy mất còn của miền Nam. Ông chỉ muốn kể lại một mảnh vụn văn chương, một câu truyện “đời thường” giữa hai nhà thơ về những truyện rất bên lề của văn chương trong đó ông cho rằng, ông chính là người đặt tên hiệu Nguyễn Tất Nhiên cho một nhà thơ trẻ mới tập tễnh bước vào nghề.

Chẳng biết trí nhớ ông còn đủ tốt hay không để viết lại chính xác một “giai thoại văn chương” như thế? Câu truyện thật hư ra sao thế nào? Những người liên hệ như Minh Thủy, nhà văn Nguyễn Đạt Thịnh đã lên tiếng phản bác cho là Du Tử Lê viết bịa đặt. Vì vậy, bài báo đã gây nhiều tiếng vang ồn ào bất lợi cho ông.

Nhưng xét nội dung, đó chỉ là một bài viết đọc cho vui, đọc qua rồi bỏ cũng được. Nó không có liên quan đích thực đến thực trạng nền văn học thời điểm 1970. Một thời điểm mà những người

từng có uy tín nhất trong lãnh vực thi ca -ca ngợi tình yêu- một thời như nhà thơ Nguyễn Sa đã viết bài:

*“Hãy rời bỏ nền văn chương trú ẩn”.*

Thơ Nguyễn Sa bây giờ không còn là thơ tình nữa:

*Không nói tao sợ mày phiền  
Nói ra với rượu tao buồn gấp hai  
Em mày đi lấy chồng rồi  
Gặp tao ngoài ngõ ngậm ngùi nhìn nhau  
Tao nhìn tao thấy mày đau  
Nó nhìn nó thấy trong tao có mày*

Lời cảnh cáo của Nguyễn Sa ở trên nói lên thực trạng đất nước không cho phép những nhà văn, nhà thơ, nhà trí thức tiếp tục ngủ quên và tiếp tục ru ngủ mình và người đọc. Sự lãnh đạm và thờ ơ trước thời cuộc là một thái độ thiếu trách nhiệm của người cầm bút?

*Thơ của Du Tử Lê cũng như thơ của Nguyễn Tất Nhiên là những hoa trái sinh trái mùa.*

Đã có lần tôi viết phê phán nhà văn Mai Thảo là: Mai Thảo 1954 cũng vẫn là Mai Thảo 1963 và không khác gì Mai Thảo 1970 và 1975. Mai Thảo vẫn thế. Vẫn là thứ văn chương phòng trà, văn nghệ sa lông, suy tư bên tách cà phê tiệm nhẩy... đứng đưng trước tiếng bom đạn, chết chóc.

Tôi không trách móc văn chương Mai Thảo hay hay dở, mà tôi trách móc vai trò nhà văn đã bị lãng quên.

Một nhà văn với tư cách nhân chứng thời đại không thể có thái độ bàng quan, đứng ngoài cuộc như thế được. Nó phản bội lại chính vai trò nhà văn của mình.

Nghĩ như thế rồi, tôi nhận thấy Du Tử Lê hay Nguyễn Tất Nhiên đều đi theo lối mòn của Mai Thảo. Vẫn làm thơ tình. Vẫn mơ mộng, vẫn dằn vặt, vẫn đau khổ, vẫn ca ngợi tình yêu, vẫn những truyện tình con con mà lại muốn đưa lên cao, đi ra biển lớn.

Tôi không dám nói đến giá trị hay dở, có thể thơ ấy rất hay ở một thời điểm nào khác. Có thể không thiếu người mê thích. Nhưng những thơ ấy không thích hợp ở thời điểm năm 1970 được. Nó sinh lầm thời đại. Đứng trước khổ đau mất mát, trước chết chóc bom đạn gần kề, trước nước mắt mẹ già, nước mắt trẻ thơ và nước mắt người vợ trẻ mất chồng mỗi ngày.

Thơ ấy trở thành lạc điệu, mĩa mai nếu so với những dòng thơ tôi trích dẫn sau đây.

Thơ hôm nay là những vắn thơ oằn oại nước mắt.

Thơ Tô Đình Sự làm trước khi chết “Thân Tín đời”:

*Đầy trước mắt chia lìa chất ngất  
Đưa quân trường, đưa lính chiến một năm  
Đưa lơ ngơ những ngày chờ chết  
Đưa vinh thắng dĩ vãng đầu mang ..  
Đôi Gia Hựu dài cơn đồng thiếp  
Thăm hỏi nhau mày còn mạnh giỏi  
Còn nguyên lành thân xác phàm phu  
Bao giờ giải ngũ, bao giờ có phép  
Lúc nào vào lính nhớ cho tao biết  
Vợ con mày mấy đứa ra sao  
Lũ tình nhân còn đầy nhân ngãi  
Bạn bè đứa nào còn đứa nào đã khuất*

*Nơi tao ở rừng cao tiếp núi  
Súng lăm le như cái chết dối đêm chùng  
Chợt sáng sớm biết mình sống sót ...*

Và bài thơ của Phạm Nhã Dự "Buổi chiều ở nghĩa trang Cà Đú" khóc Tô Đình Sự:

*Trở lại Phan Rang lần này nữa  
Thăm mày không biết gần hay lâu  
Thăm mày dù má mày đã chết  
Hay chỉ thăm cỏ mọc xanh mầu ..  
Chiều này sao gió nhiều mày nhỉ  
Gió nổi trong tao đến lạnh mình  
Đù má nhang mày sao chẳng cháy  
Đốt mãi que diêm đến cạn cùng  
Bên kia dãy núi trơ thân chó  
Cỏ dưới dân tao lại sứt sùi  
Mẹ kiếp vợ mày đang khóc mướt  
Con mày, trời hồi nó cười vui  
Còn tao, tao chẳng cười chẳng khóc  
Chẳng ngậm ngùi chi lũ kiếp người  
Đù má, tao chửi thề đây Sự  
Chửi suốt trăm năm, chửi hết đời  
Bây giờ mày đã nằm yên phận  
Còn vợ, bào thai ba đứa con  
Đù má một đời làm thi sĩ  
Chẳng đủ cho con lấy một đồng  
Tụi mình dăm đứa đời lang bạt  
Sống chẳng ra chi chẳng bận lòng...[...]*

Tất cả các bài thơ được trích dẫn trong bài viết: *Kỷ niệm mười năm của báo Đi Tới của tác giả NVL, trang 21, số 69-70, tháng 5-6, 2003*  
Linh Phương trong bài "Kỷ Vật Cho Em" được Phạm Duy phổ nhạc đã kể trong bài thơ "Hành Quân".

*Dẫm thẳng đánh trận. Dẫm thẳng chết  
Chỉ sống mình ta cứ sống nhăn  
Đù má, nhiều khi buồn hết biết.  
Lo mãi sau này cụt mất chân*

Và bài thơ "Đêm Giáng Sinh", khát vọng hòa bình trong một ngày ngưng bắn của Hồ Minh Dũng:

*Dù chỉ một ngày ngưng bắn đó con  
Cũng đem chiếc áo lành ra mặc  
Cũng ăn một bữa cơm cho no  
Cũng ngủ một giấc trên giường trên chiếu  
Khổ đau lúc này mẹ gói trong mơ*

Và một bài thơ khác "Căn bệnh trong thời chiến này", Nguyễn Bắc Sơn nói về mẹ:

*Mày gửi một chân ngoài trận mạc*

*Mang về cho mẹ một bàn chân  
Mẹ già khóc đến mù hai mắt  
Đời tàn theo lúa tuổi thanh xuân*

Và Nguyễn Dương Quang trong bài “*Đêm cuối năm* viết cho má”:

*Hình như cây súng con lạ lắm  
Sao nó run lên khi đạn lên nòng  
Tâm hồn nó như tâm hồn con vậy  
Một kẻ nằm, kẻ đứng xót xa không?*

Bùi Khiết trong bài “*Tiến Đưa*”

*Sân ga đầy người  
Nhìn em không nói  
Anh nắm tay em  
Anh muốn hôn em*

*Một năm cách trở  
Anh về núi rừng  
Em qua xứ lạ  
Lòng buồn rưng rưng*

*Sao em không nói  
Sao em không hôn  
Trời làm xa cách  
Mây vương đầy hồn*

Thơ Bùi Nghi Trang “*Từ trong rừng*”

*Ta cảm ơn những người yêu thương ta tha thiết  
Lo cho mạng sống của ta  
Tìm số số ta trên Thiên Đình  
Xem từng vì sao xấu tốt  
Lo cho gia đình ta không thua thiệt  
Dạy cho vợ ta không mặc quần pát, không mặc mi-ni  
Dạy cho con ta không để tóc dài không mang hoa hippy  
Ta cảm ơn cha mẹ, những thầy những cô muôn thuở  
Ngày nào đó ta trả súng ta về  
Ta sẽ xin lạy tạ  
Lời cuối cùng ta cảm ơn tất cả  
Cảm ơn cuộc đời  
Mang hờn hở trên vai...*

Tất cả những bài thơ trích dẫn ở trên từ thơ Linh Phương, tôi rút ra từ tuyển tập: *Thơ miền Nam trong thời chiến*, sưu tập sáng tác của 263 nhà thơ miền Nam trong thời chiến do anh Trần Hoài Thư sưu tập.

Hầu hết những nhà thơ viết về chiến tranh ở trên đều không có dịp đăng thơ của mình, đều trở thành vô danh, không có tên, không có tuổi hoặc đã không còn ở chốn dương gian này như trường hợp Tô Đình Sự, hoặc sống cuộc đời phé vật ở quê nhà.

Xin cảm ơn tấm lòng của nhà văn Trần Hoài Thư đã thu tập tất cả 265 nhà thơ với thơ văn của họ tản mác khắp nơi thành tuyển tập.

Nếu thơ hôm nay là thứ “*văn chương dân thân, nhập cuộc*” thì bên cạnh đó còn một thứ văn chương trái chiều ở thành phố với những tình cảm đậm đặc, có những cảm giác, có ham muốn, có đòi hỏi, có da có thịt, có khoái lạc.

Đó là thứ văn chương “*nổi loạn*” trước chết chóc của chiến tranh, của thời thế qua văn phong của một số nhà văn nữ.

Tôi không thấy được những trình bày các xu hướng, các biểu hiện văn học trong những giai đoạn ấy trong bài viết của Du Tử Lê.

*Ông vẫn viết như kẻ đứng ngoài cuộc, thân nhiên và vô tình, kênh kiêu, khệnh khạng.*

*Vì thế, đọc xong bài viết của ông Du Tử Lê, tôi có cảm tưởng ông có đôi chút tự mãn dư thừa rất đời thường ở trong giai đoạn ấy trong vai trò “đàn anh văn nghệ”, ở thành phố xa bom đạn và coi nhẹ đến dễ dãi đối với việc sáng tác thơ văn nói chung.*

*Ông thiếu một ý thức sáng tác trong văn học, ở một thời điểm nhất định. Viết để làm gì? Viết cho ai? Tại sao viết? Có thể không bao giờ trong suốt cuộc đời làm thơ tình ông chưa hề có dịp để tự hỏi mình.*

Cái vision về sứ mạng văn chương không có, cái trách nhiệm đối với “mầm non” bằng lòng với mấy bài thơ tình thì coi như đã trọn vẹn cho một một sự nghiệp văn học.

Cái không lớn, không cao lên được, không có tầm mức vươn lên trong văn học của một số nhà văn, nhà thơ bắt đầu từ một quan điểm sáng tác thấp và sự tự mãn đã kéo thấp sinh hoạt văn học miền Nam xuống một bực.

Vì thế, những nhà văn nhà thơ ấy phần đông không đáp ứng được nhu cầu đòi hỏi của giới người đọc nên mới nảy sinh ra hiện tượng sách dịch ngoại quốc tràn lan ra tiếng Việt trong thời kỳ này.

Thật vậy, nay thì có đến 70% sách dịch ngoại quốc chiếm thị phần sách xuất bản trong nước thay thế chỗ sách văn học sáng tác.

Các nhà văn như Mai Thảo trở thành những người viết truyện feuilleton kiếm sống qua ngày. Hiện tượng sách dịch đủ loại tố cáo sự “nghèo nàn” “vẫn như thế” của một số nhà văn nhà thơ. Phong cách làm văn học ấy cũng đẩy đưa tới hệ quả là thiếu những phê bình văn học nghiêm chỉnh trong văn học.

Sứ mệnh văn chương, nghệ thuật là hướng đi lên, một sự tự vượt trội ngay cả chính mình ở tầm cao đôi khi là một thái lọc cố ý [sélection intentionnelle] khắc nghiệt giúp cho văn học, nghệ thuật vươn lên từ nơi đối tác sáng tác và kẻ thường ngoạn.

Chúng ta thiếu cái hướng vươn lên cao theo chức năng đòi hỏi của tác phẩm nghệ thuật.

Cho nên sự “dễ dãi” trong văn học là điều tệ hại nhất. Chính vì thế, mặc dầu cuộc chiến tàn bạo đến như thế, chúng ta không có mấy tác phẩm về chiến tranh sánh tầm.

### **Một cách thức gây scandal không cần thiết**

Nói cho công bằng, khi viết bài này, Du Tử Lê muốn cho mọi người thấy rằng thơ Nguyễn Tất Nhiên dưới mắt ông và Trần Phong Giao chỉ là “thơ học trò” nên Trần Phong Giao hỏi đó nhất định không đăng trên báo Văn. Trần Phong Giao không nói nhận xét của ông cho độc giả mà cũng không nói trực tiếp với nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên. Sự nhận xét của Trần Phong Giao có thể là cảm quan đứng đắn, mặc dầu rough của một chủ bút chuyên nghiệp trước hàng trăm những bài thơ, đủ loại, đủ mức độ hay dở được gửi tới tòa soạn mỗi tháng :

*“Mày đừng đưa thơ thằng này cho tao nữa. Thơ của nó không thích hợp với báo Văn.”*

Nhưng truyện riêng mà nay trở thành truyện công khai thì sẽ có người đọc bị sốc bởi vì không định vị câu nói giữa hai người bạn về một người thứ ba. Rõ ràng Trần Phong Giao không nói

cho độc giả - những người bây giờ có thể yêu mến thơ Nguyễn Tất Nhiên. Nó chẳng khác gì một thứ tiết lộ cố ý như một thứ nghe lén bị công khai hóa. Khi có sự công khai hóa thì câu chuyện trở thành những lời bàn tán dân gian mất tính nghiêm chỉnh cũng như tính chất văn học, đi ra khỏi cái context của câu chuyện giữa Trần Phong Giao và Du Tử Lê cách nay mấy chục năm.

Thơ Nguyễn Tất Nhiên có thể là thơ học trò. Nhưng đầu gì thì nay nhà thơ cũng có một tên tuổi.

Nhận xét như thế là đụng chạm tới một tên tuổi và nó trở thành một scandal bôi nhọ một nhà thơ. Độc giả, đám đông bám lấy câu nói đó như thể mới nói và phản ứng tức thời.

Tiếp đến sau đó Du Tử Lê năn nỉ với Phạm Duy cho phổ nhạc, nhờ đó Nguyễn Tất Nhiên trở thành “nổi tiếng”!!!

Bài viết có một đôi điều làm người đọc hiểu là ông coi thường thơ văn của Nguyễn Tất Nhiên.

Thế rồi có phản ứng.

Người phản ứng đầu tiên là Nguyễn Thị Minh Thủy vốn là vợ cũ của Nguyễn Tất Nhiên lên tiếng. Minh Thủy đọc bài này thấy Du Tử Lê viết sai, xúc phạm đến Nguyễn Tất Nhiên nên viết thư lên tiếng và cho rằng tên Nguyễn Tất Nhiên đã được chính thức trong tập thơ Thiên Tai của tác giả, in năm 1970.

Tôi không muốn đi vào các chi tiết và cũng chẳng muốn “sa lầy” vào những vòng tranh cãi sau đó, bởi vì những ý kiến đóng góp sau đó cũng rất xa với lãnh vực văn học.

Tôi chỉ muốn dùng câu chuyện Du Tử Lê-Nguyễn Tất Nhiên để mọi người cùng nhìn văn học trong một số thực tiễn Văn học qua một số nhà văn, nhà thơ Việt Nam để thấy được tính cách khát khe, cay nghiệt và phũ phàng của Văn chương Nghệ thuật, đồng thời cho thấy thi ca đòi hỏi một tầm cao mà không dễ mấy ai đạt được!!

### **Thi ca và nghệ thuật, một ranh giới khó vượt qua**

Du Tử Lê đã diễn tả trung thực sinh hoạt văn học là như thế. Nó không có cánh cửa mở rộng thênh thang cho bất cứ ai muốn vào. Nó phải qua nhiều cửa ải. Nhất là đối với những nhà văn, nhà thơ trẻ.

Cho dù bây giờ có một số người đọc yêu thích thơ Nguyễn Tất Nhiên thì không có nghĩa là thơ của Nguyễn Tất Nhiên được các chủ bút hân hoan đón nhận. Họ thích là quyền của họ. Nhưng đây là luật chơi phải chấp nhận.

Bởi vì ở phạm trù văn học, ranh giới thi ca được đặt ở một vị trí cao nhất trong nghệ thuật nói chung. Giữa nghệ thuật và phi nghệ thuật, ranh giới có khi chỉ cách nhau một đường chỉ mỏng manh. Nhưng lại là đường chỉ của một chân trời, đi mãi đi hoài cũng không tới.

Thơ tình của Nguyên Sa là tuyệt. Người ta có thể bắt chước cũng từ đó, cũng vắn điệu đó, cũng vắn ảnh đó. Nó vẫn có chút gì đó không phải Nguyên Sa. Cái chút gì đó chính là nghệ thuật và phi nghệ thuật.

Thi ca bằng cách nào đó nó được coi là nghệ thuật của mọi nghệ thuật. Bởi vì thi ca là thứ ngôn ngữ “đặc sủng” nhờ đó thi sĩ cảm nhận được với đất trời, cảm nhận được cái “thần khí” của con người và thiên nhiên, nhận ra những giao cảm thiên nhiên-con người, nắm bắt được thời gian tính với cái hữu hạn, vô hạn, nắm bắt được những khoảnh khắc hiếm hoi đã đi qua trong đời người, nắm bắt được cái bao la vô cùng lớn và vô cùng nhỏ của vũ trụ quanh ta, nắm bắt được cái chiều sâu thẳm của bản ngã người, nắm bắt được cái phức hợp, cái cao cả cũng như cái thấp hèn của cuộc nhân sinh.

Nói cho cùng thi ca là một sáng tạo đòi hỏi cao. Không có chỗ cho thi ca tầm thường. Thi ca ấy đã được chứng tỏ trong tác phẩm vĩ đại như Đoạn Trường Tân Thanh và Chinh Phụ Ngâm và một số không nhỏ nơi một số nhà thơ.

Chẳng hạn, như vào một lúc nào đó, Nguyễn Tất Nhiên cũng cảm nhận được cái hữu hạn của cuộc đời, của con người qua những câu thơ sau đây:

*Ngày sắp hết, năm sắp hết  
Thời gian nào cho bốn mắt ta xanh?  
Thời gian nào đưa ta về địa ngục?  
[những kẻ yêu nhau chẳng có thiên đàng]*

Trích thơ Nguyễn Tất Nhiên, “Như những hoàng hôn bỏ mặt trời”  
Con người trong cõi nhân gian, trầm luân và chuyển kiếp luân hồi lúc ta là người lúc là bướm như trong thi ca của thi sĩ Bùi Giáng:

*“Trước là thi sĩ sau là đười ươi”*

Và cũng một lẽ ấy, người ta bắt gặp trong thi ca Holderlin bắt chợt được ánh sáng hiện ra giữa những con đường u uẩn, tối tăm của cuộc đời bạc mệnh.

Thơ trở thành sức sống, là cuộc đời tác giả.

*“Je laisse mes regards souvent monter jusqu'à l'Ether et plonger jusqu'au fond de la mer sacrée”.*

*Trích 1ère Part. ier tiv tet. Hypériorion à Bellarmin.*

*“Lạc lõng trong khoảng trời xanh bao la, tôi thường phóng xa tầm mắt lên tới “Thanh Khí” và xuống sâu tận đáy biển thẳm.”*

Sự đòi hỏi của thi ca là cao lắm đến tuyệt đối, thứ ngôn ngữ “vô ngôn” ngôn ngữ không lời, yên nguyên tinh rỗng, thứ ngôn ngữ như thể lần đầu được nói tới, thứ ngôn ngữ sáng tạo, tại ý.

Sự đòi hỏi của thi ca càng cao thì giá trị nhà thơ càng cao.

Nếu hiểu sứ mệnh thi ca như thế, con đường của những nhà thơ như Nguyễn Tất Nhiên đi chưa tới và làm thế nào để có thể có chỗ đứng dễ dàng trong văn học khi có tập thơ đầu tay? Thiên tài là không có. Chỗ đứng trong văn học chắc cũng không. Chỉ còn lại đôi chút quý mên của một số người đọc, bạn bè cũng là quý lắm rồi.

Ông không phải là người đầu tiên làm thơ cũng không phải người cuối cùng. Hàng ngàn nhà thơ đã làm hàng vạn bài thơ nay phỏng được bao nhiêu người? Nguyên Sa có một tập thơ: Những năm sáu mươi, do nhà Trình Bày xuất bản. Mà trong phần bài tựa ông viết: Nhà nước là một nhân vật buồn cười... Hay câu chính trị là một động vật được đào luyện như thế... khi bài thơ “Điệu buồn cho Charlie” của ông bị bộ Thông tin kiểm duyệt, không cho in. Nay mấy người còn biết đến những câu thơ của một “Nguyên Sa khác”:

*Ra nhìn coi  
Mùa xuân đã trôi qua  
Mùa hạ đã trôi qua  
Mùa thu đã trôi qua  
Bây giờ là mùa đông  
Mùa đông ở trên vai  
Mùa đông trên thành phố  
Lá chết ở trên cành  
Cành chết ở trên cây  
Cây chết ở trên đường*



*Thành phố  
Phải thành phố đó  
Thành phố chiến xa và đại bác  
Thành phố trống vắng...*

Hay bài “Cắt tóc ăn tết”

*Cắt cho ta, hãy cắt cho ta  
Cắt cho ta sợi dài  
Cắt cho ta sợi ngắn  
Cắt cái sợi ăn gian  
Cắt cái sợi nói dối  
Sợi ăn cắp trên đầu  
Sợi vu oan dưới gáy  
Sợi bẻ phái đâm ngang  
Sợi ghen tuông đứng dọc  
Sợi xích chiến xa, sợi dây thòng lọng  
Sợi hươu chiến mỏng manh, sợi hận thù buộc chặt  
Sợi nắp trong hầm  
Sợi ngòi trong hố  
Sợi đau xót như giầy dù chẳng mở  
Sợi treo cổ tình yêu, sợi trói tay hy vọng  
Cắt cho ta, [...]*

*Hãy cắt tóc  
Hãy cắt tóc và nhìn  
Mặt quê hương đổi mới.*

*Trích thơ Những năm sáu mươi, Nguyễn Sa, Trinh Bày. Sách gồm 63 bài thơ, bị kiểm duyệt nên đành in photocopie.*

Hơn 30 chục năm ở Hải ngoại, nắm trong lòng bàn tay được bao nhiêu nhà thơ nổi tiếng? Tôi chỉ cầu được vài người cũng là quý rồi.

### **Vai trò các “thẩm phán quan văn nghệ” trong các báo Văn Học**

Phải nói thẳng là những tờ báo có uy tín như Sáng Tạo khó có người “lạ” lọt vô được tờ báo để đăng thơ đăng bài. Trước sau, Sáng Tạo gồm có Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Sỹ Tế, Thái Tuấn, Tạ Ty, Cung Trầm Tưởng, Tô Thùy Yên, Quách Thoại, Nguyễn Văn Trung, Hoàng Thái Linh, Trần Thanh Hiệp. Sau này có thêm Thảo Trùng. Chỗ nào cho những nhà thơ khác có thể có mặt trên Sáng Tạo khi Sáng Tạo đã có thứ “Thơ Tự Do”, “Thơ Hòm nay” của Thanh Tâm Tuyền, Quách Thoại?

Phải khiêm tốn mà nhìn nhận như vậy.

Tờ Hiện Đại cũng vậy, ngoài những khuôn mặt quen thuộc như Mặc Đỗ, Mặc Thu, Đinh Hùng, Hoàng Anh Tuấn, Doãn Quốc Sỹ, Tạ Ty, Thanh Nam, Lưu Trung Khảo, Trịnh Viết Thành, Hoàng Anh Tuấn, Thái Thủy, Nguyễn Duy Diễn, Tô Kiều Ngân, Đinh Hùng, Hoàng Hải Thủy. Họ đều là bạn bè “lâu đời” của Nguyễn Sa mà phần đông là các nhà giáo hoặc bạn bè thời du học bên Tây.

Họa hiếm có hai người lọt được vào tờ Hiện Đại là nhà thơ Sao Trâm Rừng và Trần Thy Nhã Ca.

Tờ Trình Bày, Đất Nước ở một dạng khác, ít chú trọng tới thơ văn sáng tác. Nhưng chú trọng tới khuynh hướng chính trị với phần lớn những nhà văn trí thức trẻ cùng chí hướng như Nguyễn Ngũ, Nguyễn Quốc Thái, Tôn Thất Lập, Trần Tuấn Nhậm, Nguyễn Ước, Võ Hồng Ngự, Nguyễn Khắc Ngữ, Nguyễn Đa, Nguyễn Đồng, Thái Ngọc San, Hoàng Ngọc Nguyên, Huỳnh Ngọc Sơn, Trần Hoài Thư, Trần Đông Phương, Chu Vương Miện, Mường Mán, Thế Vũ, Cao Thanh Tùng, Nguyễn Sa Mạc, Nguyễn Đăng Thường.

Chỗ của thi ca thật là hiếm hoi. Và nếu có thơ thì đó là thứ thơ đầy lửa đấu tranh hoặc khát vọng hòa bình.

Tờ Bách Khoa thì tiếp đón rộng rãi hơn đủ loại nhà văn: già trẻ có, khuynh hướng chính trị từ tả sang hữu, sử gia có. Các bài về triết học có, ngôn ngữ học có, kinh tế, chính trị có. Có thể nói đến một nửa số nhà văn ở miền Nam cộng tác với Bách Khoa. Rất nhiều nhà văn ở thế hệ thứ hai xuất thân từ Bách Khoa.

Xin xem thêm đầy đủ hai bài viết của người viết bài này: Những người cộng tác với Bách Khoa và bài Từ Huỳnh Văn Lang đến Lê Ngọc Châu.

Một nhà văn có mặt ở các báo chí trên kể như có chỗ đứng trên văn đàn văn học.

Vì thế, phần lớn các nhà thơ trẻ chưa nổi danh chỉ có một lối thoát là tự in, tự ấn hành, tự trao đổi với nhau, tự nhìn nhận nhau.

Hiếm hoi mới có nhà thơ, nhà văn được nhìn nhận, nghĩa là có tên chính thức trên các báo văn học.

Sự chọn lọc các nhà thơ, nhà văn trẻ do một số nhà văn lão thành ở thời điểm từ 1954-1975 như sau :

Tờ Bách Khoa có Võ Phiến, Nguyễn Ngu Ý, Nguyễn Hiến Lê và nhất là Lê Ngọc Châu.

Tờ Sáng Tạo có Mai Thảo và sau này ở tờ Văn.

Tờ Văn do Trần Phong Giao.

Tờ Hiện Đại do Nguyễn Sa Trần Bích Lan.

Tờ báo Sống do Chu Tử.

Tờ Trình Bày, Đất Nước do Thế Nguyên, Nguyễn Văn Trung..

Thử hỏi một số nhà văn ở thế hệ thứ hai làm thế nào để có chỗ trên chiếu Văn Học? Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Nguyễn Mộng Giác, Túy Hồng có mặt vào lúc nào, ở đâu?

Những “cây cỏ thụ” trong Văn Học, những chủ bút, nhà báo, những nhân sĩ trí thức ấy uy tín của họ lớn lắm, ảnh hưởng tới sinh hoạt văn học toàn miền Nam.

Sự nổi tiếng của nhà thơ Nguyễn Tất Nhiên ở tuổi 18, 20 cho dù có văn tài thực sự đi nữa cũng là điều hiếm hoi có một không hai nếu không nhờ vào tính “xông xáo” thi sĩ và sự dơ tay ra của Du Tử Lê.

Và cho dù thơ của thi sĩ đã được Phạm Duy phổ nhạc, thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên cũng không thể len lỏi vào các tờ báo Văn học ở miền Nam lúc bấy giờ.

Vì thế, sự phê phán về thơ Nguyễn Tất Nhiên, xin đặt vào bối cảnh 1970 để có thể hiểu được những phát biểu của Trần Phong Giao nay đã không còn nữa. Đúng sai chỉ có Du Tử Lê và Trần Phong Giao biết, nay một người sống, một người đã chết.

Ngoài ra, đừng quên rằng, với luật đào thải, có vô số các nhà văn nhà thơ dù đã có tiếng tăm một thời vẫn có thể bị rơi vào quên lãng, hoặc xuất hiện họa hiếm, hoặc loại hẳn ra bên lề sinh hoạt văn học một cách này cách khác một cách không thương tiếc.

Vì thế, thơ của Nguyễn Tất Nhiên chắc hẳn không phải là thứ thơ có thể đi vào bất tử. Những người còn lại hôm nay, bạn bè quen biết cứ dành những tình cảm tốt đẹp cho thơ ông đi, nhưng rồi ra sau đó thời gian sẽ xóa nhòa tất cả.

Tiêu biểu nhất là nhà văn Nhất Linh, nổi tiếng của cả một thời. Các nhà văn khác, các độc giả vẫn quý mến, trân trọng, nhưng số người không đọc ông càng ngày càng nhiều. Cũng đừng quên còn vô số nhà văn khác cũng rơi vào hoàn cảnh tương tự. Chẳng hạn Tchya Đái Đức Tuấn, tự Mai Nguyệt, viết phiếm cho Chính Luận một thời. Cụ Á Nam Trần Tuấn Khải, Phú Đức, Vi Huyền Đắc, Đông Xuyên, Hoàng Khanh, Thạch Hà, Thế Viên, Hợp Phố [theo cộng sản], Thẩm Thệ Hà, Đông Hồ, Tam Lang, Quách Tấn, Thiên Giang, Vũ Bằng, Phạm Văn Hạnh, Vân Trang, Nguyễn Đức Quỳnh, Lê Văn Siêu, Bằng Bá Lân, Mộng Tuyết, Phạm Cao Cung, Kiêm Minh và nhất là Lê Văn Trương.

Lê Văn Trương, tác giả của 255 cuốn truyện dài. Và vào cái thời 1935-1940, thiên hạ “mê Lê Văn Trương như điên”.

Thế giá văn học “NGƯỜI HÙNG” như Lê Văn Trương đến một lúc nào đó vẫn có thể bị đào thải và xin đọc đôi dòng trích dẫn sau đây để thương cho số kiếp nhà văn.

*“Vậy mà lúc chết không có đồng xu dính túi. Chết nằm nhà thương Chợ Rẫy, tiền giường 160 đồng/ngày. Trước khi vào nhà thương bán nhà lấy tiền đặt cọc 10 ngàn đồng mới khỏi phải nằm giường thí. Hội Văn bút với Thanh Lãng, Nguyễn Văn Trung, Vi Huyền Đắc phải quyền tiền giúp anh mỗi người một tay. Trần Tuấn Kiệt thay mặt chủ báo Nguyễn Vũ giúp 500 đồng. Thi sĩ Nguyễn Hữu Túy giúp 300 đồng, Nguyễn Đắc Lộc 700 đồng. Lúc chết nợ hàng xóm 5000 đồng mà không ai nhớ đời”.*

*Tóm tắt bài: Vài kỷ niệm về Lê Văn Trương của Nguyễn Ngu Ý, đăng trên Bách Khoa, CLXXIV, ngày 27 tháng 2, 1964.*

Viết phần này để thấy số phận cay nghiệt dành cho các nhà văn như thế nào và đừng quá chú quan trọng đánh giá nhà thơ này, nhà thơ kia.

Người đọc nên hiểu sinh hoạt văn học với luật đào thải tự nhiên để thấy rằng may lắm thì một nhà văn, nhà thơ có một thời. Họ có tiếng tăm một thời. Nay không còn là những nhà văn tiêu biểu nữa. Ai có thể so sánh được với Nhất Linh, với Mai Thảo?

### **Số phận dành cho thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên cũng là số phận dành cho nhiều nhà thơ nổi tiếng khác**

Hình như bệnh tật đi đôi với tài năng, ngay cả trường hợp đối với những người mất trí. Theo những thí nghiệm bệnh lý học, người bệnh trí nhìn vũ trụ như tan vỡ và bị tán vụn. Chính vì thân thể của họ không còn là một thân thể tri giác bình thường.

Nghĩa là có một vũ trụ của tri giác bình thường. Nhưng cũng có một vũ trụ dành cho người mất trí với nhãn quan khác thường.

Chẳng hạn Holderlin điên loạn rờn rã 40 năm và ông đã để lại hơn 200 bài thơ và nhiều bài ca. Chúng ta thử xem Holderline đã cảm nghiệm, cảm xúc thế nào về vũ trụ trước mắt ông? Dĩ nhiên, cảm xúc này không thể giống cảm xúc của người có tâm trí bình thường. Trong bức thư gửi cho Neuffer, người bạn của ông [12.11.1798], Holderlin đã phác họa một trong những giờ phút đặc biệt cảm hứng thơ của ông bằng những dòng sau đây:

*“Cái gì là hồn sống trong thơ chính là mối bận khoăn lớn của tâm hồn và tinh thần của tôi lúc này. Tôi cảm thấy một cách sâu xa rằng: tôi còn rất xa với lý tưởng cao cả đó. Nhưng cả con người tôi phấn đấu để đạt tới đích đó. Nhiều khi tôi cảm xúc, xáo động đến nỗi phải khóc như một đứa trẻ nhỏ. Than ôi, Từ khi còn xuân xanh, tôi đã cảm thấy vũ trụ, như đe dọa tâm thần tôi và khép kín trước mắt tôi. “*

*Trích Thiên nhiên trong thi ca Holderlin của Hoàng Châu Thanh, Thế Kỷ 20, số 1, từ trang 54-đến 61*

Đặc biệt các nhà thơ tài danh thường mang bệnh hoạn và mệnh yếu. Phải chăng chính cái không bình thường ấy tạo nên danh phận nhà thơ?

- Nguyễn Nhược Pháp (1914-1938): con của văn hào Nguyễn Văn Vĩnh. Nguyễn Nhược Pháp qua đời vì bệnh thương hàn ngày 19-11-1938, để lại cho đời dăm bài thơ và chết yểu. Như bài *Tay ngà*, *Chùa Hương* trong tập *Ngày xưa*. Tân Fong Hiệp trong một bài viết đăng trên Bách Khoa gọi ông là nhà *thơ dễ thương*. Mà ông dễ thương thật như bài *Chùa Hương*...
- Quách Thoại: Người viết xin trích dẫn là bài viết của Lý Hoàng Phong, anh ruột của Quách Thoại mà may mắn người viết còn sưu tập được. Bài viết cũng được đăng trên Thế kỷ 20 của Nguyễn Khắc Hoạch. Người viết muốn giới thiệu đặc biệt về nhà thơ này mà phần đông bạn đọc bây giờ đã không được biết đến tên tuổi. Quách Thoại sống giữa thời loạn ở thành phố Huế ngột thở, tù hãm giữa những chém giết, hãm hiếp, ám sát, tù đầy. Cuộc đời ông bỗng nhiên biến thành những ngõ hẻm bế tắc mà mỗi người phải lựa chọn lấy một nhãn hiệu khoác vào mình: Quốc gia, cộng sản, thành phần thứ ba. Lớn lên Thoại sa lầy vào con đường mất lý tưởng, mất phương hướng vì tự thấy có lựa chọn nào rồi đi vào con đường trụy lạc nơi những tiệm hút. Thoại bỏ Huế vài Sài Gòn và như một phép lạ, Thoại tìm thấy được cuộc đời, sự thật, niềm tin tưởng, ước mơ và hoài bão.

Đó là con đường của nghệ thuật, của thi ca. Quách Thoại viết cho Người Việt. Tờ này chết, Thoại viết tiếp, đăng thơ trên Sáng Tạo. Danh của Thoại được nhiều người biết đến từ đấy. Nhưng rồi sức lực mỗi ngày một suy tàn do nghiện ngập tàn phá. Thoại biết mình không sống lâu được nữa. Quẫn trí và tuyệt vọng. Xin ghi lại vài dòng thơ của Quách Thoại mở đầu cho dòng thơ được gọi là thơ Tự Do cùng với Thanh Tâm Tuyền trên tờ Sáng Tạo.

*Ôi! Những tâm hồn nghệ sĩ  
Chúng ta không quý lâu được ở ghé nhà thơ  
Chúng ta yêu cực điểm một người đàn bà  
Nhưng vẫn muốn chết  
Sau khi làm xong một bài thơ  
Chúng ta là những kẻ hoàn toàn bơ vơ  
Không chịu thở theo nhịp đều hơi thở... [...]  
Những kẻ bộ hành đứng dưới một mái hiên ga  
Để thấy tàu đi rồi khóc  
Và lại nghĩ rằng  
Mình cũng đã từng đi...*

Thoại cũng đã từng đi. Và bây giờ, đã sắp đến đoạn đường cùng, sắp đến giờ từ giã cuộc đời mà nó từng yêu, từng say mê, từng chiến đấu. Nước mắt lại tuôn ra ướt đẫm trên má nó. Nó thẫn thức khóc.

Vài tuần sau, Thoại hấp hối trong bệnh viện nơi một căn phòng bố thí. Thoại nằm xuống lòng đất trong một bộ áo tu trắng với nơi cổ tay một tượng ảnh Đức Mẹ. Những giờ vất vả với cái chết trên giường bệnh, Thoại van xin "Lạy Thượng Đế ban ơn". Cho đến phút chót. Thoại vẫn kêu gào muốn sống. Thoại mất ngày 7-11-1957. Người viết bài này nhớ lại còn ngỡ ngàng khi nghe tin ông mất và vẫn tự hỏi tại sao ông lại chết sớm như thế?

Đến bây giờ người viết vẫn tự hỏi, ông là cây bút chủ lực về thơ Tự Do của Sáng Tạo mà sao lúc chết cô đơn một mình, phải nằm giường thí. Chỉ có hai người bên cạnh ông lúc chết là một người bạn thân và người anh ruột là Lý Hoàng Phong. Những Mai Thảo, Doãn Quốc Sĩ, Trần Thanh Hiệp đâu rồi? Vậy mà sau khi Quách Thoại chết, đã có biết bao nhiêu bài viết ca tụng Quách Thoại? Lúc sống bị bỏ rơi, lúc chết thì không thiếu lời ca tụng...Điều đó phải chăng cũng đúng trong trường hợp Nguyễn Tất Nhiên vào 2, 3 năm cuối đời. Ông sống lang thang, lạc loài không nơi nương tựa vì sự bỏ rơi của bạn bè, của gia đình và chết trước sân chùa.

Cái thương, cái nhớ của người đời nhiều khi cũng khó nói lắm.

Những gì Du Tử Lê nói về cá tính con người Nguyễn Tất Nhiên có thể là đúng như vậy. Cái bất thường trong cá tính con người Nguyễn Tất Nhiên phải chăng đã ảnh hưởng thơ văn của ông? Và cuối cùng là bi kịch của một cái chết tự ý. Hệ lụy cuộc đời làm nên hệ lụy văn chương bằng một cái giá trả khá đắt.

Thi ca giao hòa với âm nhạc

Thi ca và âm nhạc như có đồng điệu. Cung Trầm Tưởng trong thời gian ở Pháp có làm rất nhiều thơ tình. Nhưng có hai bài thơ rất lãng mạn nổi tiếng một thời là bài *Mùa thu Paris* và bài *Chưa bao giờ buồn thế*.

Theo Cung Trầm Tưởng, khi trả lời Mặc Lâm, RFA ngày 06-1-2010 thì:

Ngôn ngữ bài thơ thật ra không phải mới lạ, phá cách để nổi tiếng. Chúng ta đọc thử:

*Mùa thu Paris*

*Trời buốt ra đi*

*Hẹn em quán nhỏ*

*Rừng rưng rượu đổ tràn ly*

*Mùa thu đêm mưa*

*Phố cũ hè xưa*

*Công trường lá đổ*

*Ngóng em kiên khổ phút, giờ*

*Mùa thu âm thầm*

*Bên vườn Lục Xâm*

*Ngồi quen ghé đá*

*Không em buốt giá từ tâm*

*Mùa thu nơi đâu ?*

*Người em mắt nâu*

*Tóc vàng sợi nhỏ*

*Mong em chín đỏ trái sầu*

*Mùa thu Paris*

*Trần dâng đôi mi*

*Trời mùa đông Paris*

*Không bao giờ có sao*

*Trời mùa đông Paris*

*Chưa bao giờ buồn thế*

Bạn đọc bài thơ và giả dụ bài thơ này không được Phạm Duy phổ nhạc thì số phận nó sẽ ra sao?

Để trả lời câu hỏi này, tôi trích dẫn một đoạn thơ khác của Cung Trầm Tưởng để bạn đọc có nhớ được bài thơ này hay không?

*Huệ trắng tinh nguyên sau một đêm*

*Huệ trong thư các, huệ ngoài thêm*

*Sớm nay chủ nhật thơm thương quá*

*Chỉ có Sài Gòn trong dáng em*

Và một đoạn thơ khác trong bài “Nụ hôn khóc liệt”

*Cõi sâu ta tinh khiết  
Thép quắc vàng trán cao  
Phong sương dệt chiến bào  
Với máu se làm chỉ*

Xin giới thiệu trường hợp khác là nhà thơ Phạm Thiên Thư.

Phạm Thiên Thư, tức tu sĩ Tuệ Không, tên thật Phạm Kim Long, sinh tại Thái Bình, tốt nghiệp Đại Học Vạn Hạnh, ngành Phật Học và Triết học Đông Phương năm 1970, viết cho Bách Khoa, Quần Chúng, Vấn Đề, Quạt Khởi, Hóa Đạo, Khởi Hành, Tư Tưởng. Ông cho biết vào năm 1970, có viết năm bản thảo thi hóa kinh Phật và được đăng trên tuần báo *Đời*, trong đó có hai tập là Kinh Ngọc, tức Kinh Kim Cương và Kinh Thơ, tức Pháp cú kinh được giao cho Nguyễn Đức Quỳnh. Nguyễn Đức Quỳnh lúc bấy giờ bị ung thư dạ dày đang nằm bệnh viện, Phạm Thiên Thư vào thăm nên đồng thời gặp Phạm Duy ở đó.

Nguyễn Đức Quỳnh thích bài thơ Pháp thân, rồi nhân tiện đưa cho Phạm Duy, thế rồi Phạm Duy phổ nhạc để trở thành bài Đạo Ca 1 kể từ từ đó. Sau đó tiếp theo là 9 bài đạo ca khác ra đời. Chúng ta hãy nghe lời phát biểu của Phạm Thiên Thư về Phạm Duy:

*“Nhưng tôi phải nhận ở con người Phạm Duy là đa diện. Anh Phạm Duy còn là một nhà thơ có trực cảm bén nhạy và nhiều ngôn ngữ rất đẹp. Dù nhiều đoạn anh phải lược, đôi câu anh phải thêm cho hợp với kỹ thuật hòa âm, và một vài chữ cũng phải thay thế mà ý nghĩa vẫn không bị thiếu, và chẳng khác gì nguyên tác. Tóm lại, qua 10 bài Đạo ca, tôi vì “Tứ mà phải hạn “Tứ”, anh Phạm Duy vì “âm “ mà phải bớt “tứ”.*

*Đó là cả một nỗ lực để hòa hợp tương xứng giữa lý tưởng- từ hoa- và âm điệu.*

*Anh Duy cho biết cảm tưởng của anh khi mỗi khuya nằm nghe Đạo ca- dường như một người khác Phạm Duy làm – Tôi cũng có trực giác như vậy về mình”.*

*Trích tóm tắt bài phỏng vấn Phạm Thiên Thư về Đạo ca và Kinh Ngọc, do loạt bài phỏng vấn giới nhạc sĩ của Nguyễn- Ngu- Í đăng trên Bách Khoa CXXIV.*

Nhà thơ Phạm Thiên Thư còn tiết lộ cho biết chỉ nội bộ Pháp Cú Kinh gồm 423 câu, tác giả đã thi hóa thành ra 423 bài thơ ngũ ngôn. Nghĩa là có hàng ngàn câu thơ như thế đã được thi hóa. Ai trong chúng ta có thể nhớ một câu thơ nào trong hàng ngàn câu thơ ấy ngoài những câu thơ đã được phổ nhạc trong 10 bài Đạo ca của Phạm Duy?

Trong Hồi ký Phạm Duy, ông đã viết như sau về trường hợp bài “Ngày xưa Hoàng Thị”:

*“Tôi và Phạm Thiên Thư yếu mến nhau từ đó. Sau đó chúng tôi gặp nhau hầu như hằng ngày. Đọc được bài thơ “Ngày xưa Hoàng Thị” mà anh bạn trao cho tôi, tôi như bắt được viên ngọc quý và xin phổ nhạc ngay:*

*Em tan trường về  
Đường mưa nhỏ nhỏ  
Anh theo Ngộ về  
Giọt giầy lạng lẽ đường quê...*

*Từ đó, tôi luôn luôn tìm đọc thơ của Phạm Thiên Thư như tập thơ “Đưa Em Tìm Động Hoa Vàng” hay bài thơ “Gọi em là đóa hoa sâu” để phổ thành những bài hát thanh cao nhất của thời đại...[...] Bài “Đưa em tìm động hoa vàng” được rút ra từ mấy trăm câu thơ của thi sĩ, và ta chỉ cần có hai đoạn ca là nói lên hết được cái cảnh ngày xưa, có kể từ quan, lên non tìm động hoa vàng”*

*Trích tóm lược Hồi ký Phạm Duy, tập 3, chương 21, trang 1-5*

Thật không ở đâu Thi ca và âm nhạc lại cuốn lấy nhau như thế. Họ gặp nhau trong nghệ thuật và nhờ thế đưa thi ca và nhạc cất cánh bay lên.

Trong bài viết của tôi có dành gần một trang để chê trách Phạm Duy đã lấy thơ của Nguyễn Tất Nhiên mà không có một lời.  
Nhân cách Phạm Duy thật đáng để phê phán.

Tuy nhiên, chúng ta phải nhìn nhận rằng, Phạm Duy là tay “phù thủy” về âm nhạc. Ông đã đưa thi ca và âm nhạc lên một tầng cao, hòa điệu với nhau nên những tình khúc bất diệt. Ông đã phổ nhạc khoảng 1000 bài thơ của các thi sĩ và trong nhiều bài, nhất là những bài thơ tình của Alice ấy nay trở thành những bài tình ca bất hủ.  
Riêng trường hợp Nguyễn Tất Nhiên, nếu không có bàn tay phù thủy của Phạm Duy, những bài thơ tình của Nguyễn Tất Nhiên có thể không có một số phận may mắn như hiện nay.  
Phải cảm ơn đời, cảm ơn những người nghệ sĩ đã cho ta những giây phút tuyệt vời để quên đi những nhỏ nhen ti tiện và những tranh đua ngoài phạm vi nghệ thuật.

## Hai bài thơ tình của Du Tử Lê từ tên một người nữ: Hoàng Thụy Châu.

*Nguồn Thơ Tình Miền Nam, Thư Án Quán sưu tập và xuất bản năm 2006*

Chúng tôi xin đăng lại nguyên văn đầy đủ hai bài thơ tình nổi tiếng của Du Tử Lê được phổ nhạc do chúng tôi sưu tầm trên các tạp chí văn học miền Nam trước 1975 ở thư viện đại học Cornell. Bài thứ nhất là *Khúc Thụy Du*. Bài thứ hai: *Khúc thêm cho H.Châu*.

Việc đăng này bắt nguồn từ việc đọc bài tản mạn của Nguyễn thị Hải Hà : Một chuyến đi xa, một cuộc gặp gỡ

### khúc thủy du

1.

như con chim bói cá  
trên cọc nhọn trăm năm  
tôi tìm đời đánh mất  
trong vũng nước cuộc đời

như con chim bói cá  
tôi thường ngừng cánh bay  
ngước nhìn lên huyết lộ  
bầy quạ rĩa xác người  
(của tươi đời nhượng lại)  
bữa ăn nào ngon hơn  
làm sao tôi nói được!  
như con chim bói cá  
tôi lặn sâu trong bùn  
hoài công tìm ý nghĩa  
cho cảnh tình hôm nay  
trên xác người chưa rửa  
trên thịt người chưa tan  
trên cánh tay chó gặm  
trên chiếc đầu lợn tha  
tôi sống như người mù  
tôi sống như người điên

tôi làm chim bói cá  
lặn tìm vương đời mình  
trên mặt dài nhiên lặng  
không tắm nào sủi lên  
đời sống như thân nắm  
mỗi ngày một lùn đi  
tâm hồn ta cọc lại  
ai làm người như tôi?

2.

mịn màng như nổi chết  
hoang đường như tuổi thơ  
chưa một lần hé nở  
trên ngọn cờ không bay  
đôi mắt nàng khôn khép  
bàn tay nàng khôn thừa  
lọn tóc nàng đêm tối  
khư khư ôm tình dài  
ngực tôi đầy nắng lửa  
hãy nói về cuộc đời  
tôi còn gì để sống?  
hãy nói về cuộc đời  
khi tôi không còn nữa  
sẽ mang được những gì  
về bên kia thế giới  
thụy ơ và thụy ơ

3.

tôi làm ma không đầu  
tôi làm ma không bụng  
tôi chỉ còn đôi chân  
hay chỉ còn đôi tay  
sờ soạng tìm thi thể  
quờ quạng tìm trái tim  
lấn tan cùng vô đạn  
dính văng cùng mảnh bom  
thụy ơ và thụy ơ  
đừng bao giờ em hỏi  
vì sao mình yêu nhau  
vì sao môi anh nóng  
vì sao tay anh lạnh  
vì sao thân anh rung  
vì sao chân không vững  
vì sao anh van em  
hãy cho anh được thở  
bằng ngực em rữ buồn  
hãy cho anh được ôm  
em, ngang bằng sự chết!  
tình yêu như dao nhọn  
anh đâm mình, lút cán  
thụy ơ và thụy ơ



không còn ý nghĩa gì  
ngoài tình em tình em  
đã ướt đầm thân thể  
anh ru anh ngủ mùi  
đợi một giờ linh hiển.  
(3-68.)

### **khúc thêm cho h. châu**

hạnh phúc tôi từ những ngày nước lớn  
trời mưa mau tay vuốt mặt không cùng  
bầy sẻ cũ hom hem chiều ngói xám  
trời xanh xao chân nhỏ cũng không về  
cây mộng nở từng ngón tay lá nõn  
nôi tương tư cô ẩm thịt da người  
tôi hiu hắt từ mắt em ngắt tạnh  
môi thâm khô từ buổi định xin hôn  
ngày tháng hạ khi không mà trở rét  
em khi không mà trở mặt điêu ngoa  
tay trông ngóng hương đưa mùi tóc mạ  
ngọn me xa theo ký ức rì rào  
chiều qua đó chân ai còn riu rít  
lời ai say cho trời đất lại gần  
kỷ niệm tôi từ những ngày vỡ tiếng  
nhấn nha gom từng cọng thiết tha rơi  
con để nhỏ lớn lên đầm tiếng hát  
khi đêm về ru giọng đờn đau hơn  
cây niên thiếu cũng thui mằm trong sáng  
lá oan khiên lả tả mái hiên người  
tôi èo ọt từ những ngày cả gió  
con để buồn tự tử giữa đêm sương  
bầy sẻ cũ cũng qua đời lặng lẽ  
ngọn me xưa già khộm tiếc thương hờ  
em ở đó bờ sông còn ẩm cát  
con sóng tình vỗ mãi một âm quên.

